

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
HUYỆN NA RÌ
(1930 - 1975)

THE
DANG BQ
IN AM (1970)
(1970) (1970)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ
HUYỆN NA RÌ
(1930 - 1975)

HUYỆN ỦY NA RÌ XUẤT BẢN
NĂM 2000

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Ban Thường vụ Huyện uỷ

Chỉ đạo biên soạn:

- Triệu Thiêm Cao, Bí thư Huyện uỷ
- Hoàng Đức Hoan, Phó bí thư Huyện uỷ
- Nông Văn Phách, Ủy viên Ban Thường vụ,
Trưởng ban Tuyên giáo.

Biên soạn:

TS. Hoàng Ngọc La (Chủ biên)

PGS, TS. Vũ Anh Tuấn

Tư liệu:

Hoàng Văn Nhạn

Ảnh:

Ban Tuyên giáo Huyện uỷ

Sửa bản in:

Trương Diệp Bích

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì về việc nghiên cứu biên soạn cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Na Rì (1930-1975)*, tại kỳ họp thứ 29 của Ban Thường vụ Huyện ủy ngày 23 tháng 3 năm 1998 đã đề ra chủ trương, kế hoạch chỉ đạo việc biên soạn cuốn lịch sử này nhằm dựng lại những trang sử vẻ vang của Đảng bộ trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám, kháng chiến chống thực dân Pháp, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, cứu nước.

Lịch sử Đảng bộ huyện Na Rì (1930-1975) bao gồm các thời kỳ lịch sử hết sức sôi động với những thành tích vẻ vang mà nhân dân các dân tộc huyện Na Rì giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939-1945, đồng bào các dân tộc Na Rì đã sớm giác ngộ cách mạng, hăng hái tiến bước dưới ngọn cờ của Đảng, lật đổ ách thống trị của đế quốc, phong kiến tay sai, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân, góp phần vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Bước vào thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954), ngay từ năm đầu của cuộc kháng

chiến, Đảng bộ Na Rì đã ra đời và lãnh đạo nhân dân các dân tộc xây dựng Na Rì thành hậu phương vững mạnh về mọi mặt vừa bảo vệ quê hương vừa đáp ứng những yêu cầu ngày càng lớn của tiền tuyến, góp phần vào giải phóng Bắc Kạn (1949), giải phóng Biên giới (1950) và chiến thắng lẫy lừng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, kết thúc 9 năm kháng chiến thần thánh của nhân dân ta.

Na Rì là một trong những huyện miền núi sớm xây dựng được phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, kết hợp với cải cách dân chủ, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền ở nông thôn. Cuộc vận động tổ chức, xây dựng hợp tác xã, vận động đồng bào rẻo cao định canh định cư, phát triển sản xuất, văn hóa, giáo dục ở Na Rì đã mang lại nhiều thành tích đáng kể, cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân. Nhờ đó phong trào hợp tác hóa ở Na Rì cho tới năm 1975 vẫn được giữ vững trên phạm vi toàn huyện, đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì vẫn bảo đảm đáp ứng nhu cầu tiền tuyến "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" nhằm bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng bộ Na Rì không ngừng trưởng thành về mọi mặt, Đảng bộ thường xuyên liên hệ chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân các dân tộc tin tưởng, ủng hộ và thực hiện thắng lợi mọi chủ trương, chính sách của Đảng.

Phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của mình,

ngày nay Đảng bộ Na Rì đã và đang lãnh đạo nhân dân các dân tộc phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Tiến hành nghiên cứu biên soạn cuốn lịch sử, Ban Thường vụ Huyện ủy Na Rì luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự giúp đỡ của các cấp, các ngành, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí từng tham gia trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện từ 1947 - 1975, đồng bào các dân tộc, các tác giả biên soạn cuốn sách này. Ban Thường vụ Huyện ủy xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ quý báu đó.

Trong quá trình thực hiện, Ban chỉ đạo biên soạn cuốn lịch sử đã có nhiều cố gắng sưu tầm, tổ chức tọa đàm tư liệu, song không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót về tư liệu và cả nghiên cứu biên soạn, Ban Thường vụ Huyện ủy rất mong các đồng chí, đồng bào, cùng bạn đọc cung cấp tư liệu tham gia ý kiến cho cuốn lịch sử.

Na Rì, tháng 12-1999

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY NA RÌ

đang chờ đợi... (text is mirrored and difficult to read)

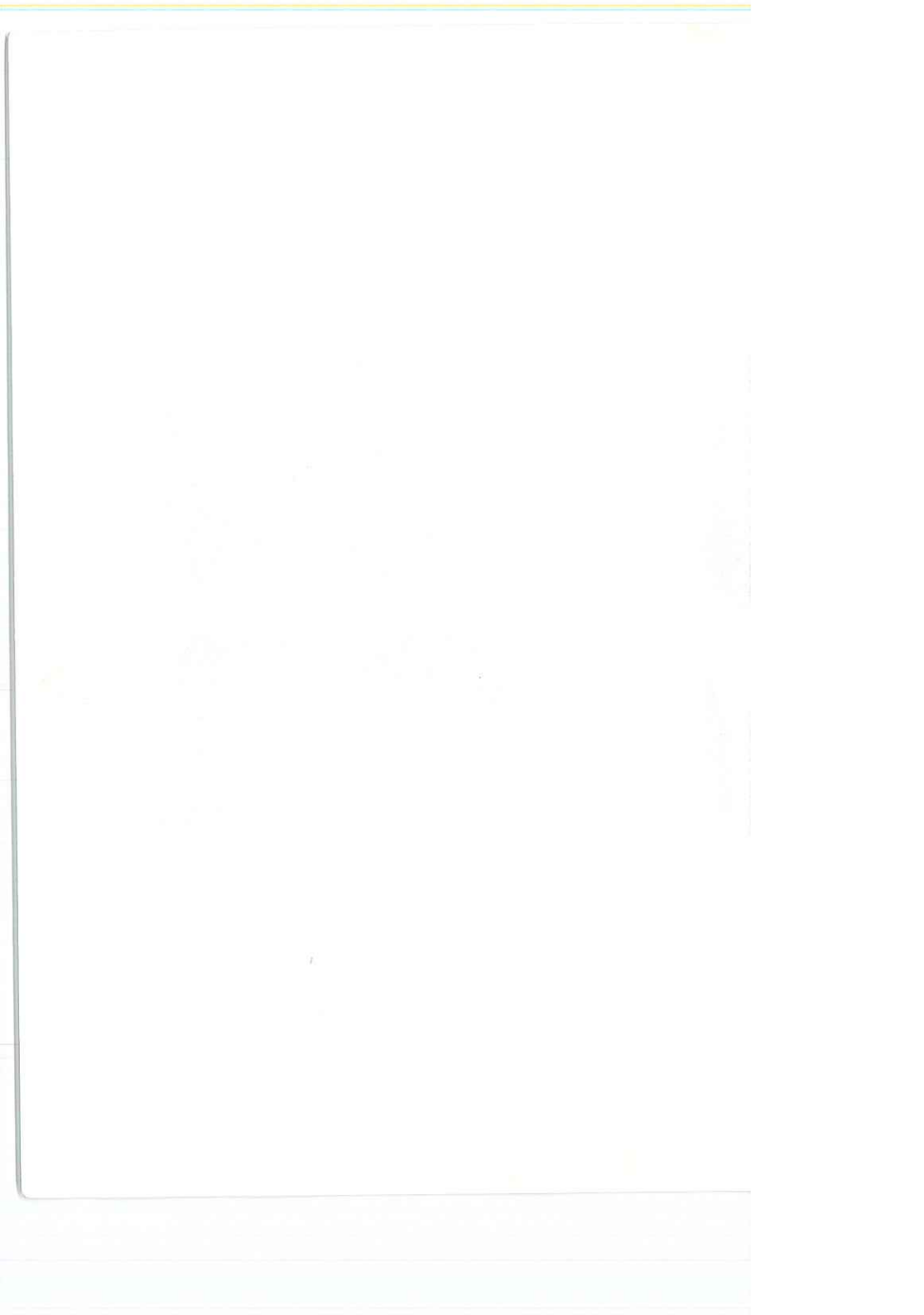
Đến đây... (text is mirrored and difficult to read)

Trong quá trình... (text is mirrored and difficult to read)

Hà Nội tháng 12-1963

BAN THƯỜNG VỤ HỘI CHÁI





Phần thứ nhất

NA RÌ - MẢNH ĐẤT, CON NGƯỜI

Huyện Na Rì thời Trần là vùng đất nằm ở châu Cẩm Hóa, đến thời thuộc Minh là huyện Cẩm Hóa, phủ Thái Nguyên. Tên gọi và địa giới huyện Cẩm Hóa dưới thời Lê và Nguyễn không có gì thay đổi bao gồm các huyện Na Rì, Ngân Sơn và một phần nhỏ phía bắc huyện Bạch Thông (các xã Phương Linh, Vi Hương...) tỉnh Bắc Kạn ngày nay. Thời thuộc Pháp, đồng thời với việc thành lập tỉnh Bắc Kạn (1900) thực dân Pháp lập đơn vị hành chính các châu trong đó có châu Na Rì bao gồm vùng đất phía nam huyện Cẩm Hoá.

Huyện Na Rì ngày nay có diện tích 1.344 km², phía bắc giáp Ngân Sơn, phía đông giáp Bình Gia (Lạng Sơn), phía tây giáp Bạch Thông, phía nam giáp Chợ Mới và Võ Nhai (Thái Nguyên), gồm 21 xã và thị trấn Yên Lạc là huyện lỵ.

Na Rì ở độ cao trung bình 550 mét so với mặt biển, địa hình dốc, thấp dần theo hướng tây nam-đông bắc. Na Rì là huyện có núi non hiểm trở chiếm 90% diện tích tự nhiên. Các xã Kim Hỷ, Ân Tình, Lạng Sơn, Lam Sơn, Cư Lễ, Hảo Nghĩa, Dương Sơn có nhiều dãy núi đá vôi, nổi lên là khối núi Kim Hỷ có diện tích khoảng 150 km², với những ngọn núi cao từ 700 - 800 mét.

Rừng có nhiều loại gỗ quý: đinh, lim, nghiêng, táu... và nhiều loại thực vật, động vật có giá trị kinh tế, được liệt phục vụ cho sản xuất, đời sống của nhân dân các dân tộc.

Dưới lòng đất, lòng sông, suối và các hang núi đá vôi chứa đựng vàng sa khoáng, từ bao đời nay nhân dân vẫn khai thác, đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho đồng bào. Đá vôi trở thành một tài nguyên lớn của địa phương dùng làm nguyên liệu, vật liệu xây dựng nhà, đường sá...

Ngoài suối, Na Rì có hai con sông. Đó là sông Na Rì và sông Bắc Giang thuộc hệ thống sông Kỳ Cùng, có diện tích lưu vực 1.228 km² với chiều dài của cả hai sông là 74 km. Sông Bắc Giang bắt nguồn từ phía nam huyện Ngân Sơn. Sông Na Rì bắt nguồn từ các con suối Liêm Thủy, Xuân Dương, Côn Minh chảy về nhập dòng với sông Bắc Giang ở đoạn Pác Cáp (Lương Thành) rồi chảy về Bình Gia (Lạng Sơn). Về mùa mưa lưu lượng nước

của hai con sông tương đối lớn, bằng thuyền, mảng có thể chở các mặt hàng nông, lâm thổ sản từ huyện lỵ xuôi về Lạng Sơn, góp phần giao lưu hàng hóa giữa các vùng trong và ngoài huyện. Tuy nhiên, vào những tháng có mưa bão, đồng bào thường phải hứng chịu những cơn lũ quét gây thiệt hại mùa màng, tài sản và tính mạng của nhân dân, nhất là ở vùng thấp ven sông. Việc bảo vệ rừng chống phá rừng làm rẫy, khai thác tài nguyên thiên nhiên bừa bãi cũng đang trở thành một trong những nhiệm vụ quan trọng đối với huyện miền núi Na Rì nhằm hạn chế lũ lụt, bảo vệ môi trường.

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, Na Rì có nhiệt độ hàng năm trung bình 21°C , cao nhất là 38°C , thấp nhất là 2°C . Lượng mưa trung bình trong một năm là 1.278 mm, cao nhất là 1.383,7 mm.

Nhìn chung, khí hậu Na Rì mát mẻ, đủ nắng, đủ mưa, độ ẩm thích hợp với việc phát triển các loài thực vật, động vật nhiệt đới. Mặc dầu vậy, mùa đông ở Na Rì thường có sương muối, băng giá hoặc có những thời gian cuối đông, đầu xuân mưa phùn kéo dài, nhiệt độ thấp, làm ảnh hưởng tới sự sinh trưởng của động vật, thực vật, sức khỏe và hoạt động của con người.

Là huyện vùng cao, có núi non bao bọc ngăn

cách với bên ngoài, giao thông Na Rì có nhiều khó khăn. Trước đây việc giao lưu với thị xã và các huyện lân cận chủ yếu bằng hai con đường mòn: đường từ Cầu Phà thị xã Bắc Kạn vượt Kéo Lôm qua Côn Minh vào Sĩ Bình vượt qua các dãy núi đá vôi Kim Hỷ xuống Lạng San về huyện lỵ. Đường hẻm, qua nhiều đèo cao, khe sâu, vận chuyển hàng hoá chủ yếu là người gánh và dùng ngựa thồ. Từ năm 1961 được sự quan tâm của Đảng, Chính phủ, đường ô tô Na Rì - Bắc Kạn qua đèo Áng Toòng được khởi công xây dựng, đến năm 1965 thì hoàn thành thông với Quốc lộ số 3 ở km 13. Cho tới nay, con đường được nâng cấp đi lại thuận lợi có tác dụng thúc đẩy giao lưu kinh tế, văn hoá giữa Na Rì với bên ngoài.

Giao thông nông thôn có bước phát triển mới, từ huyện lỵ đã có đường ô tô đi hầu hết các xã trong huyện.

Na Rì đất rộng người thưa, thời thuộc Pháp dân số Na Rì năm 1932 là 8.740 người, đến 1993, Na Rì có số dân là 32.594 người, gấp 3,7 lần so với năm 1932. Ngày nay Na Rì có số dân 36.158 người với 7.432 hộ (tính đến ngày 1-4-1999).

Na Rì là nơi sinh sống của đồng bào Tày, Nùng, Kinh, Dao, H'Mông.. Đồng bào thường sống tập trung theo dòng họ, gần với ruộng vườn. Các dân tộc Tày, Nùng quần cư trong các thung lũng, ven

sông, ven suối với những chân ruộng bậc thang. Đồng bào Dao trước đây du canh, du cư, phát nương làm rẫy. Đồng bào Kinh và Hoa sống chủ yếu ở các thị trấn làm các nghề may mặc, mở cửa hiệu phục vụ ăn uống, buôn bán tạp hoá.

Na Rì là huyện có nền kinh tế hàng hóa chậm phát triển, cho tới nay vẫn mang nặng tính chất tự túc tự cấp. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa, hoa màu kết hợp với chăn nuôi đại gia súc, gia cầm. Ngoài ra, đồng bào còn làm các ngành nghề thủ công phục vụ cho sản xuất và đời sống được hình thành khá sớm như rèn dao, đúc lưỡi cày, làm gạch, ngói, trồng bông, dệt vải khổ hẹp, làm mộc, đan lát... Trong lao động thể hiện óc thẩm mỹ, sáng tạo của đồng bào như dệt vải thổ cẩm, đan lát các đồ dùng phục vụ sinh hoạt, làm cọn (guồng) đưa nước từ dưới suối lên tưới các chân ruộng bậc thang, làm cối nước giã gạo, bắc máng dẫn nước từ khe về nhà.

Khai mỏ vàng được đẩy mạnh từ thời Pháp thuộc, nay vẫn được tiếp tục bằng phương pháp thủ công.

Trước đây đồng bào các dân tộc còn khai thác các sản vật tự nhiên như măng nứa, măng vầu, nấm hương, mộc nhĩ, các loại trám, củ mài, mật ong cho tới săn bắt các loài chim muông, thú trên rừng, tôm cá ở sông, suối góp phần cải thiện đáng

kể vào bữa ăn hàng ngày. Nay nên kinh tế tự nhiên: săn bắt, hái lượm bị cạn kiệt dần, thay vào đó chủ yếu là các sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi.

Mỗi một dân tộc có một bản sắc văn hóa riêng. Người Dao hay hát mường, trai gái H'Mông thổi khèn, múa khèn trở thành một nhu cầu trong các sinh hoạt cộng đồng. Với đồng bào Tày, Nùng, mỗi mùa xuân đến xóm làng tung bừng trong ngày hội "lồng tồng" (xuống đồng). Ngày xưa, trong lễ hội xuống đồng không chỉ có cầu các vị: thần nông, thần sông, thần núi phù hộ cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tốt tươi, súc vật đầy sân... mà còn là dịp sinh hoạt của cả cộng đồng với nhiều trò chơi mang tinh thần thượng võ như: múa võ, múa sư tử, đua ngựa, kéo co, chơi cù, đánh cầu, tung còn, đấu vật...

Đồng bào sống đoàn kết, đùm bọc thương yêu nhau tạo nên sức mạnh trong sản xuất, khắc phục thiên tai, làm phai, đắp đập. Giúp đỡ nhau trong sản xuất, trong đời sống như làm nhà, cấy lúa, làm cốm, ma chay, cưới xin... là nét đặc trưng trong đời sống của đồng bào. Người Na Rì chân thành, chất phác, hảo hiệp trong các quan hệ, luôn trân trọng những giá trị nhân văn, kính già, yêu trẻ, mến khách, thường quan tâm đến nhau, thăm hỏi tặng quà những khi có người thân, họ hàng,

bè bạn gặp hoàn cảnh khó khăn, đau ốm, chị em sinh đẻ, trẻ sơ sinh đầy tháng; đồng bào giữ mãi tình làng nghĩa xóm bền chặt, quan hệ họ hàng đến năm, bảy đời.

Sự chung đúc, cấu kết trong sản xuất và đời sống cũng chính là cơ sở nảy sinh tinh thần đoàn kết trên dưới một lòng trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc của đồng bào các dân tộc.

Năm 1884, sau khi căn bản hoàn thành cuộc chinh phục Việt Nam, bắt nhà Nguyễn đầu hàng, thực dân Pháp mở các cuộc tấn công xâm lược các tỉnh miền núi Việt Bắc.

Sau khi đánh chiếm các địa bàn xung yếu thuộc các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, quân Pháp từ Cao Bằng kéo xuống, từ Thái Nguyên tiến lên và từ Lạng Sơn tiến sang đánh chiếm các vị trí quan trọng của tỉnh Bắc Kạn.

Năm 1891, một đơn vị quân Pháp từ Lạng Sơn mở mũi tấn công Yên Lạc, mở đầu cho cuộc xâm lược Na Rì và đóng chốt đồn binh ở đó. Nằm trong phong trào kháng chiến chống Pháp của Phùng Bá Chỉ (Ba Kỳ), đồng bào các dân tộc đã góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc trong tỉnh làm chậm quá trình thiết lập bộ máy thống trị của thực dân Pháp ở Bắc Kạn và Na Rì.

Chiếm được Na Rì, một huyện vùng sâu, hẻo

lính của tỉnh Bắc Kạn, thực dân Pháp tổ chức bộ máy thống trị gồm 4 tổng: Lương Thượng, Lương Hạ, Côn Minh và Yên Hân với 17 xã. Đứng đầu bộ máy cai trị cấp huyện là một viên tri châu đặt dưới quyền tên đồn trưởng khố xanh người Pháp đóng tại Yên Lạc¹. Mỗi tổng (từ 3-5 xã) do chánh, phó tổng cai quản, chịu trách nhiệm trước tri châu, bảo đảm việc bắt phu, thu thuế... Ở cấp xã có Hội đồng kỳ mục, chánh, phó lý trưởng. Bên cạnh bộ máy hành chính là hệ thống quân sự bao gồm châu đoàn (ở huyện), tổng đoàn (ở cấp tổng), xã đoàn (ở cấp xã) cùng lực lượng lính đông do xã đoàn phụ trách để bảo vệ nền thống trị của Pháp và tay sai ở cơ sở.

Để dễ bề cai trị, bóc lột nhân dân ta, thực dân Pháp áp dụng chính sách chia để trị cổ truyền hết sức thâm độc. Với các dân tộc ít người như dân tộc Dao, ngoài bộ máy thống trị chung nói trên, thực dân Pháp còn áp dụng hệ thống cai trị riêng do người Dao nắm giữ như động trưởng ở mỗi động, chánh phó tổng ở cấp tổng và chánh phó quản chiêu ở cấp châu. Với người Hoa chúng đặt chức bang trưởng ở cấp cơ sở.

1. Đồn được xây dựng từ năm 1900, tới 1931 thực dân Pháp cho xây lại kiên cố hơn.

Lợi dụng sự chênh lệch về trình độ sản xuất, kinh tế, xã hội, giữa các dân tộc, thực dân Pháp còn tung ra những luận điệu sằng bậy nhằm gây miệt thị, chia rẽ giữa các dân tộc. Mặc khác, chúng duy trì tình trạng lạc hậu ở miền núi, kìm hãm sự phát triển kinh tế, xã hội. Ngoài thuế đinh, thuế điền nặng nề, thực dân Pháp còn bắt dân ta đi phu phen, tạp dịch. Năm 1938, Pháp xúc tiến khai thác vàng ở Lương Thượng, chúng thuê mướn nhân công rẻ mạt đồng thời bắt nhân dân các dân tộc Na Rì đi phu vận chuyển đồ nghề và bán rẻ lương thực, thực phẩm cho chúng. Khai thác vàng bằng phương tiện thủ công ngâm mình giữa dòng suối hoặc chui rúc, đào bới trong các hang động, hầm sâu, làm việc kéo dài, cường độ cao, có người kiệt sức, đau ốm hoặc bị sập hầm thiệt mạng. Bọn chủ mỏ, quan lại giàu có sống phè phỡn trên mồ hôi, xương máu của đồng bào các dân tộc.

Gần 80 năm thống trị của thực dân Pháp ở Na Rì, với chính sách nô dịch của chúng, văn hóa giáo dục bị kìm hãm nghiêm trọng, không có điều kiện để phát triển, cả huyện chỉ có vài cơ sở cấp I không hoàn chỉnh đặt ở Lương Thượng, Yên Lạc, Yên Hân... Nhân dân các dân tộc đau ốm, bệnh tật không có thuốc men, không nơi chữa bệnh. Trong đồng bào Dao nạn hữu sinh vô dưỡng trở nên trầm trọng. Bệnh sốt rét hoành hành trong nhân dân.

Các căn bệnh do thiếu iốt cũng khá phổ biến, nhất là ở phụ nữ, có người bị tàn tật về trí tuệ, song tất cả đều vô phương cứu chữa. Cho tới năm 1930, huyện Na Rì mới có cơ sở y tế, nhưng cũng chỉ có một y tá và một nữ hộ sinh chủ yếu để phục vụ cho bọn thực dân Pháp và tầng lớp thống trị ở địa phương. Ngược lại, thực dân Pháp và bè lũ tay sai ra sức duy trì các tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, cờ bạc, nghiện hút, tảo hôn nhằm làm ngu muội và suy kiệt giống nòi của nhân dân.

Hậu quả của các chính sách nô dịch, thống trị của thực dân Pháp và phong kiến tay sai làm cho tình hình kinh tế, xã hội Na Rì rơi vào vòng tối tăm, lạc hậu, đời sống nhân dân hết sức cùng cực. Đó cũng chính là động lực thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng của đồng bào các dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng trong cuộc vận động cách mạng giải phóng dân tộc 1939-1945.

Kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930), các tỉnh ở Việt Bắc như Cao Bằng, sau đó là Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang sớm có cơ sở và phong trào cách mạng đã dội mạnh ảnh hưởng vào Na Rì, Bắc Kạn.

Ngày 27 tháng 9 năm 1940, khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ, sau đó bị thất bại, đã làm xôn xao dư luận trong nhân dân các dân tộc. Mặc dầu chưa

hiếu cộng sản là gì, song sự nổi dậy của đồng bào các dân tộc ở Bắc Sơn, ngay sát Na Rì, quật đổ nền thống trị của Pháp ở châu lỵ đã cổ vũ tinh thần yêu nước của đồng bào hướng tới hành động cách mạng.

Đứng trước phong trào cách mạng sục sôi của nhân dân ta, phát xít Nhật sau cuộc tấn công và chiếm thị xã Lạng Sơn, bắt Pháp phải nhượng thêm quyền lợi ở Đông Dương cho Nhật, chúng đã thỏa hiệp với Pháp, để thực dân Pháp quay lại đàn áp phong trào cách mạng Bắc Sơn.

Thực hiện âm mưu đàn áp phong trào cách mạng và tiêu diệt đội du kích Bắc Sơn, thực dân Pháp bủa vây và cô lập cách mạng Bắc Sơn từ mọi phía, nhất là phía Na Rì. Bởi lẽ Na Rì, Bắc Sơn địa thế nối liền nhau, đồng bào các dân tộc ở hai huyện này gắn bó nhau trong quan hệ họ hàng, đồng tộc, trong đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Tại Na Rì, thực dân Pháp tăng cường mạng lưới mật thám, đặt thêm nhiều điểm canh, huy động lực lượng lính đồng tuần tra, canh gác ở những nơi xung yếu như Kéo Lôm, Nà Lù, Khau Pi, Kéo Liêng... Bọn mật thám ra sức lùng sục, điều tra các làng bản. Đồng thời với việc tìm kiếm, kiểm soát sự đi lại của nhân dân, thực dân Pháp tuyên truyền xuyên tạc những người cộng sản, các chiến

sĩ du kích Bắc Sơn là "giặc cỏ", "quân phiến loạn" ngăn chặn sự che chở của đồng bào Na Rì đối với du kích Bắc Sơn. Thâm độc hơn, chúng dùng muối ăn (rất khan hiếm đối với Na Rì) và bạc trắng để treo thưởng cho những ai bắt được đảng viên cộng sản, du kích Bắc Sơn. Trong bối cảnh lịch sử lúc đó, đồng bào các dân tộc Na Rì hiểu biết rất ít về cách mạng, nhưng âm mưu và những luận điệu của thực dân Pháp không lừa bịp được nhân dân ta. Âm mưu và hành động ngăn chặn cách mạng của thực dân Pháp và bè lũ tay sai ở Na Rì càng thúc đẩy thêm tinh thần cách mạng của nhân dân.

Khủng bố của thực dân Pháp đối với phong trào cách mạng Bắc Sơn ngày càng quyết liệt, để bảo toàn lực lượng, tháng 8 năm 1941, một bộ phận Cứu quốc quân do đồng chí Phùng Chí Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, chỉ huy trưởng và đồng chí Lương Văn Chi, Xứ ủy viên Bắc Kỳ dẫn đầu đã phá vòng vây theo đường Bắc Sơn - Na Rì qua Ngân Sơn (Bắc Kạn) để lên biên giới Việt - Trung. Khi đến xã Văn Học (Na Rì) thì bị lộ, chánh tổng Thượng đã huy động lính đông truy đuổi. Ngay sau đó, quân Pháp và tay sai thông thạo đường rừng mở cuộc càn quét, phục kích các ngã đường. Tên Garic, quyền công sứ Pháp ở Bắc Kạn điện cho tri châu Ngân Sơn phải chặn bằng được quân ta ở Ngân Sơn. Đến Khau Pàn (Bằng Đức, Ngân

Sơn), Cứu quốc quân rơi vào ổ phục kích của địch. Phùng Chí Kiên bị hy sinh (22-8-1941), Lương Văn Chi bị thương, bị địch bắt (28-8-1941) đem về giam tại nhà tù Cao Bằng và hy sinh ở đó. Số còn lại mưu trí, dũng cảm phá vây, đi lẩn trong đám người buôn muối lên Cao Bằng an toàn.

Sự kiện lịch sử trên vang dội đến mọi tầng lớp nhân dân Na Rì. Thực dân Pháp ra sức xuyên tạc nói xấu Cứu quốc quân nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của cách mạng trong nhân dân.

Trong khoảng thời gian không lâu, sau sự kiện Bắc Sơn khởi nghĩa, đến sự kiện Cứu quốc quân bị khủng bố trên đường qua Na Rì đã tác động đến tâm tư, tình cảm của đồng bào, lay động tinh thần cách mạng trong nhân dân các dân tộc Na Rì.

Bước sang năm 1942, phong trào cách mạng từ căn cứ địa Cao Bằng đã lan đến khu vực phía bắc Ba Bể, Ngân Sơn (Bắc Kạn). Trong những năm 1943-1944, phong trào cách mạng ở Bắc Kạn phát triển mạnh trên địa bàn các huyện Ngân Sơn, Ba Bể, Chợ Đồn và Bạch Thông. Song do thực dân Pháp cố tình bưng bít, ngăn cản, nên vào thời kỳ này Na Rì vẫn chưa có cơ sở và phong trào cách mạng.

Tháng 2 năm 1945, một số cán bộ như Đại Long,

Ngọc Xuân đã đến một số xã phía bắc của huyện Na Rì để tuyên truyền, giác ngộ nhân dân, mới bắt mối vào một số quân chúng chưa gây được cơ sở Việt Minh, thì Nhật đảo chính Pháp, cách mạng Việt Nam đi vào cao trào chống Nhật cứu nước, với Na Rì đó là sự mở đầu lịch sử đấu tranh cách mạng của huyện.

Phần thứ hai

**QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT
TRIỂN MỌI MẶT CỦA ĐẢNG BỘ VÀ
NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC NA RÌ
(1945-1975)**

Phân thư hai

QUY TRÌNH KỸ DUNG VÀ PHẬT
TRÌNH NỘI MẶT CỦA BỘ VÂY
NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC NA RÍ
(1945-1975)

Chương I

XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN VÀ CƠ SỞ ĐẢNG (3-1945 - 12-1946)

I- CUỘC VẬN ĐỘNG, TỔ CHỨC NHÂN DÂN THÀNH LẬP CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (3 - 8-1945)

Bước sang năm 1945, cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai tiến vào giai đoạn kết thúc. Phát xít Đức bị Hồng quân Liên Xô và Đồng minh tấn công như vũ bão đang đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt. Ở châu Á - Thái Bình Dương, phát xít Nhật cũng đang bị Đồng minh uy hiếp nghiêm trọng, phạm vi chiếm đóng của phát xít Nhật bị thu hẹp lại. Sống chết Nhật phải bám lấy Đông Dương. Trong khi đó, kể từ sau ngày nước Pháp được giải phóng (tháng 8-1944), quân Pháp ráo riết hoạt động để khôi phục lại toàn quyền thống trị của chúng ở Đông Dương. Vì thế, ngày 9 tháng 3 năm 1945, phát xít Nhật nổ súng làm cuộc đảo chính Pháp

trên toàn cõi Đông Dương. Quân Pháp chống cự yếu ớt ở một số nơi và sau đó nhanh chóng đầu hàng quân Nhật.

Nắm bắt được tình hình, đúng vào lúc Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị mở rộng tại Đình Bảng (Từ Sơn - Bắc Ninh), do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng chủ trì. Những nhận định, chủ trương mới của Đảng tại Hội nghị được nêu trong Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ra ngày 12 tháng 3 năm 1945. Đó là kim chỉ nam hành động cho các Đảng bộ địa phương trong cao trào chống Nhật cứu nước. Nội dung Chỉ thị xác định cuộc đảo chính của Nhật chỉ là sự thay thầy đổi chủ, thay quyền thống trị Đông Dương của Pháp bằng sự thống trị của Nhật. Tuy nhiên, đảo chính của Nhật đã tạo ra một tình hình khủng hoảng chính trị sâu sắc làm cho những điều kiện của cuộc khởi nghĩa vũ trang đi đến chín muồi nhanh chóng. Chỉ thị vạch ra quyết định của Hội nghị là phát động một cao trào chống Nhật cứu nước làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa kịp thời cơ.

Với các tình trên căn cứ địa Việt Bắc đây là thời kỳ hết sức sôi nổi và hào hùng của các lực lượng vũ trang và của nhân dân các dân tộc tiến lên đánh đổ ách thống trị của đế quốc, phong kiến tay sai giành chính quyền về tay nhân dân.

Tại Bắc Kạn, đảo chính của Nhật ở các tỉnh làm cho quân Pháp ở Bắc Kạn hoảng sợ tìm đường chạy trốn ra biên giới Việt - Trung. Bọn tay sai của Pháp hoang mang cực độ, chính quyền của Pháp ở các địa phương bị tê liệt. Giữa lúc đó Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (tức Giải phóng quân) do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy, sau khi phát động nhân dân tổng Kim Mã (Nguyên Bình, Cao Bằng) tước súng đồng giành chính quyền ở các xã đã tiến xuống Bắc Kạn lần lượt giải phóng các huyện Ngân Sơn, Chợ Rã và một số xã thuộc huyện Bạch Thông.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, quân Pháp ở Bắc Kạn chạy trốn, bọn tay sai của Pháp ở Na Rì như rắn mất đầu. Mặc dầu vậy lúc này cao trào cách mạng ở Na Rì chưa hình thành, bọn tay sai phản động vẫn cố bám lấy vị trí thống trị hy vọng có cơ hội thuận lợi mới để củng cố lại uy quyền của chúng.

Khí thế cách mạng sục sôi ở các huyện cổ vũ mạnh mẽ tinh thần nổi dậy của nhân dân các dân tộc Na Rì, khiến bọn tay sai phản động nơm nớp sợ.

Ngày 18 tháng 3 năm 1945, một mũi võ trang tiến truyền từ Ngân Sơn đi qua Na Rì sang Võ Nhai. Sự kiện này làm cho chính quyền tay sai

của địch tan rã, tên tri châu vừa được tin đã bỏ công đường chạy trốn, đồn binh Yên Lạc do tên quản cầm đầu hoang mang rệu rã. Bọn chúng phải nhận các điều kiện do phân đội võ trang tuyên truyền đặt ra, sẵn sàng giao nộp đồn và châu ly cho cách mạng. Luồng gió cách mạng nhanh chóng thổi vào trong nhân dân, làm bùng lên khí thế sục sôi cách mạng trong làng bản.

Ngày 25 tháng 3 năm 1945, một đơn vị Giải phóng quân do đồng chí Bế Sơn Cương chỉ huy từ Ngân Sơn tiến xuống Na Rì, đi qua các xã Lương Thượng, Lương Hạ... Đi tới đâu Giải phóng quân cũng được nhân dân các dân tộc nhiệt liệt hưởng ứng, ủng hộ mọi mặt. Giải phóng quân tập hợp quần chúng từng địa phương tuyên truyền, giải thích đường lối của Đảng, chính sách của Mặt trận Việt Minh, kêu gọi quần chúng ủng hộ Việt Minh tiến lên đánh đổ chính quyền đế quốc, phong kiến tay sai. Trên cơ sở giác ngộ quần chúng, Giải phóng quân tổ chức mít tinh biểu dương lực lượng phối hợp với Giải phóng quân thu bằng triệu củ chức dịch (lý trưởng, chánh tổng...), tịch thu súng đồng, xóa bỏ chính quyền của địch, thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời các xã.

Ngày 28 tháng 3 năm 1945, quân và dân hoàn toàn làm chủ châu ly. Theo lệnh của Giải phóng quân, hầu hết chánh tổng, lý trưởng, n

là khu vực các xã gần huyện lỵ nộp bằng triện sổ sách cho quân cách mạng. Bộ máy tay sai của địch từ huyện đến xã căn bản được xóa bỏ.

Trong khi thế cách mạng hừng hực, các cuộc mít tinh của quần chúng, xóa bỏ chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân tiếp tục diễn ra ở các xã Kim Lư, Cư Lễ... và mở rộng lên các xã phía bắc và tây bắc của huyện. Đến tháng 4 năm 1945, tất cả các xã trong huyện Na Rì đã hoàn toàn được giải phóng và thành lập xong Ủy ban nhân dân lâm thời.

Để đáp ứng yêu cầu của phong trào cách mạng, công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ được tiến hành kịp thời. Đầu tháng 5 năm 1945, hai lớp huấn luyện cho hơn 30 cán bộ được mở tại Yên Lạc và Cư Lễ¹. Học viên được trang bị những kiến thức cần thiết về vận động, tổ chức các đoàn thể cứu quốc của Mặt trận Việt Minh, về quản lý chính quyền. Sau lớp huấn luyện, họ lại trở về địa phương cùng các chiến sĩ Giải phóng quân tuyên truyền, vận động, tổ chức các Hội cứu quốc, xây dựng lực lượng tự vệ. Kết quả chỉ sau một thời gian ngắn, khắp các xã trong châu đã thành lập

1. Do đồng chí Nông Công Tú, cán bộ của tỉnh phụ trách.

được Ban Chấp hành Việt Minh, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia vào các hội: Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Phụ lão cứu quốc.

Trên cơ sở lực lượng chính trị được xây dựng và phát triển sâu rộng, các đơn vị tự vệ chiến đấu cũng được thành lập làm nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ gìn trị an xã hội. Được chính quyền và Mặt trận Việt Minh động viên, thanh niên các dân tộc hăng hái tham gia Giải phóng quân. Vì thế từ một trung đội Giải phóng quân với hơn 20 cán bộ, chiến sĩ khi tiến vào Na Rì (tháng 3-1945), đến tháng 4-1945 đã lên tới hai trung đội gồm trên 60 cán bộ, chiến sĩ.

Bầu không khí cách mạng bao trùm lên khắp các bản, làng. Nhiều địa phương tiếp tục tổ chức các cuộc mít tinh khuếch trương thắng lợi, chào mừng chính quyền cách mạng vừa mới thành lập, có tác dụng không những thu hút thêm những ai còn do dự đứng vào hàng ngũ Mặt trận Việt Minh, mà còn áp đảo những phần tử tay sai đang có mưu đồ chờ đợi quan thầy mới là phát xít Nhật.

Sau đảo chính Pháp, trung tuần tháng 3 năm 1945, phát xít Nhật từ Cao Bằng tiến xuống Bắc Kạn, chúng tập hợp bọn tay sai và lôi kéo những người nhẹ dạ cả tin vào tổ chức Đại Việt, dùng tổ

chức này tuyên truyền học thuyết "Đại Đông Á" lừa bịp nhân dân, che giấu những hành động xâm lược của chúng. Để đối phó với phong trào cách mạng đang dâng cao, phát xít Nhật liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét, đồng thời tập hợp bọn tay sai của Pháp lập ra chính quyền phản động ở tỉnh. Nhưng với các huyện đã giải phóng, các cuộc tiến công của quân Nhật đều bị thất bại, âm mưu khôi phục bộ máy tay sai phản động của chúng cũng bị thất bại theo.

Tại Na Rì, một vùng hiểm yếu, có phong trào cách mạng đang phát triển mạnh, quân Nhật không dám tiến vào. Chúng phái một tên tay sai từng làm việc trong bộ máy thống trị của Pháp, bị nhân dân căm ghét vào Na Rì với mưu đồ nắm giữ chính quyền tay sai của Pháp, phục vụ cho mưu đồ xâm lược, thống trị của phát xít Nhật. Nhưng Na Rì đã thuộc về cách mạng, quân và dân ta làm chủ vận mệnh quê hương đất nước, có chính quyền cách mạng các cấp, khiến tên tay sai của Nhật không còn đường tẩu thoát, phải đầu hàng quân cách mạng.

Đầu tháng 5 năm 1945, lò lửa chiến tranh châu Âu hoàn toàn bị dập tắt, phát xít Đức buộc phải đầu hàng Hồng quân Liên Xô và Đồng minh không điều kiện. Số phận của phát xít Nhật ở châu Á đang phải tính từng ngày. Cuộc vận động giải

phóng dân tộc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Việt Minh đang xốc tới đón thời cơ tổng khởi nghĩa.

Đầu tháng 5 năm 1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh rời căn cứ địa Cao Bằng tiến về Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) để cùng Trung ương trực tiếp chỉ đạo cách mạng đang chuyển biến mau lẹ trong từng ngày.

Tại Tân Trào, sau khi nghe báo cáo tình hình cách mạng của cả nước và Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, Chủ tịch Hồ Chí Minh Chỉ thị: Vùng giải phóng miền núi Bắc Bộ đã bao gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hà Giang và vùng ngoại vi tiếp giáp các tỉnh trên nên thành lập một khu căn cứ cách mạng rộng lớn lấy tên là Khu Giải phóng.

Chấp hành Chỉ thị trên, ngày 4 tháng 6 năm 1945, Hội nghị đại biểu Việt Minh ở các tỉnh Việt Bắc được triệu tập để thành lập Khu Giải phóng, đặt dưới sự lãnh đạo của Ủy ban chỉ huy lâm thời Khu Giải phóng do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Khu Giải phóng thực hiện mười chính sách lớn của Việt Minh, nhằm xây dựng Khu Giải phóng vững mạnh về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế và văn hóa, xã hội, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu tổng khởi nghĩa sắp tới.

Thực hiện chủ trương của Khu Giải phóng, Ủy ban nhân dân lâm thời và Ban Chấp hành Việt Minh xã ở Na Rì đẩy mạnh mọi hoạt động.

Về chính trị, ra sức phát triển rộng khắp các đoàn thể cứu quốc trong nhân dân các dân tộc, củng cố, kiện toàn Ban Chấp hành Việt Minh các cấp từ xã đến huyện. Trên cơ sở Ban Chấp hành Việt Minh các xã được hoàn thiện căn bản, Ban Chấp hành Việt Minh huyện được thành lập do Đinh Như Đại (tức Hùng Minh) làm Chủ nhiệm¹.

Trong tháng 6 năm 1945, các xã triệu tập hội nghị cử đại biểu đi dự hội nghị thành lập chính quyền cấp huyện. Cuối tháng 7 năm 1945, Hội nghị được tổ chức tại Yên Lạc cử ra Ủy ban nhân dân châu Na Rì do Bế Sĩ Văn làm Chủ tịch để lãnh đạo mọi mặt công tác ở địa phương². Các xã cũng tiến hành bầu cử bằng phổ thông đầu phiếu để thành lập Ủy ban nhân dân xã chính thức.

Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân các dân

1. Phó chủ nhiệm: Bế Sĩ Hàm (tức Đức Vinh).

Các ủy viên: Việt Cương, Kim Quế...

2. Phó chủ tịch: Nguyễn Công Nấn

Các ủy viên: Lý Văn Đăng, Nông Văn Thi, Hoàng Văn Khải, Nông Văn Hà và Hoàng Văn Diu.

tộc Na Rì không phân biệt nam, nữ, dân tộc, từ 18 tuổi trở lên được thực hiện quyền công dân trong việc xây dựng bộ máy chính quyền, bổ phiếu tín nhiệm những người có đầy đủ tư cách thay mặt mình làm nhiệm vụ quản lý xã hội, xây dựng và bảo vệ quê hương. Chính quyền chính thức do dân bầu ra thực sự là chính quyền do dân và vì dân.

Ủy ban nhân dân các cấp mới được thành lập đã vận động, tổ chức nhân dân đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, đóng góp sức người, sức của cho cách mạng, động viên thanh niên tòng quân tham gia Giải phóng quân và tự vệ, giữ gìn trị an xã hội, bảo vệ thành quả cách mạng.

Các lớp học văn hóa được mở mang ở nhiều địa phương góp phần xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí trong nhân dân. nếp sống mới đang hình thành, giảm bớt hẳn những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan...

Có thể nói rằng chỉ trong thời gian ngắn từ ngày giành được chính quyền cách mạng ở địa phương cho tới khi Tổng khởi nghĩa Tháng Tám nổ ra trong cả nước, bộ mặt Na Rì có nhiều đổi thay, nhân dân các dân tộc Na Rì bước đầu được hưởng hạnh phúc của cách mạng.

Mặc dầu là huyện có phong trào cách mạng muộn so với nhiều địa phương trong tỉnh, nhưng

với những thành tích đạt được trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám tiến lên khởi nghĩa giành chính quyền, xây dựng và bảo vệ chính quyền Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì hết sức tự hào về những trang sử vẻ vang của mình. Cùng với cao trào kháng Nhật cứu nước của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, khởi nghĩa giành chính quyền từng phần ở Na Rì đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại trong Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 của dân tộc.

Trung tuần tháng 8 năm 1945, phát xít Nhật hoàn toàn đầu hàng Hồng quân Liên Xô và Đồng minh vô điều kiện, quân Nhật ở Đông Dương như rắn mất đầu bị tê liệt hoàn toàn, chính phủ tay sai Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Đó là cơ hội ngàn năm có một để nhân dân ta nổi dậy giành chính quyền cả nước. Chớp lấy hoàn cảnh khách quan thuận lợi, Đảng ta đã quyết định tổng khởi nghĩa.

Hoà trong cao trào cách mạng sục sôi giành lấy chính quyền của cả nước, các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc Na Rì đã tiến hành cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền, tính mạng và tài sản của nhân dân trước sự phá hoại của bọn tay sai phản động và sự cướp bóc của bọn thổ phỉ.

Sau khởi nghĩa giành chính quyền các cấp của

lực lượng cách mạng, một số chức dịch tay sai phản động nổi lên chống phá cách mạng. Chúng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc nói xấu cộng sản, lôi kéo, khống chế quần chúng theo chúng để chống lại cách mạng. Ngày 26 tháng 8 năm 1945 tên phó lý Khải và tên Sầm cùng một số tên trùm cướp khác cưỡng bức nhân dân Bản Páo và một số bản lân cận mang theo lương thực, thực phẩm lên núi Phja Mạ, lấy đó làm căn cứ và biến nhân dân thành lá chắn chống lại Việt Minh.

Giải phóng quân và lực lượng du kích trong huyện được nhân dân giúp đỡ đã tiến hành bao vây quân địch, đồng thời kêu gọi nhân dân trở về với cách mạng. Được các lực lượng vũ trang giải thoát khỏi sự khống chế của bọn tay sai, phản động, hầu hết đồng bào đã trở về làng cũ làm ăn. Bọn tay sai đầu sỏ vẫn ngoan cố lẩn trốn trên núi đá. Bị quân ta bao vây, tiến công, một số tên mang theo vợ con, lẩn đường rừng chạy trốn ra thị xã Bắc Kạn, hy vọng dựa vào phát xít Nhật. Nhưng quân Nhật đã buộc phải rút khỏi Bắc Kạn từ ngày 23 tháng 8 năm 1945, không nơi lẩn trốn, bọn chúng đã bị Giải phóng quân trừng trị, còn vợ con của chúng được quân cách mạng khoan hồng. Bọn phản động còn lại ở Na Rì vẫn tìm cách dựa vào rừng sâu núi hiểm để hoạt động, nhưng chẳng

được bao lâu, sau cùng chúng bị lực lượng cách mạng tiêu diệt hoàn toàn.

Cũng trong khoảng thời gian trên, lực lượng phản động do lý trưởng Nông Xuân Nhu cầm đầu nổi dậy chống phá cách mạng, cướp bóc nhân dân vùng Yên Hùng (Bình Gia - Lạng Sơn), bị Giải phóng quân ở Lạng Sơn tấn công, chúng đã tràn sang Na Rì, cưỡng bức nhân dân Nà Lù thuộc xã Xuân Dương theo chúng. Giải phóng quân tại Na Rì vào Nà Lù tuyên truyền giải thích cho nhân dân, cô lập và tiêu diệt bọn phản động. Nhưng khi quân ta tiến vào, bọn chúng hoảng sợ chạy trốn, đồng thời lợi dụng những sơ hở của ta để cưỡng bức phần lớn bà con bản Nà Lù theo chúng sang Bình Gia (Lạng Sơn).

Dựa vào địa giới hiểm trở, bọn phản động do tên Nhu cầm đầu sau đó liên tục mở các cuộc cướp bóc nhân dân, chống phá chính quyền cách mạng Na Rì kéo dài suốt trong những năm 1945 - 1946. Cho tới khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc thu - đông năm 1947, chúng trở thành đội quân tay sai của Pháp, được Pháp cung cấp vũ khí để phá hoại hậu phương kháng chiến của ta. Với chiến thắng Biên giới (1950), căn cứ địa Việt Bắc được giải phóng, bọn chúng mới hoàn toàn bị tan rã, nhân dân Na Rì mới thoát khỏi hiểm họa cướp phá do bọn chúng gây ra.

Có thể nói tháng 3 năm 1945 là mốc đánh dấu sự khởi đầu trang sử đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc Na' Ri. Dưới ánh sáng cách mạng của Đảng và của Mặt trận Việt Minh, đồng bào các dân tộc đã hăng hái đứng lên làm cách mạng, nêu cao tinh thần đoàn kết, đấu tranh cùng các lực lượng võ trang xóa bỏ ách thống trị của đế quốc, phong kiến tay sai, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân, vĩnh viễn thoát khỏi cuộc đời nô lệ, bước lên vũ đài chính trị, làm chủ xã hội, quê hương, đất nước.

Phát huy tinh thần yêu nước, cách mạng, đồng bào các dân tộc đã ra sức củng cố, xây dựng lực lượng chính trị bao gồm các đoàn thể cứu quốc của Mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, con em các dân tộc hăng hái tòng quân giết giặc, đẩy mạnh xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa giáo dục, củng cố chính quyền, giữ vững thành quả cách mạng. Những thành tích vẻ vang đó của đồng bào đã góp phần quan trọng vào thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Lực lượng cách mạng được hình thành trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám chính là nhân tố hết sức thuận lợi để nhân dân các dân tộc Na Ri bước vào thời kỳ đấu tranh mới sau ngày đất nước giành được độc lập.

II- BẢO VỆ, CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN, XÂY DỰNG CƠ SỞ ĐẢNG

1. Những thành tựu trong củng cố và bảo vệ chính quyền

Cách mạng Tháng Tám vừa thành công, nhân dân ta đã phải đương đầu với nhiều khó khăn thử thách. Với danh nghĩa Đồng minh vào Đông Dương trước khí giới quân đội Nhật, quân Anh vào miền Nam, 20 vạn quân Tưởng tràn qua biên giới phía bắc vào nước ta, đóng từ vĩ tuyến 16 trở ra.

Bắc Kạn là tỉnh không có quân Tưởng đi qua và chiếm đóng. Nhưng bọn tay sai của Tưởng có mặt ở nhiều nơi ra sức lùng sục nhằm tập hợp lực lượng chống phá chính quyền và phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Tại Yên Lạc, Na Rì, nơi có khá đông người gốc Hoa sinh sống, bọn tay sai của Tưởng lập trụ sở "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội" treo cờ ảnh Tưởng Giới Thạch, kích động những người Việt gốc Hoa không thực hiện nghĩa vụ công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đồng thời chúng đẩy mạnh tuyên truyền lôi kéo một số người thuộc các dân tộc Nùng, Dao, Tày tham gia "Nam Dương Hoa kiều hiệp hội" làm cho tình hình trở nên phức tạp, ảnh hưởng lớn đến an ninh chính trị ở địa phương.

Lực lượng vũ trang, cán bộ chính quyền và Việt

Minh các cấp một mặt ra sức tuyên truyền, giác ngộ trong nhân dân về âm mưu của kẻ thù, mặt khác phân hóa, cô lập và trừng trị bọn tay sai đầu sỏ, làm cho âm mưu của Tưởng bị thất bại.

Thực hiện Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" của Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Bắc Kạn, nhân dân các dân tộc Na Rì đã không những bảo vệ vững chắc chính quyền ở địa phương mà còn phát huy trách nhiệm của mình trong việc xây dựng bộ máy Nhà nước, xây dựng chế độ xã hội mới.

Hoà vào bầu không khí chính trị của cả nước, ngày 6 tháng 1 năm 1946, đồng bào các dân tộc Na Rì nô nức tham gia bầu cử Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đó là ngày "dân ta sẽ tự do lựa chọn và bầu ra những người xứng đáng thay mặt cho mình và gánh vác việc nước"¹.

Ngay sau ngày bầu cử Quốc hội, đồng bào các dân tộc Na Rì đã hăng hái tham gia bầu cử hội

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1980, t.1, tr. 145. (Tỉnh Bắc Kạn bầu được hai đồng chí vào Quốc hội khóa I, đó là Nông Văn Lạc (dân tộc Tày, Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh Bắc Kạn) và Hoàng Hùng Sơn (dân tộc Dao).

đồng nhân dân các cấp (tỉnh và xã). Cùng các huyện trong tỉnh, tháng 5 năm 1946, huyện Na Rì đã bầu xong đại biểu vào Hội đồng nhân dân tỉnh, để trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân tỉnh bầu ra Ủy ban hành chính tỉnh chính thức (5-1946).

Sau thắng lợi bầu cử Hội đồng nhân dân xã, các xã trong toàn huyện đã thành lập được Ủy ban hành chính xã thay thế cho Ủy ban nhân dân xã được thành lập trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của cán bộ Tỉnh ủy, tháng 10 năm 1946, Hội nghị đại biểu Hội đồng nhân dân các xã được triệu tập tại Yên Lạc bầu ra Ủy ban hành chính huyện Na Rì gồm 5 đại biểu do đồng chí Nguyễn Công Nấn làm Chủ tịch¹.

Được sự quan tâm của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Na Rì được xây dựng, củng cố về tổ chức và đã bắt tay vào việc thực hiện các nhiệm vụ vận động chị em đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa giáo dục, đóng góp cho cách mạng, ủng hộ và giúp đỡ các lực lượng vũ trang...

1. Phó chủ tịch: Lâm Ngọc Tinh.

Các ủy viên: Bế Sĩ Văn, Lý Văn Đăng, Nông Văn Thi.

Theo chủ trương của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 29-5-1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) tuyên bố thành lập, nhằm tập hợp những lực lượng còn đứng ngoài Mặt trận Việt Minh tham gia vào công cuộc kháng chiến kiến quốc của dân tộc. Vào thời gian này, Na Rì chưa xây dựng được Hội Liên Việt. Mặt trận Việt Minh vẫn giữ vai trò chủ chốt trong việc vận động quần chúng. Mặc dầu vậy, được chính quyền và Mặt trận Việt Minh động viên, một số người thuộc tầng lớp trên (bao gồm một số chức dịch, công chức, những người giàu có...) đã hăng hái tham gia công cuộc kháng chiến kiến quốc của địa phương.

Để bảo vệ những thành quả của Cách mạng Tháng Tám, xây dựng lực lượng vũ trang là một trong những nhiệm vụ trọng yếu của chính quyền. Ủy ban hành chính các cấp trong huyện đã tổ chức các lớp huấn luyện quân sự, đào tạo cán bộ, xây dựng các đơn vị tự vệ làm nhiệm vụ chiến đấu, giữ gìn trị an xã hội. Trên cơ sở đó, năm 1946, Na Rì thành lập một trung đội tự vệ thường trực (thoát ly) cấp huyện, có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, canh gác và bảo vệ các cơ quan của huyện.

Được sự quan tâm của chính quyền, đoàn thể quần chúng và sự hăng hái tham gia của thanh

niên, lực lượng vũ trang nhanh phát triển. Từ chỗ mỗi xã chỉ có một tiểu đội, cho tới cuối năm 1946 đã phát triển thành một trung đội, từ hai đến ba xã có một đại đội, cả huyện có 7 đại đội tự vệ, vũ khí trang bị mặc dầu còn thô sơ, nhưng luôn luôn nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương.

Hưởng về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Nam Bộ, con em các dân tộc Na Rì đã hăng hái tòng quân, lên đường "Nam tiến".

Là huyện miền núi có nền kinh tế tự túc, tự cấp cao, Na Rì không xảy ra nạn đói, nhưng tình trạng thiếu ăn trong một bộ phận dân cư khá trầm trọng. Nguyên nhân phần do hậu quả của chính sách bóc lột, thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, phần do tình trạng sản xuất lạc hậu, thiên tai mất mùa.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chủ trương của Đảng bộ tỉnh về việc đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống "giặc đói", đồng bào các dân tộc Na Rì ra sức khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích trồng lúa, ngô, khoai, sắn, đậu... Đồng thời tăng cường chăm bón, làm thủy lợi: làm cọn (guồng) đưa nước từ dưới lên tưới các chân ruộng bậc thang, khơi

mương đắp đập. Các biện pháp trên góp phần quan trọng nâng cao thêm năng suất, sản lượng lương thực, ổn định đời sống, cứu giúp đồng bào bị đói từ dưới xuôi lên và đáp ứng nhu cầu hậu cần tại chỗ của lực lượng vũ trang.

Trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn về đời sống, đồng bào các dân tộc vẫn hăng hái tham gia các cuộc vận động quyên góp của Chính phủ nhằm góp phần khắc phục khó khăn về tài chính như "Tuần lễ vàng", "Quý độc lập" bằng vàng, bạc, vải tấm... với ý thức xây dựng, bảo vệ đất nước.

Phong trào học tập văn hóa, xóa nạn mù chữ trong nhân dân được tổ chức rộng rãi ở nhiều địa phương. Năm 1946, Ban bình dân học vụ của huyện thành lập. Từ đó, các trường lớp bình dân học vụ được mở ngày càng nhiều, thu hút đông đảo mọi tầng lớp nhân dân từ già tới trẻ tham gia. Tháng 1 năm 1946, Na Rì thành lập hai trường bổ túc văn hóa cấp I nhằm góp phần nâng cao trình độ hiểu biết cho cán bộ và nhân dân. Các trường lớp phổ thông cấp một ở trung tâm huyện và một số xã được xây dựng tạo điều kiện cho con em các dân tộc cấp sách tới trường. Đồng thời với việc học chữ, nếp sống có văn hóa cũng từng bước được xây dựng, các tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, cờ bạc, nghiện hút dần dần giảm bớt.



Đồng chí Nông Văn Quang

nạp lớp đảng viên đầu tiên của huyện Na Rì cho ba đồng chí và giao nhiệm vụ cho đồng chí Nông Viết Hoàn đảng viên mới kết nạp làm tổ trưởng tổ đảng¹. Để đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng và lãnh đạo của Đảng ở Na Rì, tháng 10 năm 1946, đồng chí Nông Văn Quang trực tiếp giao nhiệm vụ cho đồng chí Nông Viết Hoàn làm Bí thư Chi bộ đồng thời phụ trách công tác đảng huyện Na Rì.

Tháng 12 năm 1946, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn họp hội nghị mở rộng quyết định nhiều vấn đề quan trọng về việc tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng từ tỉnh đến cơ sở. Hội nghị bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 11 đồng chí (9 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết). Tỉnh ủy cử 5 ủy viên chấp hành xuống 5 huyện lãnh đạo công tác đảng.

Đồng chí Nông Viết Hoàn, Tỉnh ủy viên chính thức được Tỉnh ủy cử phụ trách công tác đảng huyện Na Rì, giữ cương vị như Bí thư Huyện ủy lâm thời, lãnh đạo toàn diện mọi mặt công tác trong huyện, trong đó, công tác xây dựng Đảng

1. Ba đồng chí: Nông Viết Hoàn (tức Đức Viên), Lục Văn Tra (tức Lục Quốc Phong), Vi Văn Xương (tức Vạn Quốc, Việt Cường).



Đồng chí Nông Việt Hoàn,
Bí thư Huyện ủy đầu tiên



theo tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy là một trong những công tác trọng tâm¹.

Sự ra đời của Đảng bộ huyện Na Rì là nhân tố quan trọng có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi trong công cuộc củng cố, bảo vệ những thành quả của Cách mạng Tháng Tám và tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

(12-1946 - 1954)

PHẦN THAM GIA KHÁNG CHIẾN TRONG THÁP
Ở TRONG TỈNH BAO VỆ QUÂN QUANG - HẢI QUANG

Vốn có đã làm các lực lượng là lực dân Pháp
sau khi về xung quanh được đánh chiếm Nam Bộ
và nam phần Trung Bộ, chúng thực hiện âm mưu
xúc tiến xâm lược phần đất còn lại của nước Việt
Nam Dân chủ Cộng hòa. Vì mong muốn có hòa
đình để xây dựng đất nước, chúng ta đã phải nhận
nhượng vai thực dân Pháp, nhưng như thế mới
Hồ Chí Minh đã nói: "Pháp là công nhân nước
thực dân Pháp của ta, vì chúng được làm
công việc là một lần nữa."
Trước hành động xâm lược trắng trợn của thực

1. Tỉnh ủy Bắc Kạn, Báo cáo tình hình Đảng bộ Bắc Kạn (1945-1948), lưu trữ tại Huyện ủy Na Rì, tr.17.

Chương II

ĐẢNG BỘ NA RÌ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (12-1946 - 7-1954)

I- RA SỨC THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP Ở TRONG TỈNH, BẢO VỆ QUÊ HUƠNG (1946-1949)

Vốn có dã tâm xâm lược nước ta, thực dân Pháp sau khi nổ súng, từng bước đánh chiếm Nam Bộ và nam phần Trung Bộ, chúng thực hiện âm mưu xức tiến xâm lược phần đất còn lại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Vì mong muốn có hoà bình để xây dựng đất nước, chúng ta đã phải nhân nhượng với thực dân Pháp, nhưng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa"¹.

Trước hành động xâm lược trắng trợn của thực

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, sách đã dẫn, tr. 403.

dân Pháp, ngày 19 tháng 12 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên kháng chiến "Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"¹.

Ngày 22 tháng 12 năm 1946, Đảng ta ra Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" vạch ra đường lối cơ bản cho cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc ta đi đến thắng lợi.

Đáp lời kêu gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chỉ thị "Toàn dân kháng chiến" của Đảng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì hăng hái đứng lên tham gia kháng chiến, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu xâm lược của thực dân Pháp.

Do yêu cầu nhiệm vụ mới theo chủ trương của Trung ương để tổ chức, huy động lực lượng, lãnh đạo toàn dân kháng chiến, tháng 9 năm 1947, Ủy ban kháng chiến huyện Na Rì thành lập do đồng chí Lâm Ngọc Tinh làm Chủ tịch². Ngay sau khi

1. Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, sách đã dẫn, tr. 403.

2. Đến tháng 10 năm 1947, Trung ương chủ trương hợp nhất Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính thành Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính sau đổi thành Ủy ban kháng chiến hành chính. Đồng chí Việt Cường (Phó chủ tịch), các uỷ viên: Bế Sĩ Văn, Nông Văn Trảng, Lý Văn Đăng...

thành lập, Ủy ban đã tuyên truyền giáo dục trong dân quân tự vệ và đồng bào các dân tộc tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu.

Nằm trong âm mưu tấn công lên Việt Bắc, ngày 7 tháng 10 năm 1947, thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, Chợ Mới và ngày 8 tháng 10 năm 1947, nhảy dù xuống huyện lỵ Chợ Đồn.

Từ Bắc Kạn, quân Pháp tiến lên đánh chiếm Phủ Thông (15-10-1947), đóng chốt ở ngã tư để kiểm soát cửa ngõ của bốn huyện: Bạch Thông, Ba Bể, Na Rì và Ngân Sơn.

Na Rì là huyện vùng sâu của tỉnh Bắc Kạn, địa thế lại rất hiểm trở, thực dân Pháp ngay từ những ngày đầu tấn công Bắc Kạn, chúng không dám mở cuộc hành quân vào Na Rì. Mặc dù vậy, cuộc kháng chiến bảo vệ và giải phóng quê hương của toàn tỉnh đặt ra cho Na Rì những nhiệm vụ hết sức quan trọng và bức bách.

Đối phó với cuộc tấn công của quân Pháp lên Việt Bắc, ngày 8 tháng 10 năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào và các lực lượng vũ trang ra sức chiến đấu tiêu diệt kẻ thù, bẻ gãy hai gọng kìm của địch, làm thất bại âm mưu của chúng.

Ngày 15 tháng 10 năm 1947, Ban Thường Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Phá tan cuộc t

công mùa đông của giặc Pháp": "làm cho địch thiệt hại nặng nề không thể gượng lại được sau chiến dịch mùa đông này"¹.

Khi cuộc chiến xảy ra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn đã họp và ra những nghị quyết quan trọng nhằm ứng phó với tình hình, tổ chức kháng chiến, bảo vệ, giải phóng quê hương như di chuyển các cơ quan đến nơi an toàn, giúp đỡ, hướng dẫn nhân dân tản cư, vận động nhân dân làm "vườn không nhà trống", phá hoại giao thông, bảo vệ, giúp đỡ nhân dân gặt lúa, huy động các lực lượng vũ trang ra chiến đấu với địch.

Quán triệt thư kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng, các nghị quyết của Tỉnh ủy, Đảng bộ Na Rì lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện sẵn sàng chiến đấu, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu đánh chiếm Na Rì của thực dân Pháp.

Công tác tuần tra canh gác ở các xã được tăng cường nhằm bảo vệ các cơ quan, kho tàng, tính mạng và tài sản của nhân dân. Dưới sự hướng dẫn của chính quyền và các đoàn thể quần chúng, tại

1. Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Văn kiện Đảng (từ 25-11-1945 đến 31-12-1947)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1969, tr. 158.

huyện lỵ và những nơi xung yếu đồng bào các dân tộc thực hiện "vườn không nhà trống", di tản người già, con trẻ cùng lương thực, của cải vào các lán trại sâu trong rừng, các cơ quan, kho tàng của huyện cũng được chuyển đến những nơi an toàn.

Để làm tốt nhiệm vụ kháng chiến, công tác xây dựng lực lượng vũ trang được Huyện ủy đặt thành một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ. Thực hiện chủ trương của Trung ương, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất các lực lượng vũ trang, tháng 11 năm 1947, Ban Thường vụ Huyện ủy chính thức quyết định thành lập châu đội bộ (tức Ban chỉ huy quân sự huyện ngày nay) gồm hai Ban: Ban tác chiến và Ban chính trị. Ban tác chiến có nhiệm vụ huấn luyện kỹ chiến thuật cho dân quân du kích. Ban chính trị có nhiệm vụ giáo dục tinh thần chiến đấu, lập trường tư tưởng và nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ quê hương.

Tại các xã, Xã đội dân quân được thành lập. Đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ chiến đấu đang đòi hỏi, Trung đội du kích thoát ly huyện Na Rì thành lập (11-1947). Được Đại đội độc lập 649 Trung đoàn 72 hoạt động ở Na Rì dìu dắt, Trung đội du kích Na Rì đã nhanh chóng trưởng thành, phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ quê hương và góp phần

xúng đáng của mình vào công cuộc kháng chiến ở trong tỉnh, giải phóng Bắc Kạn.

Trong hai năm (1947 - 1948), Trung đội du kích Na Rì ba lần được cấp trên điều động ra Đèo Giàng (Phủ Thông) phối hợp với bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương (Đại đội Ba Bể) tấn công cứ điểm Phủ Thông lần thứ nhất (30-11-1947), lần thứ hai (12-3-1948) và đặc biệt là cuộc tiến công lần thứ ba (25-7-1948). Trong trận này, mặc dầu quân ta chưa chiếm được cứ điểm Phủ Thông, nhưng đại bộ phận quân địch (hơn 100 tên) bị tiêu diệt. Chiến thắng Phủ Thông đã vang dội trong lịch sử.

Trải qua huấn luyện, thử thách trong chiến đấu cuối năm 1948, Trung đội du kích Na Rì có vinh dự được Tỉnh ủy quyết định bổ sung vào Đại đội du kích Ba Bể, là lực lượng võ trang địa phương của tỉnh được thành lập từ tháng 3 năm 1948 tại Ba Bể. Lúc mới thành lập, Đại đội du kích Ba Bể có 150 cán bộ, chiến sĩ, trong đó, lực lượng du kích thị xã Bắc Kạn giữ vai trò nòng cốt. Đến cuối năm 1948, Đại đội du kích Ba Bể có thêm nhiều Trung đội du kích các huyện tham gia, kể cả Na Rì; cho tới năm 1950, Đại đội đã phát triển thành tiểu đoàn gồm 3 đại đội.

Sau khi bổ sung lực lượng cho Đội võ trang của tỉnh, Na Rì đã thành lập được Trung đội du kích

mới làm nhiệm vụ bảo vệ địa phương. Cuối năm 1949, Trung đội du kích Na Rì cùng Trung đội du kích Ba Bể phối hợp với bộ đội chủ lực (Trung đoàn 72) và bộ đội địa phương (Đại đội du kích Ba Bể) cùng dân quân du kích các xã ven Quốc lộ số 3 thực hiện chiến dịch "Đường số 3". Lực lượng chiến đấu của ta triển khai từ Nà Phặc (Ngân Sơn) đến Đèo Giàng (Phủ Thông) nhằm phục kích, tiêu diệt những đoàn xe lớn của địch đi qua. Sau hơn nửa tháng mai phục không thấy mục tiêu xuất hiện, đại bộ phận quân ta rút về phía nam Bạch Thông để làm công tác chuẩn bị tiến công cứ điểm thị xã.

Trung đội du kích Na Rì được lệnh ở lại kiên trì phục kích địch tại Đèo Giàng. Song, do chỉ quan sát trước mặt, thiếu cảnh giới phía sau nên khi xe địch tới gần trận địa gài mìn, quân ta bị địch phát hiện đánh tập hậu phải rút chạy¹.

Ngoài việc xây dựng Trung đội du kích thoát ly Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì còn hết sức quan tâm xây dựng lực lượng dân quân du kích ở các

1. Bắc Thái - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái xuất bản 1990, tr. 141.

xã. Trước hết là củng cố các xã đội bộ, nhất là trong thời kỳ chuẩn bị phản công giải phóng Bắc Kạn. Để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy tinh thần tiên phong sẵn sàng chiến đấu của đảng viên, hầu hết các chi bộ đều có đảng viên tham gia du kích. Na Rì là một trong ba huyện (Na Rì, Chợ Đồn, Chợ Rã - TG) Đảng bộ chú ý phát triển du kích, các chi bộ đã thực hiện một phần năm các đồng chí tham gia du kích¹.

Dưới sự chỉ huy của châu đội bộ và các xã đội, các đơn vị du kích thường xuyên được luyện tập, không ngừng nâng cao trình độ chiến đấu. Cán bộ chỉ huy quân sự các cấp được đào tạo tại các khóa huấn luyện quân sự, chính trị tại địa phương, một số đồng chí còn được cử đi học tại các khóa huấn luyện trên tỉnh. Năm 1949, số cán bộ tiểu đội dân quân trong huyện là 35 đồng chí, bảo đảm mỗi xã và thị trấn có ít nhất một cán bộ tiểu đội dân quân. Sự phát triển dân quân, du kích địa phương đảm vững chắc trị an xã hội, ngăn chặn mọi âm mưu xâm lược của thực dân Pháp đối với Na Rì mà còn là nguồn bổ sung kịp thời và tốt nhất cho quân chủ lực.

1. Báo cáo của Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn năm 1949, lưu ở Huyện ủy Na Rì, tr. 14.

Kể từ khi cuộc kháng chiến bùng nổ, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ càng trở nên nặng nề hơn trên tất cả các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa xã hội. Để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, công tác phát triển đảng ở Na Rì tiếp tục đẩy mạnh. Một số thanh niên dân tộc hăng hái công tác đoàn thể, chính quyền các cấp được chi bộ Đảng quan tâm dìu dắt nhanh chóng trưởng thành đã có vinh dự được đứng trong hàng ngũ những người cộng sản là lớp đảng viên thứ hai của Đảng bộ Na Rì¹.

Thực hiện Nghị quyết "Thi đua phát triển đảng" của Tỉnh ủy, công tác phát triển đảng ở Na Rì đầu năm 1947 hết sức sôi động. Đảng bộ Na Rì mới thành lập, kinh nghiệm tổ chức lãnh đạo còn yếu, trình độ chính trị, lý luận Mác - Lênin của đảng viên còn hạn chế, vì thế không tránh khỏi những ấu trĩ, thiếu sót trong phát triển Đảng. Để đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng Đảng, theo quyết định của Tỉnh ủy, đồng chí Hoàng Văn Thịnh (Thanh Tiến) được cử giữ chức Bí thư Huyện ủy từ tháng 7 năm 1947².

1. Gồm các đồng chí Ngọc Đường, Trung Tiến, Đa Minh...

2. Đồng chí Nông Viết Hoàn thôi phụ trách Huyện ủy Na Rì, ra tỉnh công tác. Đồng chí Vũ Văn Luận (Lê Thanh) giữ chức Phó bí thư Huyện ủy Na Rì từ tháng 5 năm 1947

Chấp hành chỉ thị ngày 28-7-1947 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn triển khai đợt phát triển đảng "Lớp Tháng Tám" nhằm "Kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Tháng Tám một cách đặc biệt". Quán triệt chỉ thị của Trung ương và chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ Na Rì ra sức tuyên truyền giác ngộ kết nạp thêm một số đảng viên mới. "Lớp Tháng Tám", đó là lớp đảng viên thứ ba của Na Rì.

Đến cuối năm 1947, đầu năm 1948, Na Rì có bảy chi bộ với 88 đảng viên, trong đó có sáu chi bộ xã và một đặc chi gồm đảng viên thuộc cơ quan Huyện ủy và chính quyền huyện, bốn trong bảy chi bộ có chi ủy, như các chi bộ Đồng Xuân, Bình Minh, Quang Phong và đặc chi cơ quan.

Ba chi bộ: Đồng Xuân, Bình Minh và Quang Phong hoạt động khá hơn cả, trong đó, khá nhất là chi bộ Quang Phong. Các chi bộ này có khả năng tự động công tác, quán triệt được các chỉ thị, nghị quyết của Đảng lãnh đạo mọi mặt công tác ở địa phương. Các chi bộ còn lại ít nghiên cứu tài liệu của Đảng, chỉ thị, nghị quyết của các cấp trên, nội dung sinh hoạt chi bộ nghèo nàn, chiếu lệ, trong đó yếu nhất là chi bộ Trung Thành.

Đánh giá vai trò lãnh đạo của Đảng bộ Na Rì trong thời gian này, Ban Chấp hành Đảng bộ Bắc Kạn nhận định: "Hội (tức Đảng bộ - TG) đã gây

được cơ sở khắp các xã toàn châu, nhưng năng lực lãnh đạo chưa đều trong các chi bộ. Rút kinh nghiệm trong việc phát triển Hội (tức Đảng - TG) bừa bãi trong giai đoạn đầu (3 tháng đầu năm 1947 - TG) nên việc kết nạp vào Hội (tức Đảng - TG) đã được chu đáo hơn"¹.

Năm 1948, phong trào "thi đua phát triển đảng" tại Na Rì tiếp tục được đẩy mạnh trong toàn Đảng bộ. Song được tinh uấn nắn, đã tránh được phát triển ẩu, sai nguyên tắc, làm đúng thủ tục, kết nạp được các đối tượng thuộc thành phần cơ bản, có phẩm chất chính trị tốt, có năng lực công tác, đồng thời các chi bộ tăng cường giúp đỡ, dìu dắt những đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức. Nhờ đó, lực lượng đảng viên được tăng cường cả chất lượng và số lượng. Tháng 6 năm 1949, Đảng bộ Na Rì có 227 đảng viên, trong đó có 159 đảng viên chính thức², cho tới tháng 10 năm 1949, toàn huyện có 9 chi bộ với 283 đảng viên.

Na Rì là một trong ba huyện (Chợ Rã, Chợ Đồn,

1. Báo cáo tình hình Đảng bộ Bắc Kạn 1945 - 1948 của Tỉnh uỷ Bắc Kạn, lưu trữ Huyện uỷ Na Rì, tr. 12.

2. Báo cáo 3 tháng thứ hai năm 1949 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tài liệu đã dẫn, tr. 9.

Na Rì) của tỉnh Bắc Kạn, đầu năm 1949 được Ban Đảng vụ Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn đánh giá "phát triển đảng tương đối đều và chắc chắn, có nhiều chi bộ giữ được vai trò chủ yếu đối với việc phát triển đảng, đã chú ý nhằm vào những hướng chính là phát triển vào du kích, Mán, Nùng..."¹. Na Rì cũng là một trong ba huyện nói trên "khá về chất lượng hơn cả vì công tác phát triển đảng ở các huyện này đã có nền nếp, hơn nữa các chi ủy nói chung cứng rắn hơn và một số chi bộ đã biết tự động mở những lớp huấn luyện cho các đồng chí mới"².

Về công tác tổ chức, nhìn chung hệ thống tổ chức Đảng từ Huyện ủy đến cơ sở được củng cố một bước, số chi bộ có năng lực làm công tác độc lập và có chi ủy ngày càng được nâng lên. Mặc dầu vậy, trong Huyện ủy có đồng chí vì năng lực, đạo đức thiếu gương mẫu trong sinh hoạt, ít nhiều ảnh hưởng đến uy tín và công tác lãnh đạo của Huyện ủy, Tỉnh ủy hết sức quan tâm đã kịp thời uốn nắn. Đầu tháng 9 năm 1948, Tỉnh ủy ra Nghị quyết (số 20) về việc chấn chỉnh lại Huyện ủy Na Rì, đưa những đồng chí có tư cách, năng lực, tinh thần vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt của Huyện

1, 2. Báo cáo 3 tháng thứ hai năm 1949 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tài liệu đã dẫn, tr. 9, 2.

ủy. Nghị quyết nhấn mạnh: "Việc chấn chỉnh các Huyện ủy nói trên (Chợ Rã và Na Rì - TG) trong lúc này phải làm ngay". Vì lẽ đó, Huyện ủy Na Rì được đổi mới, đồng chí Nông Viết Hoàn, Tỉnh ủy viên dự khuyết (tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất họp tháng 6 năm 1948) được cử giữ chức Bí thư Huyện ủy Na Rì (thay đồng chí Hoàng Văn Thịnh)¹. Do yêu cầu công tác, tháng 5 năm 1949 đồng chí Vũ Văn Luận (tức Vũ An Ninh) được Tỉnh ủy cử làm Bí thư Huyện ủy Na Rì (thay đồng chí Nông Viết Hoàn)².

Vai trò lãnh đạo của Đảng bộ được tăng cường, các cấp cũng được củng cố. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, tháng 6 năm 1949, Đảng bộ Na Rì lãnh đạo nhân dân các dân tộc tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân xã và huyện đưa tới sự đổi mới căn bản bộ máy chính quyền các cấp.

Thi hành nghị quyết của Tỉnh ủy (họp từ 26-6 - 1-7-1949) "Củng cố Việt Minh, đề cao Liên Việt" tiến tới thống nhất Việt Minh - Liên Việt, Huyện

1. Nghị quyết Tỉnh ủy Bắc Kạn (số 20 NQ/TU) về việc chấn chỉnh các Huyện ủy Chợ Rã và Na Rì, lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 1.

2. Đồng chí Vũ Văn Luận, Tỉnh ủy viên (tại Đại hội Đảng bộ lần thứ II, tháng 6 năm 1949).

ủy Na Rì chủ trương tăng cường củng cố các Ban Chấp hành Việt Minh, xây dựng Hội Liên Việt, thực hiện thống nhất Việt Minh - Liên Việt theo kế hoạch của Tỉnh ủy hạn cuối cùng là ngày 19-8-1950.

Để đáp ứng nhu cầu kháng chiến, Đảng bộ Na Rì đã lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất. Trong tháng lao động hưởng ứng phong trào thi đua giữa các huyện do tỉnh phát động, đồng bào các dân tộc Na Rì chủ yếu là lực lượng du kích xã trồng được 1.240 gốc sắn, 2.212 gốc khoai, 6 vườn rau... Trong "3 tháng thứ hai" (từ tháng 3 đến tháng 6 năm 1949), hưởng ứng phong trào "Tích cực vận tải, tăng gia chuẩn bị cho tổng phản công" của Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, nhân dân Na Rì đã ủng hộ du kích 3.026 đồng, (giá trị tiền năm 1949), cùng nhiều lương thực, thực phẩm, đồ dùng sinh hoạt (mũ, quần áo)...¹.

Có thể nói trong hoàn cảnh đời sống vật chất còn có nhiều khó khăn, đồng bào các dân tộc vẫn đẩy mạnh tăng gia đóng góp lương thực, thực phẩm cho tiền tuyến, đồng thời ra sức thi đua vận chuyển hàng hóa cho mặt trận.

1. Báo cáo 3 tháng thứ hai năm 1949 của Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 6.

Để tránh sự kiểm soát của địch trên các trục giao thông Quốc lộ số 3 tại thị xã Bắc Kạn và thị trấn Phủ Thông... hàng hóa từ Thái Nguyên bao gồm lương thực, thực phẩm (chủ yếu là thóc gạo và muối ăn), vũ khí đạn dược được chuyển lên Chợ Mới, nhân dân các dân tộc ở huyện Chợ Mới (ngày nay) và huyện Na Rì tổ chức các đoàn ngựa thô và người gánh, vác theo đường mòn đi trạm Yên Cư (Bản Rịa). Từ đây chở hàng bè mảng theo sông Na Rì - Pác Cáp đến Lương Thượng và đồng bào các dân tộc Na Rì lại phải tiếp tục gồng gánh hàng ngàn tấn hàng hóa theo đường mòn lên mặt trận Ngân Sơn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Na Rì hướng về nhiệm vụ giải phóng Bắc Kạn đã không quản ngại gian nan, vất vả bảo đảm vận chuyển hàng hóa an toàn, đúng thời gian đáp ứng yêu cầu cho chiến dịch. Tại Lương Thượng (Na Rì), kho hàng chứa chất trong nhà dạn, giữa năm 1948, bị địch phát hiện, chúng cho máy bay ném bom gây thiệt hại cho ta cả về người và của. Mặt khác, chúng tiếp tục cung cấp vũ khí cho bọn phản động từ phía Lạng Sơn tấn công Na Rì, nhằm làm mất ổn định hậu phương kháng chiến của ta, hỗ trợ cho sự ra đời cái gọi là "Liên bang Tày - Nùng miền Bắc Đông Dương" mà Pháp vừa nặn ra (10-7-1948). Với tinh thần

cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì vẫn giữ vững được hậu phương kháng chiến.

Trong thời gian quân Pháp chiếm đóng Bắc Kạn, Na Rì được xem là hậu phương tương đối an toàn của cuộc kháng chiến ở trong tỉnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các đoàn thể quần chúng và nhân dân các dân tộc Na Rì đã tiếp đón hàng ngàn đồng bào tản cư từ các địa phương trong tỉnh Bắc Kạn (chủ yếu là Bạch Thông, Ngân Sơn), tỉnh Lạng Sơn (nhân dân các huyện Lộc Bình, Ôn Châu, Cao Lộc) và dưới xuôi lên. Đồng bào tản cư được Đảng bộ và nhân dân Na Rì giúp đỡ về nơi ở, cả ruộng đất và trâu cày, thóc giống, công cụ sản xuất... tạo điều kiện cho đồng bào tản cư ổn định đời sống, đẩy mạnh sản xuất, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Là hậu phương kháng chiến, Đảng bộ Na Rì còn đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao một bước văn hóa tinh thần của nhân dân. Riêng năm 1948, Na Rì đã tăng cường thêm trường, lớp và đội ngũ giáo viên, tạo điều kiện cho giáo dục phổ thông thu nhận thêm con em các dân tộc cấp sách tới trường, nâng tổng số học sinh toàn huyện lên 488 em. Trong điều kiện kháng chiến, mạng lưới y tế huyện cũng bắt đầu được xây dựng. Tại huyện có

tử thuốc, góp phần nâng cao sức khỏe, giảm bớt
cúng bói trừ ma chữa bệnh trong nhân dân.

Những nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân các dân
tộc Na Rì, kể từ khi cuộc kháng chiến bùng nổ,
chẳng những bảo vệ an toàn quê hương mà còn
góp phần tích cực của mình vào sự nghiệp giải
phóng Bắc Kạn (8-1949) củng cố căn cứ địa kháng
chiến, thúc đẩy cuộc kháng chiến của quân và dân
ta ở Việt Bắc tiến lên giành những thắng lợi to
lớn hơn.

II- XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, PHỤC VỤ TIỀN TUYẾN, GÓP PHẦN ĐƯA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ CAN THIỆP MỸ ĐẾN THẮNG LỢI (1950 - 1954)

Xây dựng hậu phương trước hết là phải nói đến
công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đảng viên,
củng cố tổ chức đảng, làm cho Đảng trong sạch,
vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm
hạt nhân lãnh đạo, quyết định mọi thắng lợi của
nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc ở địa phương.

Ra đời trong thời kỳ kháng chiến, mặc dù số
lượng đảng viên còn ít, năng lực lãnh đạo của các
cấp ủy còn hạn chế, song Đảng bộ Na Rì đã cố
gắng thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong
việc tổ chức và lãnh đạo nhân dân tham gia tích

cực vào cuộc kháng chiến ở trong tỉnh, bảo vệ quê hương. Trong giai đoạn lịch sử mới của cuộc kháng chiến, việc nâng cao chất lượng đảng viên, củng cố tổ chức đảng, vai trò lãnh đạo của Đảng trở nên hết sức bức xúc. Mặc dầu chất lượng đảng viên, chi bộ trong Đảng bộ Na Rì tương đối đồng đều và không có chi bộ nát, song chi bộ yếu kém cho tới năm 1950 vẫn còn; có những đảng viên thuộc thành phần không cơ bản, phẩm chất chính trị yếu, ít nhiều cản trở trong việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Cuộc vận động "rèn luyện Đảng tính, trau dồi đạo đức cách mạng" do Tỉnh ủy phát động được Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì triển khai thực hiện ngay từ đợt một (từ 15-10-1949 đến 6-1-1950), sôi nổi nhất là đợt hai (từ 6-1 đến 19-5-1950). Hướng về ngày thành lập Đảng và ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, các chi bộ đẩy mạnh phê bình và tự phê bình. Qua học tập, đấu tranh với những biểu hiện lệch lạc, nhiều chi bộ, chi ủy được củng cố, chấn chỉnh; có chi bộ đưa ra khỏi Ban chi ủy các chi ủy viên yếu kém về tinh thần và tư cách, bổ sung các chi ủy những đảng viên tích cực, thành phần cơ bản. Những đảng viên phẩm chất chính trị yếu kém, thiếu tinh thần rèn luyện vươn lên do hậu quả của đợt phát triển đảng viên "bừa bãi" trong ba tháng đầu năm 1947 theo nhận định của

Tỉnh ủy¹ cho tới nay được giải quyết căn bản, một vài trường hợp đảng viên thuộc thành phần kỳ hào bị đưa ra khỏi chi ủy. Những tiến bộ trong xây dựng, củng cố tổ chức đảng đã thiết thực nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các cấp, các ngành, động viên toàn Đảng, toàn dân góp phần vào chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950, đồng thời lập thành tích dâng lên Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 2-1951) và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (tháng 6-1951).

Sau một thời gian củng cố, tuy có đạt được những kết quả và tiến bộ, song nhìn chung công việc tổ chức bên trong của nhiều chi bộ còn xộc xệch. Các chi bộ, thậm chí cả Huyện ủy vào thời điểm này chưa có các tiểu ban chuyên môn, thường mỗi chi ủy viên ở cấp cơ sở và huyện ủy viên ở cấp huyện phụ trách một hoặc hai Ban chuyên môn nào đó (trong các Ban Đảng vụ, Tuyên huấn, Thi đua, Kinh tế...). Chi bộ xã Quang Phong được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá là chi bộ hoạt động khá nhất của huyện Na Rì, là một trong ba chi bộ hoạt động khá nhất của Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn ở cơ sở xã, xứng đáng với vai trò lãnh đạo

1. Báo cáo tình hình Đảng bộ Bắc Kạn (1945 - 1948) của Tỉnh ủy Bắc Kạn, tài liệu đã dẫn, tr. 12.

của Đảng, cũng chưa thành lập được các tiểu ban chuyên môn.

Tháng 2 năm 1951, Đảng Cộng sản Đông Dương tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra đây là "Đại hội kháng chiến" nhiệm vụ chính là "đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam"¹.

Ngày 26-6-1951, Đảng bộ Bắc Kạn tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ III, đánh giá cao công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ trong gần 5 năm kháng chiến, đồng thời chỉ ra những thiếu sót "phát triển quá nhanh... phát triển không đúng cách" như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II đã nhấn mạnh. Đại hội nêu chủ trương xây dựng các chi bộ vững mạnh, tăng cường đấu tranh phê bình và tự phê trong Đảng, đề cao nguyên tắc xây dựng Đảng kiểu mới.

Được các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh soi sáng, Đảng bộ Na Rì tiếp tục khắc phục những mặt hạn chế, thiếu sót, từng

1. Văn kiện toàn quốc đại biểu đại hội lần thứ II của Đảng, Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, 1965, tr. 8.

bước nâng cao chất lượng các chi bộ, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ một cách toàn diện.

Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì coi công tác trọng tâm củng cố Đảng trong thời gian này là tiếp tục chấn chỉnh các chi bộ, xây dựng nền nếp, chất lượng sinh hoạt của các chi bộ, đồng thời tổ chức kiểm tra đảng viên dự bị, giáo dục đảng viên gương mẫu thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách thuế nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm. Do vậy, nhiều lớp huấn luyện cán bộ, nhiều đợt chỉnh Đảng được tổ chức ở huyện và cơ sở có tác dụng nâng cao lập trường giai cấp, giác ngộ chính trị trong cán bộ và đảng viên. Riêng năm 1951, Huyện ủy tổ chức được 69 đảng viên học tập trong 12 ngày về các vấn đề đường lối cơ bản của Đảng trong kháng chiến kiến quốc. Năm 1952, Huyện ủy lại tổ chức cho đảng viên các chi bộ học tập và thảo luận "Làm thế nào để trở thành người đảng viên tốt" và học tập sáu tiêu chuẩn của người đảng viên¹. Năm 1953, Huyện ủy cử 25 cán bộ, đảng viên đi dự lớp chỉnh Đảng của Khu và 20 đảng viên tham dự lớp chỉnh Đảng của tỉnh. Ngoài ra, Huyện ủy còn tổ chức

1. Báo cáo của Huyện ủy Na Rì (20-11-1953), lưu trữ tại Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Thái Nguyên, kỷ niệm số 20-BC. Na Rì.

hướng dẫn về phương pháp công tác cho các cán bộ tổ chức, tuyên huấn... nhằm đẩy mạnh mọi hoạt động của các ngành trong huyện.

Về mặt tổ chức, cho tới cuối tháng 11 năm 1953, Na Rì có 23 chi bộ với 335 đảng viên. Tháng 11 năm 1949, đồng chí Vũ An Ninh theo quyết định của Tỉnh ủy thôi giữ chức Phó bí thư Huyện ủy Na Rì chuyển sang làm Bí thư Huyện ủy Chợ Rã (tức Ba Bể), đồng chí Ma Thế Trọng nguyên Phó bí thư Huyện ủy Chợ Rã, sau khi tham dự khóa huấn luyện của tỉnh (mở tháng 4-1949) được Tỉnh ủy bổ sung làm Phó bí thư Huyện ủy Na Rì. Ngày 20 tháng 9 năm 1950, theo quyết định của Tỉnh ủy, đồng chí Nông Viết Toại giữ chức Bí thư Huyện ủy Na Rì thay đồng chí Lê Thành. Ngày 21 tháng 8 năm 1951, đồng chí Nông Viết Toại chuyển sang công tác khác, đồng chí Lê Thanh Bình được Tỉnh ủy cử giữ chức Bí thư Huyện ủy Na Rì.

Mặc dầu về nhân sự có những thay đổi ít nhiều trong cơ cấu của Huyện ủy, nhất là cương vị Bí thư, song từ năm 1950 đến năm 1954, Đảng bộ Na Rì vẫn phát huy tốt vai trò lãnh đạo của mình đối với sự nghiệp kháng chiến kiến quốc ở địa phương.

Trên cơ sở các chi bộ được chấn chỉnh, bầu lại cấp ủy, đưa được nhiều thành phần cốt cán và những đồng chí có năng lực vào cấp ủy cơ sở, ngày

25 tháng 6 năm 1952, Đảng bộ Na Rì tiến hành Đại hội lần thứ II họp tại Pò Pái xã Trung Thành. Tham dự Đại hội có 48 đại biểu trong đó có 44 đại biểu đại diện cho các chi bộ. Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá những thành tích đạt được trong gần 6 năm kháng chiến, đồng thời đề ra nhiệm vụ tích cực xây dựng hậu phương, phát động phong trào thi đua tăng gia sản xuất, phục vụ tiền tuyến. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ mới đáp ứng yêu cầu lãnh đạo nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc của Đảng. Trong khi chờ đợi Liên khu ủy chuẩn y, ngày 14 tháng 10 năm 1952, Tỉnh ủy Bắc Kạn ra Nghị quyết (số 46NQ/BK) tạm thời công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì do đồng chí Nguyễn Đức Sinh (tức Lê Thanh Bình) làm Bí thư Huyện ủy¹.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, Đảng quyết định ra hoạt động công khai và lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của dân tộc. Nhân dân các dân tộc Na Rì hướng về Đảng, hết sức tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ trong công cuộc xây dựng kinh tế, phát triển

1. Báo cáo của Huyện ủy Na Rì (số 20) về công tác mọi mặt sáu tháng đầu năm 1952, lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 11.

văn hóa, xây dựng hậu phương vững mạnh mọi mặt, ra sức phục vụ tiền tuyến.

Nền kinh tế Na Rì vốn nghèo nàn và lạc hậu, thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh: Đẩy mạnh tăng gia sản xuất - phát triển kinh tế tự túc, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì tập trung lãnh đạo nhân dân các dân tộc ra sức phát triển kinh tế nông nghiệp, chú trọng sản xuất lương thực, thực hành tiết kiệm nhằm bảo đảm yêu cầu lương thực của địa phương và góp phần cho kháng chiến.

Cuộc vận động sản xuất, tiết kiệm, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, được tổ chức sâu rộng. Các cuộc tuyên truyền, học tập được mở ở nhiều nơi, thu hút 4.000 người tham gia. Huyện đã đào tạo được 107 cán bộ cơ sở tham gia tổ chức cuộc vận động này¹.

Để đạt kết quả tốt trong sản xuất, thực hiện chủ trương của cấp trên, từ năm 1952, Ban Chấp hành Đảng bộ lãnh đạo việc xây dựng chương trình sản xuất trong nhân dân. Từ chỗ nhiều gia đình chưa biết lập kế hoạch, có cán bộ hướng dẫn, đầu

1. Báo cáo của Huyện ủy Na Rì (số 20) về công tác mọi mặt sáu tháng đầu năm 1952, tài liệu đã dẫn, tr. 11.

năm 1952, toàn huyện có 1.800 hộ xây dựng được chương trình kế hoạch sản xuất và lập giao ước thi đua. Sau đó, xã mở "Đại hội sản xuất" để phát động thi đua.

Từ những năm đầu cuộc kháng chiến theo chủ trương của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Na Rì đã phát động các phong trào thi đua "sản xuất, tiết kiệm", "chiến dịch trồng màu", đẩy mạnh khai hoang, phục hóa, trồng màu (ngô, khoai...) xuống ruộng trong vụ đông - xuân. Nhờ đó, diện tích trồng trọt không ngừng được mở rộng. Đến năm 1952, phong trào thi đua trồng màu tiếp tục phát triển, diện tích trồng các cây màu đều tăng, trong đó diện tích trồng lạc tăng 50%, đậu tương tăng 100% so với kế hoạch¹. Càng đi sâu vào cuộc kháng chiến kiến quốc, phong trào thi đua càng mở rộng và gắn liền với các ngày lễ kỷ niệm của đất nước. Từ năm 1952, hoà với phong trào thi đua của tỉnh và toàn quốc, Đảng bộ Na Rì phát động các "chiến dịch vụ mùa thắng lợi" hay còn gọi là "phong trào thi đua giành vụ mùa thắng lợi", nhân các ngày lễ Quốc tế Lao động (1-5) và ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5)... trong chỉ đạo, lãnh đạo thi đua

1. Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì trước Đại hội Đảng bộ lần thứ II (6-1952).

của Huyện ủy, từ năm 1952, cũng có những thay đổi: Phong trào thi đua không chỉ hô hào, động viên do huyện tổ chức, nay còn được phát động từ cơ sở với những nội dung cụ thể như: thi đua "cày sâu, bừa kỹ", "làm cỏ, bỏ phân", "gặt nhanh, gặt kỹ"...

Trong phong trào thi đua sản xuất, nhiều hộ gia đình và các cá nhân đạt thành tích quan trọng về các mặt. Tiêu biểu nhất là cụ Bế Văn Thạch có nhiều sáng kiến, kinh nghiệm sản xuất và đi đầu trong các phong trào thi đua có tác dụng noi gương cho mọi người, đồng chí đã đạt được danh hiệu cao quý: Chiến sĩ nông nghiệp toàn quốc. Sau khi dự Đại hội toàn quốc các chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu do Đảng và Chính phủ tổ chức (5-1952) để tổng kết kinh nghiệm phong trào thi đua chiến đấu và sản xuất được phát động từ năm 1948, cụ Bế Văn Thạch được Huyện ủy tổ chức đi nói chuyện với nhân dân các xã trong huyện nhằm phổ biến kinh nghiệm, cổ vũ phong trào tăng gia sản xuất, phục vụ kháng chiến.

Năm 1952, cùng với việc triển khai "chiến dịch vụ mùa thắng lợi", thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ Na Rì tiến hành cuộc vận động xây dựng tổ đổi công. Vốn đã có truyền thống giúp đỡ nhau trong sản xuất, chỉ sau vài tháng vận động,

tổ chức, Na Rì có 54 tổ đổi công¹. Trong 6 tháng đầu năm 1954, số tổ đổi công của toàn huyện lên tới 148 tổ với 3.499 lao động². Sản xuất tập thể theo hình thức tổ đổi công tạo được sức mạnh chống thiên tai, bảo vệ mùa màng, làm kịp thời vụ, vừa góp phần nâng cao năng suất, sản lượng cây trồng, vừa tạo nên thói quen và khả năng quản lý. lao động tập thể làm cơ sở cho việc tổ chức phong trào hợp tác hóa nông nghiệp sau này. Nhờ đổi công, nhiều diện tích ruộng bỏ hoang được phục hồi sản xuất, diện tích trồng lúa năm 1953 đạt 15.365 bung, tăng 3% so với năm 1952, tổng sản lượng lương thực năm 1953 đạt gần 3.387 tấn, tăng 6% so với năm 1952. Tính ra, mỗi một nhân khẩu nông nghiệp năm 1953 có thu nhập trung bình mỗi tháng 31 kg lương thực, đời sống của nông dân được cải thiện rõ rệt.

Trong phong trào thi đua tăng gia sản xuất, ngoài giai cấp nông dân, còn có lao động sản xuất của cán bộ công nhân viên chức ở các cơ quan và

1. Báo cáo công tác một năm 1952 của Tỉnh ủy Bắc Kạn.

2. Báo cáo công tác 6 tháng đầu năm 1954 của Tỉnh ủy Bắc Kạn, tr. 21.

của lực lượng vũ trang. Riêng 6 tháng đầu năm 1953, Huyện đội bộ dân quân nuôi được 13 con lợn đạt tổng trọng lượng 357 kg, trồng lúa thu hoạch được 10.397 kg, tự giải quyết được một phần nhu cầu lương thực, thực phẩm.

Ngoài lãnh đạo sản xuất nông nghiệp là chính, Huyện ủy còn quan tâm lãnh đạo việc tổ chức khai thác gỗ, mây, song, thu lượm hoa hồi, sa nhân... vừa tăng thêm thu nhập cho đồng bào vừa phục vụ kháng chiến kiến quốc.

Sản xuất có bước phát triển đã không những góp phần cải thiện một bước đời sống của đồng bào mà còn tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân các dân tộc Na Rì đóng góp của cải, lương thực cho kháng chiến. Năm 1950, thực hiện lời hiệu triệu đóng góp thóc dự trữ nuôi quân của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Na Rì đã đóng góp được hơn 10.000 kg¹. Hưởng ứng cuộc vận động "hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, chuyển mạnh sang tổng phản công" của Tỉnh ủy, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, đồng bào Na Rì đã đóng góp

1. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tháng 4-1950 (số 18 NQ-BK), lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr.8.

cho kháng chiến 373.400 đồng và 40.917 kg thóc cùng nhiều thực phẩm khác¹.

Phong trào tiết kiệm, "lộ gạo nuôi quân" được đông đảo nhân dân tham gia, 5 tháng đầu năm 1951, đồng bào trong huyện đóng góp được 1.590 kg.

Từ giữa năm 1951, Đảng bộ Na Rì ra sức chỉ đạo thực hiện chính sách thuế nông nghiệp của Đảng và Chính phủ, nhằm bồi dưỡng lực lượng của nông dân, hạn chế bóc lột của địa chủ, khuyến khích sản xuất củng cố hậu phương kháng chiến. Song, kết quả thực hiện nhìn chung còn nhiều hạn chế. Sang năm 1952, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ Na Rì đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống khai man, khai sót diện tích, thực hiện thuế công bằng, chính xác, tạo được sự đóng góp tự nguyện của toàn dân. Thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, các đoàn kiểm tra diện tích, bình sản lượng xác định mức thuế hoặc điều chỉnh thuế cho từng hạng ruộng đất phù hợp với thực tế sản xuất được tổ chức và khảo sát trên đồng ruộng², được đồng bào hoan nghênh. Theo

1. Báo cáo công tác một năm 1952 của Tỉnh ủy Bắc Kạn, tài liệu đã dẫn.

2. Báo cáo tổng kết thuế nông nghiệp năm 1952 của Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Na Rì (số 87-TNH ngày 20-4-1953), lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 1-8.

thống kê chưa đầy đủ, trong 4 năm (1951 - 1954) dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, đồng bào các dân tộc Na Rì đã đóng góp 2.598.657 kg lương thực cho kháng chiến¹.

Ngoài thực hiện thuế nông nghiệp, là hậu phương kháng chiến, nhân dân các dân tộc Na Rì còn giúp các huyện bạn trong sản xuất. Năm 1950, hưởng ứng chủ trương vận động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc giúp trâu cày, thóc giống cho những vùng mới giải phóng khỏi sự kiểm soát của thực dân Pháp và thổ phi, gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, Đảng bộ Na Rì đã lãnh đạo nhân dân giúp đỡ Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ngán Sơn 93 con trâu cày và 2.432 kg thóc giống dưới các hình thức cho vay, bán chịu hoặc ủng hộ.

Song song với phong trào thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, Đảng bộ Na Rì còn chú ý lãnh đạo nâng cao đời sống văn hóa tinh thần trong nhân dân các dân tộc. Trong những năm 1950 - 1954, chủ trương của Đảng bộ là đẩy mạnh phát triển văn hóa giáo dục bao gồm bình dân học vụ và giáo dục phổ thông. Các trường lớp bình dân

¹ Năm 1951: 70.317 kg, 6 tháng đầu năm 1952: 1.019.177 kg, 6 tháng đầu năm 1953: 542.975 kg, 6 tháng đầu năm 1954: 353.448 kg.

học vụ được mở rộng khắp, thu hút nhiều người tham gia. Tranh thủ ngoài giờ lao động như các buổi trưa, chiều, tối, bà con nô nức cấp sách tới lớp với một tinh thần: học chữ là thi đua yêu nước, là tham gia kháng chiến, kiến quốc. Riêng năm 1952, toàn huyện có gần 20 lớp học với 260 học viên. Đồng Xuân và Quang Phong là 2 xã có phong trào bình dân học vụ phát triển mạnh nhất. Cuối năm 1952, xã Đồng Xuân xây dựng được 4 lớp học gồm 40 học viên Tày, Nùng, Kinh và 2 lớp giành riêng cho người Dao: Xã Quang Phong tổ chức được 10 lớp có trên 40 học viên tham gia.

Các trường lớp phổ thông được hình thành dần sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công. Trong kháng chiến giáo dục phổ thông không ngừng phát triển. Năm 1952, toàn huyện có 19 trường phổ thông cấp I với 1.153 học sinh¹, bước sang năm 1953, ngoài phổ thông cấp I Na Rì còn có thêm 1 lớp 5 với số học sinh 50 em², đánh dấu

1. Báo cáo của Huyện ủy Na Rì về tình hình mọi mặt công tác năm 1952 (số 36, ngày 31-12-1952), tài liệu dẫn, tr. 18.

2. Báo cáo của Huyện ủy Na Rì về tình hình công tác 3 tháng thứ ba năm 1953 (ngày 25-9-1953), lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 9.

bước phát triển mới trong sự nghiệp giáo dục ở Na Rì.

Được sự quan tâm của Đảng bộ, phong trào vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe có nhiều tiến bộ. Có sự giúp đỡ của Ty y tế tỉnh, năm 1950, Na Rì đã xây dựng được tủ thuốc cho các xã. 6 xã thành lập được Ban y tế làm nhiệm vụ vận động nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh, xây dựng nếp sống mới. Uống nước đun sôi để nguội, nằm ngủ mắc màn, làm chuồng gia súc xa nhà, thu gom phân, sạch làng tốt ruộng trở thành phong trào toàn dân.

Để từng bước xóa bỏ các tập tục lạc hậu và các tệ nạn xã hội, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ Na Rì lãnh đạo các cơ sở xây dựng các bản hương ước với những nội dung cụ thể nhằm giảm nhẹ ma chay, cưới xin nặng nề, xóa bỏ nghiện hút, cờ bạc... giúp đỡ nhau sản xuất, đời sống.

Từ sau ngày Bắc Kạn được giải phóng (8-1949), con đường số 3 Thái Nguyên - Bắc Kạn - Cao Bằng trở thành con đường giao thông có tầm chiến lược đối với cuộc kháng chiến, vì thế thực dân Pháp tăng cường dùng máy bay bắn phá con đường này, nhằm cô lập căn cứ địa kháng chiến.

Hướng về cuộc chiến đấu của quân và dân ta trong Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950, đập tan âm mưu khóa chặt biên giới Việt - Trung của

thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, củng cố và mở rộng căn cứ địa kháng chiến, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, đồng bào các dân tộc Na Rì cùng đồng bào trong tỉnh ra sức sửa đường, đóng góp và vận chuyển lương thực cho tiền tuyến. Tỉnh riêng sửa đường, trong quý I năm 1950 thu hút hơn 6.500 dân công trong tỉnh tham gia, kết quả đến tháng 4 năm 1950, Đường số 3 từ Thái Nguyên lên Ngân Sơn (Bắc Kạn) đã thông xe, bảo đảm công tác chuẩn bị kịp thời cho chiến dịch.

Ngày 21 tháng 9 năm 1950, giữa lúc Chiến dịch Biên giới đang diễn ra quyết liệt, Tỉnh ủy Bắc Kạn phát động "Tuần lễ thi đua giết giặc lập công", đồng bào các dân tộc Na Rì đã hăng hái tham gia công tác sửa đường, vận chuyển lương thực từ Na Rì ra kho Nà Cù (Phủ Thông) góp phần làm nên chiến thắng Biên giới (1950) oanh liệt của dân tộc.

Với thắng lợi của quân và dân ta trong Chiến dịch Biên giới, căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc được củng cố, quan hệ quốc tế được thông thương và mở rộng, Quốc lộ số 3 trở thành mục tiêu bắn phá hết sức ác liệt của thực dân Pháp nhằm phá hoại hậu phương, ngăn cản sức kháng chiến của ta. Ngoài bom đạn của địch, mưa lũ cũng thường xuyên gây sạt lở nhiều quãng đường hiểm yếu làm tắc nghẽn giao thông nghiêm trọng.

Ngày 16 tháng 10 năm 1950, nhiều địa phương

ở Bắc Kạn mưa lũ lớn, làm hỏng nhiều đoạn đường số 3, nhất là quãng đường từ Bành Trạch đến Nà Phặc. Trước tình hình đó, Hội nghị quân dân chính và công chính của tỉnh họp ngày 24 tháng 10 năm 1950, quyết nghị sửa gấp Quốc lộ số 3 mà trọng điểm là đường Nà Phặc - Bành Trạch. Công trường sửa đường Nà Phặc - Bành Trạch được thành lập với hơn 2.000 người lao động được huy động từ các huyện trong tỉnh, trong đó, huyện Na Rì là 350 người. Khởi công từ ngày 1 tháng 11 năm 1950, làm liên tục trong 25 ngày, đồng bào các dân tộc Na Rì đã đóng góp trên 8.700 công lao động, bảo đảm đường Nà Phặc - Bành Trạch thông tuyến an toàn¹.

Từ năm 1951 cho đến khi Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng (7-1954), không kể ngày hay đêm, máy bay địch liên tục thả bom, bắn phá nhiều quãng đường trên Quốc lộ số 3, nhất là các trọng điểm Đèo Giàng, km 62... máy bay của địch đã trút hàng ngàn quả bom phá hoại nặng nề con đường này. Tính riêng năm 1952, máy bay địch tiến công 188 trận, thả 3.635 quả bom các loại từ 50 - 500 kg xuống Quốc lộ 3 trên địa phận Bắc

1. Nghị quyết Hội nghị cán bộ huy động dân công sửa đường (số 24-NQ) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, lưu trữ Huyện uỷ Na Rì, tr. 1.

Kạn. Địch phá ta sửa, địch lại phá, ta lại sửa. Bất chấp mọi gian khổ hy sinh, quân và dân ta kiên quyết giữ vững mạch máu giao thông.

Đảng bộ Na Rì trong mọi hoàn cảnh đã làm tròn trách nhiệm của mình kịp thời lãnh đạo các cơ sở huy động lực lượng dân công sửa chữa cầu đường, vận chuyển hàng hóa theo yêu cầu của tỉnh, góp phần làm thất bại âm mưu của địch, đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi. Trong tháng 7 năm 1951, Na Rì huy động 2.305 lao động và 181 con trâu kéo gỗ cùng đồng bào các huyện sửa chữa nhiều đoạn đường trên Quốc lộ số 3¹. Năm 1952, Na Rì có 1.711 lao động tham gia trên các công trường ở trong và ngoài tỉnh như công trình II Việt Bắc, công trường Sơn Dương - Tuyên Quang, công trường khai thác và kéo gỗ ở Sĩ Bình và Đèo Giàng, vận chuyển hàng trăm tấn gạo đến các kho Nà Hoan, Bản Tinh (Bạch Thông)²...

Trong lúc một bộ phận lực lượng lao động ở nông thôn huy động ra công trường, Đảng bộ Na Rì lãnh đạo chủ trương tiếp tục củng cố và phát

1. Báo cáo của Huyện ủy Na Rì về thống kê dân công từ tháng 1-7-1951, lưu trữ Huyện ủy Na Rì.

2. Báo cáo của Huyện ủy Na Rì về tình hình mọi mặt công tác năm 1952, tài liệu đã dẫn, tr. 16, 17.

triển các tổ đổi công, vãn công, giúp nhau trong sản xuất, nhất là những gia đình neo đơn nhằm bảo đảm sản xuất và đời sống của đồng bào. Chuẩn bị và phục vụ cho chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954, nhân dân Na Rì đóng góp hàng ngàn công trên các công trường sửa chữa cầu đường, riêng 6 tháng đầu năm 1953, đáp ứng yêu cầu sửa chữa cầu đường và vận tải lương thực, vũ khí ra mặt trận, Na Rì đã huy động 1.390 người ra công trường¹. Đầu năm 1954, Na Rì tiếp tục đóng góp 289 lao động trong đó có 133 nữ phục vụ trên công trường Liên khu Việt Bắc.

Dân quân, du kích là lực lượng cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ tiền tuyến, nhất là trong sửa chữa cầu đường, vận chuyển lương thực, vũ khí đạn dược... đồng thời đó còn là lực lượng chủ chốt trong sản xuất công nghiệp, là lực lượng giữ vai trò quyết định trong việc giữ gìn trị an bảo vệ xóm làng, là lực lượng bổ sung thường xuyên cho bộ đội chủ lực. Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì luôn quan tâm xây dựng lực lượng dân quân du kích vững mạnh, ngoài lực lượng bổ sung cho bộ đội

1. Báo cáo tình hình mọi mặt công tác 6 tháng đầu năm 1953... của Huyện ủy Na Rì (số 13 BC/NR, ngày 10-6-1953), lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 10.

địa phương của tỉnh, Na Rì còn có Trung đội du kích tập trung ở huyện, các xã có các đội dân quân không ngừng lớn mạnh về mọi mặt: trang bị, kỹ chiến thuật chiến đấu. Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (4-1950), Na Rì tổ chức một trung đội dự bị sẵn sàng cùng các trung đội dự bị của các huyện thay thế Tiểu đoàn Ba Bể, một khi Tiểu đoàn được cấp trên điều động... Năm 1952, lực lượng du kích Na Rì lên tới 222 người, nhiều hơn Ngân Sơn và Bạch Thông, tương đương với số lượng du kích của các huyện Chợ Đồn và Chợ Rã¹. Cuối năm 1953, lực lượng du kích toàn huyện là 296 người, trong đó có 48 du kích nữ.

Trên cơ sở lực lượng vũ trang trong huyện được xây dựng ngày càng vững mạnh, trong chín năm kháng chiến, Đảng bộ Na Rì đã lãnh đạo thắng lợi công tác động viên tuyển quân bổ sung quân chủ lực tham gia chiến đấu trong các chiến dịch Việt Bắc, Tây Bắc, Chiến dịch Điện Biên Phủ... Theo các số liệu chưa đầy đủ, tháng 3 năm 1950, 35 con em các dân tộc Na Rì đã lên đường nhập

1. Báo cáo tổng kết công tác mọi mặt năm 1952 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 2.

ngũ¹. Năm tháng đầu năm 1951, đồng bào các dân tộc Na Rì lại tiếp tục tiễn đưa 110 người con ưu tú lên đường tòng quân giết giặc... Từ năm 1951 cho tới năm 1954, huyện Na Rì có 272 con em các dân tộc nhập ngũ, góp phần cùng quân dân cả nước từng bước làm thất bại âm mưu xâm lược của thực dân Pháp, làm nên chiến thắng vẻ vang, chấn động địa cầu ở Điện Biên Phủ, kết thúc chín năm kháng chiến thần thánh của dân tộc.

CHI NHĨA (1954 - 8-1954)

1. ĐÂY LÀ MỘT SỐ DỮ LIỆU VỀ VIỆC TẬP QUÂN VÀ PHÂN
VẬN HÒA TẠI THỊ TRƯỜNG VÀ CÁC ĐƠN VỊ
CỦA QUỐC PHÒNG (1954-1955)

Trong đợt về vùng căn cứ và địa phương
Biển Phòng chuẩn bị các đơn vị kết thúc ở năm không
chiến trường kỹ thuật dân tộc (năm kết thúc đầu
Giomevo và hàng Dương được kỹ thuật 1954, miền
Bắc hoàn toàn được giải phóng chuyển sang thời
hiện ở vùng miền và các cách mạng xã hội của
những công nhân làm công nhân Việt Nam
từ các bộ phận Mỹ và các đơn vị miền Bắc.

1. *Chỉ thị về việc tuyển mộ tân binh (số 14 CT-BK ngày 27-4-1950) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 1.*

Chương III

ĐẢNG BỘ NA RÌ TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THỰC HIỆN CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (7-1954 - 8-1965)

I- ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG KINH TẾ, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CẢI THIỆN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN, CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG (1954-1957)

Thắng lợi vẻ vang của quân và dân ta ở Điện Biên Phủ chấn động địa cầu kết thúc 9 năm kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Sau khi Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết (7-1954), miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, chuyển sang thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Song miền Nam còn nằm dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ, vì vậy, đồng bào miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội để trở thành hậu phương vững mạnh của cách mạng cả nước, vừa ra sức chi viện sức người, sức của cho đồng bào

miền Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Để thực hiện những nhiệm vụ mới của cách mạng, sau khi hoà bình lập lại, ngày 26 tháng 8 năm 1954, các cơ quan đảng, chính quyền... huyện Na Rì từ nơi sơ tán chuyển về huyện lỵ cũ tại Yên Lạc là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của huyện. Na Rì trong kháng chiến chống thực dân Pháp là vùng tự do, hậu phương kháng chiến, mặc dầu vậy, hậu quả chiến tranh vẫn ảnh hưởng nặng nề đến tình hình kinh tế - xã hội Na Rì. Do đó, bắt tay vào thực hiện những nhiệm vụ mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa, Na Rì vẫn phải trải qua khôi phục kinh tế sau chiến tranh, nhằm tạo cơ sở phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân. Vấn đề ruộng đất đối với nông dân ở Na Rì từng bước được điều chỉnh trong cách mạng và kháng chiến, đến những năm đầu hòa bình tiếp tục điều hòa trong nội bộ nhân dân, đó cũng là đặc điểm riêng biệt của Na Rì so với một số địa phương khác. Do vậy, trong thời kỳ 1955 - 1957, căn cứ vào nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Bắc mà Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã vạch ra (9-1954) dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, xuất phát từ đặc điểm tình hình địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì chủ trương đẩy mạnh khôi phục, xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, ổn định và cải thiện một bước đời sống vật

chất và văn hóa tinh thần của nhân dân, củng cố quốc phòng, góp phần cùng đồng bào miền Bắc làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam chống lại âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta của đế quốc Mỹ và tay sai, đòi chúng phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ.

Do hậu quả chiến tranh đối với nền kinh tế đất nước, nên sau khi miền Bắc được giải phóng, đời sống nhân dân các dân tộc Na Rì gặp nhiều khó khăn: hàng hóa khan hiếm, giá cả tăng vọt, nạn đói đe dọa... ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân là nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ Na Rì. Thực hiện chủ trương "bình ổn thị trường" của Ban Chấp hành Đảng bộ, mật dịch của huyện đẩy mạnh các hoạt động lưu thông phân phối, cung cấp các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân. Tháng 8 năm 1954, mật dịch đã bán ra 748 kg gạo, 1.361 kg muối cùng với 528m vải và 325 con sợi. Bước đầu những cố gắng của Đảng bộ đã làm dịu bớt tình hình khan hiếm muối ăn, giúp đồng bào có thêm cái mặc. Song, cơn sốt về giá cả lương thực vẫn còn đang lên, giá gạo tăng vọt, 1.000 đ mua được 4 ống gạo tẻ (chừng 2,8 kg - 3 kg) vượt quá sức mua của nhân dân. Trước tình hình đó, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện quyết định bán tiếp số thóc trong kho cho nhân dân theo giá chỉ đạo của huyện. Mật dịch Yên Lạc đã nhập 8.501 kg thóc của kho lương thực huyện đem xay

giã, bán ra thị trường. Đồng bào các xã gần kho, gần sông tiện vận chuyển như Đồng Minh, Trung Thành, Lam Sơn, Thanh Bình, Bình Minh đã giúp đỡ vận chuyển và xay giã, để mậu dịch kịp thời có gạo bán cho cán bộ, nhân dân các dân tộc đang gặp khó khăn.

Một số người có tiền, đầu cơ trục lợi, đã nhân cơ hội này tranh mua lấy gạo của mậu dịch đem nấu rượu kiếm lời, trong lúc một số người đang bị nạn đói đe dọa. Để bán gạo đúng đối tượng, ngăn chặn nạn đầu cơ tích trữ, mua gạo của mậu dịch dùng không đúng mục đích, Huyện ủy yêu cầu các cơ sở phải tăng cường quản lý việc mua bán gạo mậu dịch. Các đối tượng đói có nhu cầu mua gạo của mậu dịch phải có giấy giới thiệu của xã. Nhờ đó, hầu hết gạo của mậu dịch bán ra theo chỉ đạo của Huyện ủy đã đến tận tay của những người đang thiếu ăn, góp phần ổn định căn bản tình hình đói vào lúc giáp hạt năm 1954.

Để tăng cường khả năng giao lưu kinh tế được Tỉnh ủy nhất trí, Đảng bộ Na Rì ra quyết định tái lập chợ Coóc Duông (gần huyện lỵ), xây dựng phố, chợ Yên Lạc phù hợp với xu thế phát triển kinh tế, xã hội Na Rì trong giai đoạn lịch sử mới.

Khôi phục, phát triển kinh tế mà trọng tâm là sản xuất nông nghiệp trở thành một trong những

nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ Na Rì trong những năm đầu hòa bình. Cuối tháng 8 năm 1954, Huyện ủy Na Rì lãnh đạo việc mở hội nghị (có 70 đại biểu tham dự) sơ kết 6 tháng đầu năm 1954, nhằm đánh giá kết quả sản xuất vụ xuân và tình hình sản xuất vụ mùa, đồng thời xúc tiến chuẩn bị kế hoạch vụ đông - xuân 1954 - 1955.

Cuối tháng 11 năm 1954 theo quyết định của Tỉnh ủy, đồng chí Lê Thanh Bình thôi giữ chức Bí thư Huyện ủy Na Rì, chuyển sang làm Bí thư Huyện ủy Chợ Rã. Đồng chí Nông Văn Giáp phụ trách quyền Bí thư tiếp tục lãnh đạo việc thực hiện các nghị quyết của Đảng bộ, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực.

Trước những đòi hỏi của tình hình sản xuất, từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 12 năm 1954, theo chỉ đạo của Huyện ủy, hội nghị sản xuất của huyện được triệu tập tại Yên Lạc. Tới dự hội nghị có 98 đại biểu gồm đại diện các tổ đổi công, tổ chức nông hội, các ủy viên kinh tế, tài chính và cấp ủy xã. Hội nghị quyết định nhiều vấn đề quan trọng: ngoài vụ mùa phải ra sức làm vụ xuân (Nam Ninh), trông màu, đẩy mạnh làm nương, phai, phát triển phong trào làm chuồng trâu để có sức kéo và có phân bón, củng cố phát triển các tổ đổi công, gây phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm...

Hội nghị quyết định lấy ngày 19 tháng 12 là ngày kỷ niệm toàn quốc kháng chiến làm mốc mở đầu cho phong trào thi đua đợt một. Đợt thi đua sẽ kết thúc vào giữa tháng 2 năm 1955 nhằm các mục tiêu trước mắt thực hiện thắng lợi vụ xuân 1955. Lễ giao ước thi đua được tổ chức trọng thể trong buổi mít tinh ở cơ sở. Giữa các xã, các tổ nông hội, đội công, kể cả hộ gia đình thách thức thi đua với nhau phấn đấu thể hiện các chỉ tiêu: sản xuất vụ xuân (lúa, ngô, khoai, sắn... số lượng nhiều, kịp thời vụ), cải tiến công cụ (làm bừa cổ Nghệ An), phân bón (làm hố phân, chuyển phân ra đồng), làm thủy lợi, làm chuồng trâu, bảo đảm thực hiện các kế hoạch sản xuất, chống đói...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, phong trào thi đua sản xuất đông - xuân 1954 - 1955 diễn ra sôi nổi ở Na Rì. Chỉ trong thời gian ngắn, Na Rì đã cày ải được 10.000 bung chuẩn bị cho vụ xuân và vụ mùa. Trong phong trào thi đua nhiều xã đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đầu năm, tiêu biểu là xã Cường Lợi.

Ngày 20 và ngày 21 tháng 2 năm 1954, Ban Chấp hành Đảng bộ chỉ đạo tổ chức hội nghị sơ kết phong trào thi đua vụ xuân 1954. Hội nghị đánh giá cao thành tích đạt được của các xã trong việc phấn đấu cấy đạt diện tích lúa Nam Ninh, tăng diện tích trồng màu mà vẫn bảo đảm thời

vụ, tiêu biểu là các tổ Nà Lặng, Bản Po xã Tô Hiệu.

Na Rì có 1.192 hộ có trâu, trong đợt thi đua này toàn huyện làm mới 250 chuồng trâu (chưa kể sửa 160 cái chuồng cũ), nâng tổng số chuồng trâu lên 960 chiếc, tính cả số hộ có chuồng để gần nhà sàn là 232 cái, huyện Na Rì đã chấm dứt được tình trạng trâu sống lang thang không chuồng. Để tận dụng nguồn phân, sạch làng tốt ruộng, các xã trong huyện đào được 556 hố phân. Những vấn đề nêu trên đánh dấu sự tiến bộ trong nếp sống và sản xuất của đồng bào.

Theo sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, từ ngày 3 đến ngày 8 tháng 3 năm 1955, các cấp ủy xã lãnh đạo việc phát động phong trào thi đua sản xuất đợt hai lấy thành tích chúc thọ Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân ngày sinh của Người (19-5). Xã Bình Minh được chọn làm xã trọng điểm, nơi tổ chức mít tinh, thách thức thi đua giữa các đơn vị. Các xã Văn Lãng, Tân Thành, Văn Minh, phong trào thi đua sản xuất đợt một còn yếu, đợt hai cùng hăng hái tiến lên theo phong trào chung của huyện.

Qua phong trào thi đua, sản xuất vụ xuân được đẩy mạnh. Riêng trồng lúa Nam Ninh năm 1955 trong hoàn cảnh thiếu giống và thiếu nước, Na Rì vẫn phấn đấu cây được 196,4 bung đạt 6,5% kế hoạch.

Trong những năm 1956 - 1957, phong trào trồng lúa Nam Ninh tiếp tục được đẩy mạnh. Năm 1957, riêng ở bốn xã: Quang Trung, Cường Lợi, Hùng Vương, Quốc Tuấn cấy được 371 bung¹, gần gấp đôi diện tích lúa Nam Ninh vụ xuân 1955, bằng 62% kế hoạch năm 1956 nhưng so với kế hoạch 1957 mới đạt 76% diện tích và 52% về sản lượng. Nguyên nhân dẫn đến Na Rì không đạt chỉ tiêu kế hoạch về diện tích, sản lượng vụ xuân 1957 theo nhận định của Ủy ban hành chính huyện là do "cán bộ không thống nhất hành động và quyết tâm vận động nhân dân cấy bữa để kịp thời vụ"², do thiếu ruộng và thiếu nước, một số người phải "mượn ruộng làm Nam Ninh, thêm khó khăn, chày chật"³.

Để mở rộng diện tích vụ xuân và chuẩn bị phục vụ cho vụ mùa, năm 1955, Đảng bộ Na Rì hết sức quan tâm tới việc lãnh đạo công tác thủy lợi. Đồng bào bỏ ra 867 công sửa 144 mương, 445 phai đủ cung cấp nước tưới hơn 2.376 bung.

Là huyện miền núi nhưng Na Rì có tới 90 hộ có ruộng đất, không có trâu cày và 47 hộ chỉ có một con trâu. Để giải quyết sức kéo trong sản

1, 2, 3. Báo cáo của Ủy ban hành chính huyện Na Rì (số 129 KT/TC) năm 1957, lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 1.

xuất, Đảng bộ chủ trương thông qua các tổ chức nông hội, tổ đổi công vận động nhân dân giúp nhau trâu cày. Kết quả cuộc vận động toàn huyện được 114 con trâu cho mượn, đủ điều hoà cho các hộ đang gặp khó khăn. Ngân hàng huyện cũng cố gắng cho 19 hộ vay vốn mua được 19 con trâu làm cơ sở phát triển sản xuất lâu dài.

Nhờ những cố gắng làm thủy lợi, bảo đảm sức kéo, vụ mùa năm 1955, đồng bào các dân tộc Na Rì cày được 9.765 bung, so với năm 1954, diện tích bị thu hẹp hơn bởi do bị hạn, các xã như Bình Minh, Thanh Bình... phải bỏ một số ruộng. Về năng suất, sản lượng nhìn chung thấp, bởi lẽ trong sản xuất một số gia đình tuy đã chú ý chăm bón, vận chuyển 104.340 gánh phân xuống ruộng, song diện tích được bón phân mới có 1.090 bung, phần lớn ruộng còn cấy chay. Được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo, đồng bào bắt đầu áp dụng một số biện pháp kỹ thuật nông nghiệp như xử lý giống ba sôi, hai lạnh, cấy nhỏ dảnh... song chưa thành phong trào.

Năm 1965, ở các xã tổ đổi công cố gắng tổ chức lao động sửa chữa 446 con mương, đắp 457 cái phai, bảo đảm nước tưới cho 5.759 bung nên diện tích canh tác vụ mùa nhìn chung vẫn đạt kế hoạch. Do đồng bào cố gắng chăm bón, thời tiết tương đối thuận lợi nên vụ mùa thu hoạch khá.

Vụ năm 1957, Na Rì gặp hạn lớn, nên cả diện tích và sản lượng đều hụt so với kế hoạch. Riêng về sản lượng so với năm 1956 lúa nước hụt khoảng 10%, lúa rẫy có một số đám hụt từ 40 - 50%. Dĩ nhiên, tình hình sản xuất nói trên ảnh hưởng lớn đến đời sống của đồng bào.

Phát huy thế mạnh của miền núi từ năm 1955 - 1957, đồng bào Na Rì sản xuất nhiều ngô, khoai, sắn, đỗ các loại..., cho dù so với chỉ tiêu kế hoạch thi đua nhìn chung diện tích gieo trồng chưa đạt, song sản phẩm thu được góp phần bổ sung nguồn lương thực, nhất là lúc giáp hạt¹.

Về lâm nghiệp, từ năm 1955 - 1957, Na Rì khai thác chủ yếu là các nguồn tài nguyên của rừng như sa nhân, củ nâu, song mây, khai thác gỗ và thu hái hoa hồi... Các mặt hàng trên chủ yếu để xuất khẩu sang Trung Quốc. Riêng năm 1955, tổng số tiền do khai thác lâm sản kể cả tiền công vận chuyển (trên sông) và tiền bán hoa hồi, Na Rì thu

1. Theo Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện Na Rì về tổng kết sản xuất vụ xuân năm 1955: ngô trồng ở soi bãi là 9.903 ống, chưa kể hàng ngàn ống gieo trồng trên rẫy; lạc trồng 1.130 ống đạt gần 20% kế hoạch, khoai sọ trồng 50.244 gốc đạt gần 43% kế hoạch, sắn trồng 179.337 gốc đạt gần 70% kế hoạch...

được 19.889.162 đồng (giá trị tiền năm 1955) góp phần cải thiện đáng kể sinh hoạt của đồng bào.

Là huyện miền núi, Na Rì có điều kiện phát triển chăn nuôi, song do khâu chăm sóc còn hạn chế nên tỷ lệ tăng trưởng còn chậm so với tiềm năng¹. Vì thế, những năm 1954 - 1957, Na Rì vẫn thiếu trâu kéo cày, bừa, ít nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển sản xuất.

Trong điều kiện nền kinh tế đang khôi phục, tốc độ phát triển còn chậm, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì vẫn ra sức thực hiện chính sách của Nhà nước mà chủ yếu với Na Rì là thuế nông nghiệp. Riêng thuế vụ hạ năm 1955 chỉ tiêu trên giao cho Na Rì 169 tấn, cho tới ngày 20 tháng 7 năm 1955, toàn huyện thu được 171 tấn. Thực hiện quyết định của Chi Sở thuế Bắc Kạn, tháng 5 năm 1955, huyện Na Rì thành lập phòng thuế tiến hành thu các khoản (sát sinh, thuế vụ, buôn chuyển...) ngay trong tháng 8 được 594.209 đồng góp phần giải quyết khó khăn tài chính của huyện.

Do thiếu ruộng đất và trâu cày, lại thêm thiên tai mất mùa, một số gia đình lâm vào hoàn cảnh khó khăn về sản xuất và bị nạn đói đe dọa nghiêm

1. Năm 1955 tăng 246 con so với năm 1954.

trọng. Theo điều tra chưa đầy đủ đầu năm 1955, toàn huyện có hàng trăm hộ thiếu ăn và bị đói, trong đó số người bị đói trầm trọng cần được cứu tế là: 683 người, số còn kiếm được bữa có ăn, bữa đói là 1.095 người¹. Nạn đói lan tràn nhiều xã trong nhiều dân tộc (Tày, Dao, Nùng...) bị nặng nhất là xã Bình Minh, Thanh Bình.

Trước tình hình nạn đói đe dọa, sản xuất của một số gia đình gặp nhiều khó khăn, Đảng bộ Na Rì đề ra chủ trương đẩy mạnh cuộc vận động trong nhân dân nêu cao tinh thần đoàn kết, tương trợ nhau trong lúc khó khăn², đặt chương trình sản xuất hoa mầu ngăn ngừa cho các hộ bị đói, đồng thời cấp ruộng đất cho các gia đình nông dân nghèo thiếu hoặc không có ruộng. Tổng số ruộng đất bỏ hoang ở Na Rì cho tới 1954 có 724 bung đã cấp 324 bung cho 79 hộ. Vụ mùa năm 1955, đáp ứng tình hình thiếu ruộng của nhân dân, thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện, Na Rì lại lấy gần

1. Báo cáo trước Hội nghị tổng kết vụ xuân 1955 của huyện Na Rì (số 162 BC), lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 11.

2. Giải quyết được 140 con trâu "cho mượn" giúp 28 hộ, vận động quyên góp được 31.098 kg lương thực đem cấp phát cho các đối tượng bị đói nặng nhất, số thóc giống vận động được là 8.396 kg đem cấy cho 122 hộ...

80 bung trong tổng số 400 bung còn lại đem cấp cho 18 hộ thuộc 6 xã (Trung Thành, Văn Minh, Cường Lợi, Chi Lăng, Hoàn Thành, Lam Sơn).

Đầu năm 1955, có 286 hộ với nhiều lý do khác nhau đã di cư ra Bạch Thông, giao lại cho chính quyền địa phương 465,9 bung ruộng và số soi bãi trồng được khoảng 750 ống ngô giống. Huyện Na Rì đã lấy 195 bung cấp cho 26 gia đình (Tày, Dao và H'Mông). Số ruộng đất còn lại bao gồm ruộng hoang và ruộng của đồng bào di cư gần 600 bung.

Đảng bộ Na Rì thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, đã lãnh đạo cuộc vận động đồng bào Dao hạ sơn, cấp ruộng cho đồng bào làm. Nhưng cuộc vận động lúc đó không thành công, phần do đồng bào không quen việc cấy cấy, phần do không dễ gì bỏ nếp sinh hoạt cũ đã trở nên chật chội với nương rẫy từ bao đời nay.

Phong trào đổi công trong lao động sản xuất được xây dựng từ trong năm kháng chiến nay tiếp tục phát triển. Đến năm 1957, toàn huyện có 155 tổ đổi công bao gồm hàng ngàn lao động. Các tổ đổi công cùng với nông hội có vai trò lớn trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng bộ như tổ chức sản xuất đổi công, xây dựng chỉ tiêu kế hoạch, phát triển phong trào thi đua, giải quyết

khó khăn trong sản xuất, đời sống như trâu cày, thóc giống cho đến cứu đói trong nhân dân.

Các tổ đổi công được củng cố và phát triển còn tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc đi học, xóa nạn mù chữ và nâng cao trình độ. Năm 1956, sau khi hoàn thành kế hoạch vụ mùa, các cấp ủy cơ sở 18 xã trong huyện thực hiện nghị quyết của Đảng bộ huyện đã lãnh đạo việc tổ chức và duy trì các lớp học thanh toán tình trạng mù chữ cho hàng trăm người.

Năm 1957, Na Rì tiếp tục đẩy mạnh công tác xóa mù chữ trong 8 xã, phong trào khá nhất là hai xã Trần Phú, Văn Lang. Cấp ủy hai xã này nêu quyết tâm thanh toán xong nạn mù chữ vào cuối năm 1957. Hệ thống giáo dục phổ thông các cấp không ngừng phát triển. Ngày 16 tháng 8 năm 1954, trong không khí phấn khởi chào đón hòa bình, Na Rì đã khai giảng năm học mới. Từ năm 1955 - 1957, nhiều trường, lớp mới được xây dựng, chất lượng giáo dục được nâng lên, theo sự đổi mới nội dung chương trình của Bộ.

Công tác y tế, xã hội được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo, ngành y tế huyện chăm lo bổ sung thuốc ở các xã, củng cố phòng khám bệnh ở huyện lỵ, đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh trong nhân dân như các bệnh mùa hè, mùa

đông, bệnh sốt rét...¹. Công tác hậu phương quân đội mà trọng tâm là chăm lo sức khoẻ cho thương bệnh binh nhất là dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sĩ (27-7) được tổ chức toàn thể, chính quyền và cấp ủy quan tâm thăm hỏi, bảo đảm các chính sách chế độ cho từng đối tượng.

Tình hình trị an xã hội có lúc, có những diễn biến phức tạp do hậu quả của nạn đói ở một số địa phương, nhất là việc "thi hành sai chính sách sản xuất đối công"² thực hiện quản lý lao động ở xã Đồng Xuân như quản lý lao động trên công trường, khiến đồng bào không có điều kiện sản xuất riêng và mất cả quyền tự do dân chủ. Hậu quả là gây nên nổi bất bình trong một bộ phận dân cư, giữa lúc đó, những nguồn tin thất thiệt về giảm tô, cải cách ruộng đất ở một số huyện và

1. Một số công việc cụ thể như: cuối năm 1954, khám bệnh cho 204 người, phát thuốc cho 22 người, tuyên truyền phòng bệnh 12 lần cho 236 người nghe.

Đầu năm 1955, mở 70 cuộc tuyên truyền phòng bệnh cho 1.289 người nghe, diệt 263.835 con ruồi, làm 218 hố xí, 2.501 hố rác...

2. Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (số 05 BC/KB) gửi Ban Thường vụ Liên khu ủy Việt Bắc, lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 1.

tỉnh ngoài Na Rì dội đến làm cho một số người có ruộng hiểu sai chính sách giảm tô, cải cách ruộng đất của Đảng, đã bỏ lại ruộng đất, di cư đi nơi khác.

Trước những biểu hiện thiếu lành mạnh về an ninh xã hội ở xã Đồng Xuân, Huyện ủy Na Rì một mặt gửi văn bản (ngày 24-3-1955) báo cáo Tỉnh ủy, xin ý kiến chỉ thị, mặt khác cử một huyện ủy viên cùng ba cán bộ xuống xã kiểm thảo đồng chí Bí thư chi bộ, ổn định tình hình chính trị, tư tưởng trong nhân dân.

Gắn liền với sự nghiệp cách mạng chung của cả nước, trong thời kỳ này Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì còn hăng hái tham gia đóng góp xây dựng đất nước, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Tháng 8 năm 1954, Na Rì huy động 196 dân công đạt 98% kế hoạch phục vụ công tác kiến thiết kho, lán theo yêu cầu của tỉnh. Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 1954, theo yêu cầu của Trung ương, tỉnh Bắc Kạn có nhiệm vụ sản xuất 15.000 thanh tà vẹt (bằng gỗ nghiến) để xây dựng đường xe lửa Hà Nội - Nam Quan. Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh giao cho, Na Rì đóng góp 318 lao động đạt 99% kế hoạch. Trên công trường (ở phía nam tỉnh) lực lượng dân công Na Rì được tổ chức thành hai đại đội (C1 và C2). Công điều kiện sản xuất có nhiều khó khăn, C1

Na Rì vẫn hoàn thành nhiệm vụ trước thời gian. Nêu cao tinh thần lao động xây dựng đất nước, C1 chẳng những giúp đỡ C2 mà còn giúp các đại đội huyện bạn hoàn thành kế hoạch.

Hướng vào cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà của đồng bào miền Nam ruột thịt, Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Na Rì trong những năm 1955 - 1956 tổ chức nhiều cuộc mít tinh thu hút hàng ngàn người tham gia nhất trí kiến nghị lên Ủy ban quốc tế giám sát thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi Mỹ - ngụy phải tôn trọng Hiệp định Giơnevơ.

Trong ba năm (1955-1957), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì được Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo đã phát huy nội lực đạt nhiều thành tích quan trọng trong công cuộc khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân, đồng thời ra sức củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh xã hội. Cơ quan Ban chỉ huy huyện đội, cho tới tháng 8 năm 1955, mới có bảy đồng chí kể cả cán bộ chỉ huy, song đã làm tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy, triển khai các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Sơ kết công tác quân sự địa phương 6 tháng đầu năm 1955, các cơ sở trong toàn huyện đã bầu được 2 cá nhân xuất sắc và 5 chiến sĩ thi đua đề nghị

cấp trên khen thưởng. Trong xây dựng lực lượng thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, các xã đã ra sức củng cố du kích, đưa những người gương mẫu hăng hái trong công tác quân sự địa phương vào đội du kích, đồng thời đưa ra khỏi hàng ngũ du kích những đội viên vô tổ chức, kỷ luật. Trong đợt này, xã Đồng Xuân phát triển được thêm bốn đội viên mới và loại hai đội viên vì kém phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm.

Những tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng bộ huyện, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên từ tháng 7-1954 đến hết năm 1957, tạo ra những điều kiện thuận lợi để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì tiến lên thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ của Đảng trong cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp cải cách dân chủ ở Na Rì trong những năm 1958 - 1960.

II- CUỘC VẬN ĐỘNG HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP KẾT HỢP VỚI CẢI CÁCH DÂN CHỦ (1958 - 1960)

Trải qua thời kỳ khôi phục kinh tế, hoàn thành cách mạng dân chủ, miền Bắc chuyển sang thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Trung tuần tháng 11 năm 1958, Ban Chấp hành

Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 chủ trương phát triển kinh tế, văn hoá trong kế hoạch ba năm (1958 - 1960) và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ và kinh tế tư bản tư doanh.

Xuất phát từ tình hình cụ thể của địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì xác định nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với Na Rì chủ yếu là thực hiện cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp đối với nông dân.

Mặc dầu phân hóa giai cấp ở nông thôn Na Rì có một số địa phương chưa thật sâu sắc, song, trong cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp theo tinh thần chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì quán triệt đầy đủ, sâu sắc đường lối, phương châm nguyên tắc mà Trung ương Đảng đã đề ra tại Hội nghị lần thứ 16 của Trung ương (4-1959). Về đường lối: dựa hẳn bản nông và trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, hạn chế đi đến xóa bỏ sự bóc lột kinh tế của phú nông, cải tạo phú nông, ngăn ngừa địa chủ ngọc đầu dậy, tiếp tục mở đường cho địa chủ lao động cải tạo thành con người mới, kiên quyết đưa nông dân đi vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Phương châm tiến hành là: "Tích

cực lãnh đạo, vững bước tiến lên; quy hoạch về mọi mặt, sát với từng vùng, làm tốt, vững và gọn". Ba nguyên tắc cần quán triệt trong xây dựng, củng cố hợp tác là: "Tự nguyện cùng có lợi và quản lý dân chủ".

Tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, Đảng bộ Na Rì có nhiều thuận lợi cơ bản: Đảng bộ vừa được củng cố mọi mặt, những khuyết điểm của một số đồng chí ở cấp ủy cơ sở, kể cả Bí thư chi bộ trong tổ chức sản xuất, đổi công vừa được uốn nắn theo chỉ thị của Tỉnh ủy; đồng bào các dân tộc Na Rì có truyền thống yêu nước, cách mạng tuyệt đối tin tưởng ở đường lối của Đảng, cần cù lao động, thông minh và sáng tạo; phong trào đổi công phát triển mạnh.

Đương nhiên, cải tạo xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực nông nghiệp đối với Na Rì gặp không ít khó khăn. Bởi lẽ hợp tác xã nông nghiệp là cuộc vận động cách mạng sâu sắc và triệt để ở nông thôn được thể hiện hữu cơ trên ba mặt: cải tạo quan hệ sản xuất, cải tiến kỹ thuật và giáo dục tư tưởng. Đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa là sự thay đổi căn bản thói quen, nếp nghĩ, nếp làm có từ bao đời nay đối với người nông dân trên mảnh ruộng của họ. Đã vậy, đối với Na Rì cư dân, làng bản phần nhiều thừa thớt, ruộng đất phân tán, manh mún, kỹ thuật

canh tác lạc hậu... đó cũng sẽ là những trở ngại lâu dài.

Từ cuối năm 1958, khi cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp bắt đầu ở miền núi, và một số địa phương thuộc tỉnh Bắc Kạn, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì đã mở hội nghị cán bộ quán triệt các nghị quyết của Trung ương và của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn về cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ.

Ngoài việc tham quan, học tập các hợp tác xã thí điểm của tỉnh tổ chức ở Bạch Thông, Ngân Sơn, Huyện ủy Na Rì còn mở cuộc tập huấn về công tác quản trị, kế toán, kiểm tra cho 188 cán bộ xã.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp được triển khai sâu rộng trong nhân dân nhằm giáo dục cho mọi người phân biệt được con đường xã hội chủ nghĩa với con đường tư bản chủ nghĩa, nhận rõ miền Bắc nhất định phải phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa. Chỉ có tổ chức nông dân lại, thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp, đưa họ vào con đường làm ăn tập thể mới đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống, thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu...

Cuối năm 1958, Na Rì xây dựng thí điểm hai

hợp tác xã ở hai xã Bình Minh và Hùng Vương (Côn Minh). Trên cơ sở phong trào thí điểm đạt kết quả tốt, Ban Chấp hành Đảng bộ quyết định triển khai phong trào hợp tác hóa rộng khắp trong toàn huyện, đến cuối năm 1959 đã thu hút 64% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Cho tới đầu năm 1960, huyện Na Rì xây dựng được 69 hợp tác xã nông nghiệp bao gồm 1.487 hộ nông dân chiếm 80,5% tổng số hộ nông dân trong huyện, gồm 55 hợp tác xã bậc thấp với 1.180 hộ chiếm 64,16% tổng số hộ xã viên trong toàn huyện và 14 hợp tác xã bậc cao với 307 hộ, chiếm 16,69% tổng số hộ xã viên.

Ở vùng cao có 3 hợp tác xã nông nghiệp với 28 hộ, chiếm tỷ lệ 19,9% số hộ vùng cao. Như vậy, Na Rì có 21 xã đều đã có cơ sở hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có 19 xã cơ bản đã hoàn thành hợp tác xã nông nghiệp. Toàn huyện đã đưa 1.037 ha chiếm 70,47% ruộng đất vào hợp tác xã.

Phương châm của Ban Chấp hành Đảng bộ là vừa xây dựng hợp tác xã vừa củng cố quan hệ sản xuất mới bằng cách quan tâm lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất phát triển, từng bước nâng cao đời sống, củng cố niềm tin của đồng bào vào con đường làm ăn tập thể.

Là huyện vùng cao, công tác thủy lợi đối với sản xuất ở Na Rì giữ vai trò hết sức quan trọng.

Kinh nghiệm cho thấy một số xã không tăng được vụ, nhất là vụ đông - xuân là do không có nước để cày cấy, hoặc năng suất lúa thấp là do bị hạn... do vậy, công tác thủy lợi được các hợp tác xã chăm lo thường xuyên như đắp đập, làm phai, khơi mương, bắc máng, làm guồng nước để đưa nước từ dưới sông, suối lên ruộng cao bậc thang. Riêng năm 1959, các hợp tác xã trong huyện sửa 196 mương, 143 phai, làm mới 15 mương, phai.

Những cố gắng trong khâu thủy lợi của hợp tác xã đã góp phần mở rộng vụ đông - xuân. Năm 1959, diện tích lúa Nam Ninh tăng 43% so với năm 1958, sản lượng đạt 530 tấn. Diện tích vụ mùa năm 1959, toàn huyện cấy được 1.498,4 ha, đạt sản lượng 3.700 tấn. Về kết quả sản xuất nông nghiệp theo đánh giá của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì: năm 1959, mức thu hoạch của các hợp tác xã đều tăng so với khi còn làm ăn cá thể¹.

Đồng thời với cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy và Nghị quyết 16 của Trung ương, căn cứ vào tình hình cụ thể địa phương, Đảng bộ Na Rì thực hiện cải tạo

1. Theo Báo cáo tổng kết phong trào đổi công, hợp tác xã đầu năm 1960 của Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì (số 15), lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 3.

các thành phần kinh tế tư nhân của các thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ. Na Rì có một số hộ tiểu thương, ngoài ra còn có các hộ làm nghề rèn, may mặc, phục vụ ăn uống... chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì là đưa họ vào các tổ hợp tác xã thủ công hoặc chuyển sang làm nông nghiệp tùy theo điều kiện cụ thể của từng vùng và từng hộ. Sau một thời gian tuyên truyền giáo dục, Na Rì đã tổ chức được một tổ chế biến mì khô gồm 9 hộ, 2 tổ may mặc ở phố Yến Lạc, Tân An gồm 8 hộ và các tổ rèn, phục vụ ăn uống, cắt tóc...

Đồng thời với việc tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, từ tháng 11 năm 1959, chấp hành Chỉ thị 156 của Trung ương, theo hướng dẫn của Tỉnh ủy, Đảng bộ Na Rì thực hiện cuộc vận động hoàn thành cải cách dân chủ. Hai cuộc vận động này có mối quan hệ với nhau nhằm tạo bước chuyển biến căn bản quan hệ sản xuất, kinh tế và xã hội ở miền núi trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Để làm tham mưu và giúp cấp ủy chỉ đạo cuộc vận động hoàn thành cải cách dân chủ, Huyện ủy quyết định thành lập Ban Chỉ đạo công tác này gồm năm đồng chí, do đồng chí Hoàng Minh, Phó bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban.

Vận động dân chủ thực chất là cuộc đấu tranh giai cấp, xóa bỏ cường quyền bóc lột và mọi biểu

hiện tư tưởng của chế độ cũ, song phương châm tiến hành của Đảng bộ huyện theo chủ trương của cấp trên là đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng nâng cao lập trường giai cấp trong nông dân; thông qua đấu tranh của quần chúng để giáo dục, cải tạo những phần tử bóc lột có biểu hiện cường quyền, ức hiếp nhân dân; đồng thời kiên quyết vạch mặt, trấn áp những kẻ ngoan cố chống lại chính sách của Đảng và Chính phủ.

Qua công tác thí điểm ở hai cơ sở thuộc Bình Minh và Hùng Sơn đạt kết quả tốt, năm 1960, Đảng bộ Na Rì quyết định mở rộng cuộc cải cách dân chủ trên phạm vi toàn huyện. Trong chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lấy bảy xã, mỗi xã có một hoặc nhiều là hai cơ sở làm trọng điểm của cuộc cải cách dân chủ, đó là Bản Pò (Bình Minh), Bản Slản (Tân Thành), các bản Nà Dàng, Nà Ca (xã Hoàn Thành, tức Dương Sơn), Bản Tuồng (xã Đông Xuân, tức Đông Xá), Bản Dâng (xã Văn Vũ, tức Vũ Loan), Bản Nà Chè (Cường Lợi), Bản Nà Nhàng (xã Chi Lăng, tức Xuân Dương).

Thắng lợi bước đầu của cải cách dân chủ đã có tác dụng thúc đẩy và củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất. Cải cách dân chủ làm trong sạch địa bàn, kiện toàn một bước công tác tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể, cải tạo những phần tử bóc lột, cường

quyền thành người lao động, trên cơ sở đó tăng cường khối đoàn kết dân tộc, giữ vững trị an xã hội, củng cố quốc phòng.

Đang lúc triển khai hai cuộc vận động lớn, được sự nhất trí của Tỉnh ủy, Huyện ủy Na Rì tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ III từ ngày 25 tháng 4 đến ngày 3 tháng 5 năm 1960. Tham dự Đại hội có 63 đại biểu đại diện cho các cơ sở đảng, Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá những thành tích đạt được và những mặt còn yếu kém trong việc thực hiện kế hoạch ba năm (1958 - 1960) cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa. Ưu điểm căn bản là Đảng bộ đã tập trung mọi cố gắng vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trọng yếu của thời kỳ này là tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp với việc hoàn thành cải cách dân chủ ở Na Rì đã tạo nên quan hệ sản xuất mới, tinh thần lao động mới, tạo bầu không khí chính trị mới, làm cơ sở cho Đảng bộ tiến lên thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội trong năm sau.

Căn cứ vào nghị quyết của Tỉnh ủy trong thời kỳ này, Đại hội đã đề ra nhiệm vụ mới của toàn Đảng bộ, đó là: ra sức củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, trên cơ sở đảm bảo đường lối, phương châm, nguyên tắc đề ra trong Nghị quyết 16 của Trung ương Đảng, phấn đấu vận động đưa 90% số hộ nông dân vùng thấp và

30% số hộ nông dân vùng cao vào hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp, củng cố và phát triển hợp tác xã bậc thấp, tiếp tục lãnh đạo đưa 30% số hợp tác xã bậc thấp lên hợp tác xã bậc cao. Như vậy, đến năm 1960 toàn huyện Na Rì sẽ đưa 90,86% số hộ lao động vào hợp tác xã nông nghiệp. Trong đó phần đầu đảm bảo 50% số hợp tác xã đạt loại khá, 30% đạt loại trung bình¹.

Về hợp tác xã tín dụng, trong lãnh đạo Đảng bộ đưa chỉ tiêu phần đầu xây dựng 15 hợp tác xã thu hút 80% số hộ vùng thấp và 20% số hộ vùng cao. "Đồng thời ra sức tuyên truyền giáo dục gây ý thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia tiến tới xây dựng hợp tác xã mua bán"².

Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: Trong năm 1960 phải tích cực đưa đại bộ phận số hộ tiểu thủ công, buôn bán nhỏ vào các hình thức hợp tác với một tinh thần tích cực, kiên quyết, khẩn trương hơn, bảo đảm căn bản hoàn thành cải tạo tư thương³.

Về kinh tế, Đại hội nêu chủ trương đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện, lấy sản xuất

1, 2, 3. *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Na Rì (số 11 NQ/NR, họp ngày 25-4 - 3-5-1960)*, lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 4, 5.

lương thực (lúa, ngô, hoa màu) làm khâu chính, đồng thời ra sức phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm bảo đảm sức kéo và nhu cầu thực phẩm; phát huy thế mạnh của huyện phát triển cây công nghiệp, trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng¹.

Về văn hóa xã hội, củng cố và mở rộng mạng lưới y tế phát triển văn hóa giáo dục², giữ vững trị an xã hội nhất là vùng biên giới, tăng cường củng cố quốc phòng, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV gồm 18 ủy viên, trong đó 3 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành mới đã bầu ra Ban Thường vụ gồm 4 đồng chí, đồng chí Hoàng Minh được cử làm Bí thư và đồng chí Sầm Chi Phó bí thư.

1. Phấn đấu đạt sản lượng thóc: 4751 tấn, bình quân 441 kg/người. 406 con trâu cho miền xuôi, trồng 30.000 cây các loại...

2. Xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa, tăng cường giáo dục chính trị cho giáo viên cấp I, nâng cao chất lượng giáo dục, tăng tỷ lệ học sinh dân tộc ít người... Về bổ túc văn hóa phấn đấu xóa nạn mù chữ cho 700 người, bổ túc văn hóa lớp 2, 3, 4 cho 620 người.

Đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh, củng cố cơ sở y tế xã, tăng cường thi hành xã ước, giảm mê tín dị đoan, xây dựng nếp sống mới.

Xây dựng Đảng và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là một trong những nội dung quan trọng của Đại hội. Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh: "Ra sức nâng cao công tác tư tưởng và lý luận trong Đảng" nhằm phát huy vai trò tiên phong, lãnh đạo của Đảng. Nghị quyết vạch rõ: phải "nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật để tăng cường sức chiến đấu của Đảng". Về vấn đề này, Đại hội đặc biệt quan tâm đến các cơ sở đảng yếu "cần có kế hoạch toàn diện củng cố chi bộ vững mạnh"¹ phấn đấu đến hết năm 1960, toàn Đảng bộ có 2/3 số chi bộ có khả năng tự động công tác, thể hiện rõ được vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Nghị quyết còn nhấn mạnh: Đảng phải đi sâu, đi sát nắm vững tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, đề xuất và kiểm tra báo cáo các vấn đề nảy sinh ở cơ sở bảo đảm việc thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách của Đảng. Nghị quyết trên đây của Đại hội đã mở ra một thời kỳ hoạt động mới của Đảng bộ, là nhân tố quan trọng thúc đẩy hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa và tạo đà thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

1. Trong 102 hộ xin ra, cơ sở đã giữ được 66 hộ, giải quyết cho 35 hộ của 14 hợp tác xã ra khỏi hợp tác xã, khai trừ 5 hộ, 16 hộ ở hai hợp tác xã buộc phải giải tán vì quy mô quá nhỏ, 4 hộ xin chuyển cư...

III- CÙNG CỐ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ,
ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI (1961 - 1965)

Tháng 9 năm 1960, Đảng đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra trong buổi lễ khai mạc: "Đại hội lần này là đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà". Đại hội đề ra nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) là ra sức phấn đấu thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Với Na Ri, như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ III của huyện đã chỉ ra, củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa là một trong những nhiệm vụ tiếp tục thực hiện trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhằm hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn.

Do khâu tổ chức, quản lý lao động, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật yếu, nên một số hợp tác xã sản xuất không phát triển, đời sống

nhân dân khó khăn, đặc biệt là một số hợp tác xã của đồng bào Dao vừa mới hình thành, ruộng đất, dân cư quá phân tán. Vì thế, cuối năm 1960, đầu năm 1961, toàn huyện có tới 102 hộ xin ra khỏi hợp tác xã để làm ăn riêng lẻ hoặc di cư đi nơi khác. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã chỉ đạo các Ban chi ủy xã, tăng cường giáo dục, ổn định tư tưởng nhân dân, hướng dẫn các hợp tác xã kế hoạch sản xuất và có biện pháp giúp đỡ những hộ gia đình bị lâm vào hoàn cảnh thiếu ăn... Cấp ủy các xã Tiên Phong, Trung Thành đã có những biện pháp cụ thể đối với các hợp tác xã Khuổi Táy (Tiên Phong), Nà Dài (Quang Trung) nên đã hạn chế được tình trạng tan vỡ lan tràn.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV (12-1961) nhấn mạnh: Hướng dẫn đồng bào vùng cao định canh, những nơi có điều kiện thì vận động xuống làm ruộng trên cơ sở giúp đỡ đồng bào về phương tiện và cách làm ăn, tích cực vận động đồng bào trồng nhiều lúa, ngô, khoai, sắn... phấn đấu bình quân một đầu người 400 kg thóc, bảo đảm mức sống cho đồng bào.

Thực hiện nghị quyết trên, các cơ sở đảng đã lãnh đạo việc củng cố, giữ vững các hợp tác xã vùng cao. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện cũng

đặt vấn đề nghiên cứu khâu thủy lợi bảo đảm đủ nước tưới ruộng cho đồng bào vùng cao tại một số địa phương: Khuổi Cáy (Đồng Xuân), Khuổi Luông (Lam Sơn), Khuổi Quân (Trung Thành).

Tổng số hộ vùng cao ở Na Rì là 210 hộ, gồm 1.219 nhân khẩu sinh sống rải rác ở 13 xã, cho tới năm 1965 có 109 hộ với 686 nhân khẩu đã định canh, song chủ yếu vẫn là sản xuất nương rẫy, một số hộ được đồng bào Tày nhượng ruộng đất cho làm, một số ít tham gia trong hợp tác xã của người Tày¹.

Để nâng cao năng lực quản lý hợp tác xã, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện triệu tập 28 cán bộ mở khóa huấn luyện nghiệp vụ, sau đó tỏa về các cơ sở phối hợp với cấp ủy, triển khai công tác ba khoán ở 16 hợp tác xã, giúp đỡ 25 hợp tác xã lập kế hoạch ba quản, mở ba lớp cán bộ kế toán và hướng dẫn việc khóa sổ cuối năm 1962 ở 33 hợp tác xã và thanh quyết toán năm 1961 trong 60 hợp tác xã trên địa bàn huyện.

Năm 1962, toàn huyện vẫn giữ được 60 hợp tác xã, thu hút 81,66% số hộ nhân dân trong huyện

1. Có 4 hộ (25 khẩu) ở Sán Hồ (Kim Hỷ) sáp nhập vào hợp tác xã Bản Rềm, vận động hợp tác xã Bản Kẹ (Kim Hỷ) nhượng ruộng ở Nà Ân cho 5 hộ (29 khẩu)...

tham gia trong đó có 23 hợp tác xã bậc cao với 714 hộ chiếm 38,66% số hộ xã viên, 3 hợp tác xã vùng cao gồm 24 hộ, 3 hợp tác xã liên hiệp (Tây, Nùng, Dao, kể cả đồng bào khai hoang), 2 hợp tác xã hợp nhất. Nhìn chung, các hợp tác xã phần lớn quy mô đều nhỏ và vừa, cơ bản thích hợp với khả năng, trình độ quản lý ở miền núi¹. Đến năm 1965, phong trào hợp tác xã vẫn được giữ vững, có mặt được củng cố và phát triển. Toàn huyện có 62 hợp tác xã, gồm 89,19% số hộ trong nhân dân, số hộ vào hợp tác xã bậc cao chiếm 69% số hộ xã viên, tăng hơn 1962 là 21,34%. Số ruộng đưa vào hợp tác xã là 12.736 bung chiếm 84,35% tổng diện tích. Qua phân loại cho thấy hợp tác xã khá chiếm 30,7%, trung bình 50,7%, kém 18,5%.

Nhìn chung, phong trào hợp tác xã vẫn ổn định, song cũng đã bộc lộ nhiều mặt yếu kém, qua cải tiến quản lý vòng một có một số hợp tác xã vẫn trì trệ trong sản xuất, thu nhập còn thấp, đời sống xã viên còn khó khăn.

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế, văn hóa miền núi của Đảng bộ, một số đồng bào miền

1. Dưới 25 hộ có 17 hợp tác xã, từ 16 - 30 hộ có 19 hợp tác xã, từ 30 - 50 hộ có 21 hợp tác xã, từ 50 - 80 hộ có 2 hợp tác xã, trên 80 hộ có 1 hợp tác xã.

xuôi đã lên Na Rì và được Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Na Rì tiếp nhận, giúp đỡ về ăn, ở, sản xuất; tính riêng năm 1963 có 67 hộ với 368 nhân khẩu lên Na Rì¹, sống tập trung ở Nà Làng (Côn Minh), Hữu Thác... Được các hợp tác xã sở tại giúp đỡ, số đông đồng bào chịu khó lao động, đời sống ổn định, một số ít chạy chợ, thiếu yên tâm sản xuất, đời sống có nhiều khó khăn.

Trong khi tập trung chỉ đạo, củng cố, hoàn thiện phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, Ban Chấp hành Đảng bộ còn quan tâm xây dựng các hợp tác xã tín dụng. Đến năm 1962, 21 xã trong huyện đều đã có hợp tác xã tín dụng, thu hút 1.412 hộ tham gia chiếm 85% tổng số hộ trong nông dân, với 3.380 xã viên. Số cổ phần thu được cho đến 1962 là 6.110 đồng (giá trị tiền năm 1962) đạt 62% kế hoạch.

Tình hình phát triển của các hợp tác xã tín dụng nói chung tốt, đến năm 1965 toàn huyện có 3.425 xã viên, có phát triển hơn chút ít so với năm 1962 và bằng 84% so với xã viên hợp tác xã nông nghiệp, số dư qua các năm đều tăng.

1. Bình quân mỗi hợp tác xã có 24 hộ, lớn nhất 67 hộ (hợp tác xã Cư Lễ), nhỏ nhất 8 hộ (hợp tác xã Khuổi Vạc, xã Loan).

Trên cơ sở phong trào hợp tác xã ổn định giữ vững, sản xuất nông nghiệp khâu chính của kế hoạch 5 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy không ngừng phát triển trên các mặt.

Năm 1961, năm đầu cả kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Đảng bộ Na Rì ra sức lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất đông - xuân, toàn huyện thực hiện 2.566 bung đạt 91,6% kế hoạch, riêng lúa Nam Ninh đạt trên 96% kế hoạch. Đông - xuân 1961 - 1962, thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy trong việc phát động thi đua "vượt gió Đại Phong đông - xuân chiến thắng", Đảng bộ Na Rì càng coi trọng lãnh đạo sản xuất vụ đông - xuân. Từ năm 1961 đến năm 1965, diện tích sản xuất đông - xuân ngày càng mở rộng, trong đó cấy lúa Nam Ninh phù hợp với khí hậu, thời tiết Na Rì được các hợp tác xã và bà con trồng nhiều nhất, tăng thêm thu nhập, giải quyết khó khăn lúc giáp hạt.

Được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo xây dựng hệ thống mương phai, hồ chứa nước¹ và phong trào của quần chúng thực hiện các khẩu hiệu: "Biển ruộng cạn thành ruộng nước", "biển ruộng một vụ

1. Riêng 1962 sửa chữa: 30 mương, 36 phai, 1 lốc, đào vét hai ao chứa nước hết 136 công, bảo đảm nước tưới 27 bung, làm mới 1 phai, 1 ao chứa nước.

thành ruộng hai vụ" đã góp phần quan trọng tăng vòng quay của đất và diện tích trồng trọt hai vụ.

Cả hai vụ năm 1961 toàn huyện cấy được 16.599 bung đạt 96,9% kế hoạch. Năm 1965, miền Bắc bị giặc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại lần thứ nhất bằng không quân và hải quân, sản xuất gặp nhiều khó khăn, Na Rì vẫn bảo đảm thực hiện 17.691 bung, đạt 94,2% kế hoạch.

Trong sản xuất, một số hợp tác xã đã chú ý áp dụng biện pháp kỹ thuật mà trước đây đã thực hiện như xử lý giống ba sôi, hai lạnh, cấy nhỏ dảnh, cấy dày (20x20cm)... Phong trào gom phân, làm chuồng trâu để bảo vệ trâu, bảo đảm sức kéo và lấy phân bón ruộng phát triển khá mạnh ở một số địa phương. Thanh niên, phụ nữ là lực lượng nòng cốt trong việc vận chuyển phân ra đồng. Bằng phương tiện dùng "lóng", xe quệt cho trâu kéo và người chuyển, bình quân hàng năm (từ 1961 - 1965) đồng bào đã thực hiện trên 500.000 gánh phân xuống ruộng, bình quân mỗi bung đạt 30 gánh¹. Tình trạng cây chạy căn bản được xóa

1. Tính đơn vị 1000 gánh, thành tích qua các năm như sau:

1961: 708, 1962: 398, 1963: 410, 1964: 517, 1965: 523.
Bình quân gánh/bung theo thứ tự từ năm 1961 đến năm 1965 là: 42, 23, 24, 32, 30.

bỏ, xu hướng thâm canh theo chủ trương của Đảng bộ đang hình thành. Do sản xuất có những tiến bộ, nên năng suất và sản lượng đều tăng. Tính trung bình trong 5 năm năng suất đạt 172 kg/bung, đạt 97,4% kế hoạch, riêng năm 1965 đạt 106% kế hoạch. Sản lượng lúa chiêm chiếm bình quân mỗi năm 49 tấn đạt gần 86% kế hoạch, riêng năm 1965 đạt 94,4% kế hoạch. Năng suất lúa Nam Ninh trung bình trong 5 năm (1961 - 1965) là 180 kg/bung đạt 84,1% kế hoạch, riêng năm 1964 được mùa, toàn huyện thu hoạch 186 tấn đạt 92% kế hoạch. Sản lượng trung bình trong 5 năm nói trên đạt 385 tấn bằng gần 70% kế hoạch. Sản xuất vụ mùa năng suất có cao hơn, tính trung bình 5 năm (1961 - 1965) đạt 202 kg/bung, bằng 89% kế hoạch, năm 1964 đạt cao nhất 136% kế hoạch, sản lượng trung bình hàng năm 2.945 tấn, đạt gần 80% kế hoạch, năm 1964 đạt cao nhất 82% kế hoạch.

Tổng sản lượng thóc cả hai vụ từ 1961 - 1965 trung bình mỗi năm Na Rì thực hiện 3.356 tấn, năm 1964 đạt cao nhất 3.619 tấn tăng trên 19% so với năm 1963.

Ngoài sản xuất lúa nước, đồng bào các dân tộc, nhất là đồng bào Dao còn phát nương trồng lúa mỗi năm thu hoạch trên 100 tấn, riêng năm 1964 thời tiết thuận lợi, lúa rẫy được mùa 265 tấn, vượt

18 % kế hoạch. Tuy nhiên, việc sản xuất lúa nương đã để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng, nhiều cánh rừng bị tàn phá nhất là rừng đầu nguồn. Như Ban Chấp hành Đảng bộ đã nhận định: "Nạn phát rừng trồng lúa vẫn chưa giảm", trong khi đó "công tác trồng cây gây rừng yếu". Năm 1965 được coi là năm có phong trào trồng cây phát triển khá, toàn huyện trồng được 63.801 cây các loại đạt 63,8% kế hoạch. Ngô và các thứ hoa màu khác như sắn, khoai lang, khoai sọ, lạc, đậu tương... trồng nhiều ở soi bãi, trên nương, kể cả đưa một số hoa màu xuống ruộng đã góp phần tăng nguồn lương thực cho người và gia súc. Mặc dầu tổng sản lượng lương thực (tính riêng thóc) năm sau tăng hơn hoặc gần bằng năm trước, nhưng tỷ lệ tăng dân số tự nhiên lại cao, nên thu nhập bình quân trên đầu người vẫn thấp, do vậy đời sống một bộ phận nhân dân gặp không ít khó khăn¹.

Bổ sung thêm phần hoa màu vào bữa ăn hàng ngày, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, đồng bào các dân tộc Na Rì vẫn bảo đảm thực hiện chính

1. Bình quân đầu người về thóc: 1963: 18 kg, 1964: 2 kg, 1965: 16 kg.

sách ba thu về lương thực, (thuế, nghĩa vụ, khuyến khích) và cả thực phẩm đối với Nhà nước. Năm 1961, thuế vụ đông Na Rì nộp 346 tấn là mức cao nhất mà Na Rì đạt được về thuế vụ đông trong kế hoạch 5 năm. Năm 1962, đồng bào thực hiện thuế cả hai vụ đạt trên 430 tấn, hoàn thành kế hoạch trên giao. Cho tới năm 1965, trong hoàn cảnh chiến tranh và thu nhập bình quân về lương thực của xã viên thấp, đồng bào vẫn hoàn thành căn bản chính sách ba thu của Nhà nước¹, trong đó, có nhiều xã và hợp tác xã vượt kế hoạch. Ngoài lương thực Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na

1. Năm 1965, ba thu, chưa kể ngô, tình riêng thóc, Na Rì thực hiện so với kế hoạch như sau:

a) Vụ hạ:

- Thuế 59 tấn đạt 96,3%

- Nghĩa vụ 19 tấn đạt 95,7%

- Khuyến khích 35,3 tấn đạt 44%

b) Vụ đông:

- Thuế 262,2 tấn đạt 98,8%

- Nghĩa vụ 160 tấn đạt 97,3%

- Khuyến khích 201 tấn đạt 80,3%.

Rì còn thực hiện một khối lượng lớn theo yêu cầu của Nhà nước các mặt hàng thịt lợn hơi, trâu, bò, đậu, đỗ các loại...

Những cố gắng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì trong phát triển sản xuất, thực hiện chính sách ba thu của Nhà nước về lương thực, thực phẩm đã góp phần cùng đồng bào các dân tộc trong tỉnh thực hiện xây dựng chủ nghĩa xã hội của miền Bắc, đồng thời chi viện cho đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện khóa III và khóa IV, về phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, Đảng bộ Na Rì thường xuyên chỉ đạo cấp ủy xã đẩy mạnh phát triển chăn nuôi bao gồm gia súc, gia cầm, chăn nuôi cá. Trong 5 năm (1961 - 1965), Na Rì đạt được nhiều thành tích và tiến bộ trong phát triển chăn nuôi. Đàn trâu năm 1961 là 6.444 con, đến năm 1962 đã đạt 6.776 con, tăng gần 5% so với năm 1961, cho tới năm 1965, đàn trâu phát triển tới 7.558 con bằng 117% so với năm 1961. Nhờ đó, Na Rì có điều kiện cung cấp cho đồng bào miền xuôi hàng trăm con trâu mỗi năm.

Do nhu cầu giao thông, vận tải hàng hóa, đàn ngựa cũng tăng lên theo từng năm, từ chỗ Na Rì

có 442 con ngựa năm 1961, đến 1965 số ngựa đã tăng lên gấp đôi.

Chăn nuôi lợn là một trong những nhu cầu quan trọng của đồng bào nhằm giải quyết thực phẩm và thực hiện nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước. Năm 1961, Na Rì có đàn lợn gần 5.000 con đến năm 1963 lên tới 6.377 con, tăng trên 27% so với 1961. Trong những năm 1964 - 1965, do nguồn thức ăn bị hạn chế, đàn lợn có giảm chút ít về số lượng con so với kế hoạch.

Nhìn chung việc phát triển chăn nuôi ở Na Rì chưa đạt được kế hoạch tỉnh giao, những thành tích đạt được chưa tương xứng với tiềm năng của Na Rì, nhất là chăn nuôi đại gia súc. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện cũng tự kiểm điểm là "chưa có những biện pháp tốt để giáo dục xã viên hợp tác xã có ý thức bảo vệ và phát triển chăn nuôi gia súc"¹.

Một trong những nguyên nhân chưa khuyến khích được sự phát triển kinh tế đối với Na Rì, là do hệ thống giao thông của Na Rì còn chậm phát

1. Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì về tình hình công tác từ 1962 đến 1963 (số 07 BC/NR ngày 26-4-1963), lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 7.

triển. Nhận thức sâu sắc vấn đề này, Đại hội Đảng bộ Na Rì (12-1961) ra Nghị quyết: "Kiên quyết huy động đủ số dân công ra công trường để hoàn thành con đường ô tô của huyện (đường Na Rì - Bắc Kạn - TG), sửa lại các con đường dân sinh trong các thôn xóm toàn huyện... để sử dụng các phương tiện vận tải thô sơ phục vụ sản xuất"¹. Trong năm 1962, ngoài việc sửa chữa các con đường liên xã, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã lãnh đạo huy động 638 lao động, thực hiện 19.140 ngày công làm đường Na Rì - Bắc Kạn, khiến việc lưu thông kinh tế, văn hóa giữa huyện với tỉnh lỵ Bắc Kạn thuận lợi hơn.

Là huyện vùng cao, kinh tế mang nặng tính chất tự túc, tự cấp, giao thông đi lại có nhiều khó khăn, ít nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển văn hóa giáo dục. Trong kế hoạch 5 năm, được sự giúp đỡ của Tỉnh ủy, trực tiếp là Ty giáo dục tỉnh Bắc Kạn, Đảng bộ Na Rì quyết tâm đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa giáo dục ở trong huyện lên một bước.

Với giáo dục phổ thông, cơ sở vật chất trường

1. Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì về tình hình công tác từ 1962 đến 1963 (số 07 BC/NR ngày 26-4-1963), lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr. 16.

lớp và một số học sinh qua các năm có tăng lên, song tốc độ phát triển vẫn chậm.

Bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, hầu hết các xã đều đã có cơ sở cấp I, có xã có trường hoàn chỉnh từ lớp 1 đến lớp 4, có xã bán cấp. Năm học 1962 - 1963, toàn huyện phát triển thêm bốn trường cấp I, một trường cấp II, (ở xã Văn Lang), mở thêm một lớp 7 ở trường cấp II Trần Phú. Cho tới năm học 1965 - 1966, Na Rì có 14 trường cấp I hoàn chỉnh, có hội đồng, 3 trường cấp II và 2 lớp cấp III.

Số học sinh cấp I năm học 1962 - 1963 là 1.223 em, bằng 110% so với năm học 1962 - 1963. Tổng số học sinh cấp II, III năm học 1965 - 1966 là 426 em, thuộc diện thấp nhất so với các huyện miền núi của tỉnh Bắc Kạn vào thời điểm này.

Về chất lượng giáo dục có nhiều hạn chế, nhất là các em học sinh cấp II, III không có điều kiện để thực hành, cơ sở vật chất nhà trường nhiều nơi rất yếu, giáo viên ít được bồi dưỡng nâng cao trình độ, đã ảnh hưởng không ít chất lượng đào tạo.

Các xã đều có lớp vỡ lòng, toàn huyện có tới 54 lớp vỡ lòng với 893 học sinh; chất lượng giáo dục nhìn chung là yếu, hầu hết giáo viên đều chưa qua đào tạo lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giáo dục, họ được tuyển dụng trong xã viên với những người biết

chữ, họ được hưởng công điểm theo quy định của hợp tác xã.

Phong trào bình dân học vụ, bỏ túc văn hóa tiếp tục phát triển, toàn huyện có 14 xã đã thanh toán xong tình trạng mù chữ vào năm 1965, tiêu biểu nhất trong phong trào học tập là xã Hảo Nghĩa.

Có thể nói rằng thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất Na Rì đạt được nhiều thành tựu trên các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội. Đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân nhờ đó được cải thiện một bước. Thắng lợi đó gắn liền với vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện, sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Trung ương. Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Với Đảng bộ huyện Na Rì, thắng lợi căn bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất còn gắn liền với việc Đảng bộ lãnh đạo hoàn thành công tác củng cố vùng xung yếu trong thời kỳ này mà nội dung cơ bản là làm trong sạch địa bàn, trong sạch Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng tổ chức.

Do đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, Na Rì thành một trong những huyện xung yếu của tỉnh Bắc Kạn. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy năm 1961, một số huyện ở tỉnh Bắc Kạn triển khai cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu. Thực hiện xây dựng vùng xung yếu là đẩy mạnh cuộc

đấu tranh giai cấp bằng phương pháp hòa bình, phát động quần chúng đấu tranh, bảo đảm thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiên quyết trấn áp các phần tử phản cách mạng, cải tạo các phần tử phức tạp của xã hội cũ làm trong sạch địa bàn, củng cố Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trên các mặt kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, củng cố quốc phòng.

Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, kể từ tháng 10 năm 1962, công tác củng cố vùng xung yếu ở Na Rì được tiến hành trong bảy xã phía bắc của huyện. Đó là các xã Tân Thành, Văn Vũ, Cường Lợi, Bình Minh, Thanh Bình, Lam Sơn, Trưng Thành. Bước vào triển khai cuộc vận động, Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì triệu tập hội nghị đại biểu các cấp ủy cơ sở trong năm ngày nhằm quán triệt mục đích yêu cầu của cấp trên và kế hoạch tiến hành.

Xã Bình Minh gần huyện lỵ được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chọn làm xã chỉ đạo điềm rút kinh nghiệm lãnh đạo cuộc vận động trên diện rộng.

Tài liệu và nội dung học tập chủ yếu trong cấp ủy và nhân dân là Chỉ thị 51 của Thường Tỉnh ủy Bắc Kạn, Nghị quyết 39 của Bộ Chính phủ về việc trấn áp bọn phản cách mạng ở

phương... Đồng thời với công tác học tập chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy cấp trên, cấp ủy các xã triển khai cuộc vận động xung yếu đã tăng cường kiểm soát, nắm vững tình hình, phân loại từng đối tượng, đề ra biện pháp giải quyết từng vụ việc cụ thể. Nhờ đó, làm rõ được nhiều vụ phao tin đồn nhảm gây hoang mang trong nhân dân, và nhiều vụ việc tiêu cực khác xảy ra trên địa bàn, góp phần quan trọng ổn định tư tưởng, chính trị trong nhân dân, giữ vững trị an xã hội, củng cố khối đoàn kết thống nhất dân tộc và phong trào hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất...

Điều quan trọng là sau gần 4 năm tiến hành cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu, Đảng bộ Na Rì đã đề ra được những chủ trương, biện pháp làm trong sạch địa bàn, đề cao cảnh giác cách mạng, nâng cao năng lực trấn áp đối tượng phản cách mạng theo Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị. Việc xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ được coi là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong công tác xây dựng vùng xung yếu của Đảng bộ, công tác huấn luyện dân quân tự vệ qua các năm bảo đảm chương trình, kế hoạch, đạt kết quả cao trong huấn luyện. Lực lượng vũ trang của nhân dân đã làm tốt nhiệm vụ của mình, năm 1962 đã phát hiện và bắt giam hai tên có hành vi phạm pháp, cải tạo tại địa phương 12

Sau vụ nhảy dù của toán biệt kích gồm 5 tên xuống Phủ Thông (9-1963) với tinh thần đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, Đảng bộ Na Rì đã đẩy mạnh lãnh đạo lực lượng dân quân tự vệ xây dựng phương án chống biệt kích. Đội ngũ dân quân tự vệ, du kích luôn được bổ sung, nhằm đáp ứng yêu cầu tăng cường quốc phòng. Năm 1965, lực lượng dân quân, du kích Na Rì được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, toàn huyện có 1.319 dân quân tự vệ trong đó 79 đồng chí tham gia chi ủy, 263 đảng viên, 209 đoàn viên thanh niên lao động và 140 quân nhân phục viên. Đó cũng chính là những thành tích quan trọng trong xây dựng và củng cố xung yếu ở Na Rì, góp phần vào xây dựng hậu phương miền Bắc vững mạnh.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và tiến hành cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu, Đảng bộ Na Rì không ngừng được củng cố về mọi mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Đại hội Đảng bộ lần thứ III (1960) như trên đã đề cập chẳng những đã đề ra những nghị quyết quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội mà còn ra nghị quyết ra sức xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng, lý luận nhằm phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng. Một số đảng viên vì trình độ nhớt, lý luận yếu nên đã không truyền đạt đầy

các chủ trương, chính sách của Đảng trọng nhân dân. Biện pháp của Ban Chấp hành Đảng bộ là mở các lớp đào tạo, tập huấn ngăn ngừa cho các Ban chi ủy trước khi triển khai các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên ở cơ sở, tăng cường diu dắt các đảng viên dự bị, nâng cao chất lượng sinh hoạt của các chi bộ.

Từ ngày 6 đến ngày 10 tháng 12 năm 1961, huyện Na Rì tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ IV. Tham dự Đại hội có 78 đại biểu đại diện cho 411 đảng viên toàn Đảng bộ. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 18 đồng chí (15 ủy viên chính thức, 3 ủy viên dự khuyết). Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí, do đồng chí Hoàng Minh làm Bí thư Huyện ủy. Đại hội lần này, tiếp tục đặt vấn đề đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng, củng cố tổ chức đảng, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các đoàn thể quần chúng.

Trong năm 1962, được Tỉnh ủy quan tâm tổ chức huấn luyện cán bộ, Đảng bộ Na Rì có lực lượng triển khai đột sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ học tập Nghị quyết 35 của Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng. Trên cơ sở thực hiện thí điểm chi bộ xã Quang Trung đạt kết quả tốt, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã tổ chức hội nghị bí thư các xã, cán bộ đảng phụ trách các ngành học Nghị quyết 35, sau đó triển khai ở cơ sở. Qua

học tập đã tạo được sự chuyển biến bước đầu. Chi bộ các xã Quang Trung, Văn Vũ, Trung Thành... đã đẩy mạnh hoạt động, thể hiện rõ vai trò của mình trong việc lãnh đạo các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ... tổ chức các phong trào thi đua lao động sản xuất: phong trào thanh niên xung phong ghi tên tình nguyện thực hiện vượt mức kế hoạch 5 năm, phong trào "thanh niên cấy thêm hai bó mạ", phong trào tổ chức khai hoang tập thể, cải tiến nông cụ, sôi nổi nhất là phong trào làm phân, làm thủy lợi, xuất hiện nhiều kiện tướng giỏi.

Mùa thu năm 1962, Đảng bộ Na Rì thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, đã triển khai đợt chỉnh huấn Đảng trong toàn Đảng bộ (kể cả trong tổ chức Đoàn thanh niên lao động). Ngoài chi bộ xã Văn Lang chưa tổ chức được, cho đến tháng 9 năm 1962, 20 trong tổng số 21 chi bộ xã đã tiến hành chỉnh huấn thu hút 319 đảng viên tham gia, đạt 80% so với tổng số đảng viên.

Tiếp theo đợt chỉnh huấn mùa thu, Đảng bộ mở lớp huấn luyện đảng viên về nhiệm vụ chính trị của Đảng, nâng cao một bước nhận thức chính trị tư tưởng của đảng viên, cho tới tháng 11 năm 1962, khóa huấn luyện đảng viên căn bản hoàn thành, có 16 chi bộ với 199 đảng viên tham gia đạt tỷ lệ 75% so với số đảng viên có nhiệm vụ phải đi học.

Kết quả của các đợt chỉnh huấn Đảng, huấn luyện đảng viên đã tạo bước chuyển biến trong tư tưởng và hành động. Các chi bộ Chi Lăng, Cường Lợi, Hoàn Thành, Thanh Bình, Lương Thành trước đây có tới 1/4 - 1/3 số đảng viên "nằm im không hoạt động", nay hăng hái tham gia mọi hoạt động của chi bộ: "Nhiều đảng viên từ loại kém, thậm chí có đồng chí mù quáng chống lại lợi ích của tập thể đến nay đã trở thành đảng viên khá"¹.

Về công tác phát triển Đảng trong năm 1962, Đảng bộ kết nạp được thêm 73 đảng viên (trong đó có 22 nữ, 41 người là đoàn viên). Chi bộ Đồng Xuân phát triển mạnh nhất, kết nạp được 8 đảng viên, trong khi các chi bộ Trung Thành, Trần Phú mới kết nạp được 1 đảng viên, yếu nhất là chi bộ xã Lương Thành, trong năm 1962 không phát triển được đảng viên nào.

Nhìn chung, công tác phát triển Đảng hoàn thành căn bản chỉ tiêu đặt ra. Đảng bộ đã xóa được một số "xóm trắng", kết nạp được một số đảng viên ở vùng cao, vùng xung yếu, đảng viên nữ, thanh niên chiếm tỷ lệ khá lớn, công tác phát

1. Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Ri (số 07 BC/NR, ngày 26-4-1963) về tình hình công tác từ 1962 - 1963, tài liệu đã dẫn, tr. 27.

triển Đảng bảo đảm chất lượng, đúng thủ tục, tốc độ phát triển gấp hai lần so với năm 1961.

Kết quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đã nâng cao một bước chất lượng các chi bộ và đảng viên so với năm 1961. Toàn Đảng bộ trong năm 1961 có 492 đảng viên trong đó có 7 đảng viên dự bị. Qua phân loại có 179 đảng viên khá, 237 đảng viên loại trung bình, 69 đảng viên kém và 7 đảng viên quá kém. Năm 1962 do Đảng bộ chú ý giáo dục đảng viên yếu kém, nên tỷ lệ đảng viên khá so với năm 1961 tăng hơn và ngược lại đảng viên kém so với năm 1961 giảm 36%. Mặc dầu có những tiến bộ, song vẫn còn 11 đảng viên bị kỷ luật¹ trong số này có 4 chi ủy viên, 1 bí thư bị cách chức, 1 đảng viên khai trừ không thời hạn².

Đến cuối năm 1962, toàn Đảng bộ có 25 chi bộ. Qua củng cố có 10 chi bộ khá tăng gấp đôi năm 1961, trong đó chi bộ xã Quang Trung khá toàn diện, các chi bộ khác khá từng mặt, 13 chi bộ trung bình, 2 chi bộ kém.

Được Tỉnh ủy chỉ đạo, từ ngày 23 đến ngày 26

1. Chống chính sách và nghị quyết: 6, sinh hoạt: 1, ý thức tổ chức kỷ luật kém: 4.

2. Ngoài ra còn có: bị cảnh cáo 2; khiển trách 2; khai trừ lưu Đảng 6 tháng và 1 năm: 2.

tháng 4 năm 1963, huyện Na Rì tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ V. Tham dự Đại hội có 65 đại biểu. Đại hội đã bầu 19 đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ (17 ủy viên chính thức, 2 dự khuyết), 7 đồng chí trong Ban Thường vụ, đồng chí Hà Nhân Đại được cử làm Bí thư Huyện uỷ.

Tại Đại hội này, ngoài các nghị quyết về củng cố, nâng cao quản lý hợp tác xã, phát triển kinh tế, văn hóa giáo dục, mở mang giao thông, củng cố quốc phòng... Đại hội hết sức quan tâm tới việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, xây dựng Đảng theo tiêu chuẩn "4 tốt", nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng, có kế hoạch bồi dưỡng phát triển Đảng...

Thực hiện Nghị quyết Đại hội V, công tác xây dựng Đảng tiếp tục được đẩy mạnh trong các chi bộ, coi đó là một trong những tiêu chuẩn phấn đấu trở thành chi bộ "4 tốt".

Do có kế hoạch bồi dưỡng đối tượng, chủ yếu trong đoàn viên thanh niên, nên công tác phát triển Đảng trong những năm 1963 - 1965 khá hơn những năm trước. Riêng năm 1965, phát triển được 77 đảng viên đạt 64% kế hoạch, bằng 104% chỉ tiêu kế hoạch năm 1964. Toàn Đảng bộ có 764 đảng viên, chiếm 5,8% dân số, tăng 85% so với

năm 1961. Tuy nhiên, Ban Chấp hành Đảng bộ cũng tự kiểm điểm sự phát triển Đảng chưa đồng đều giữa các vùng, một số làng bản vùng cao, trường học vào thời điểm cuối năm 1965 vẫn chưa có đảng viên¹; việc giáo dục đảng viên sau khi kết nạp chưa thật tốt nên còn có tình trạng nhiều đảng viên kéo dài thời gian dự bị.

Để nâng cao chất lượng đảng viên, vai trò lãnh đạo của các chi bộ, Đảng bộ Na Rì đã thực hiện cuộc vận động xây dựng chi bộ "4 tốt" do Trung ương phát động. Song công tác xây dựng Đảng theo tiêu chuẩn "4 tốt" ở Na rì thực sự chuyển biến thành phong trào là từ cuối năm 1965, đầu năm 1966. Đến giữa năm 1966 có 6 chi bộ: Hữu Thác, Cường Lợi, Ân Tình, Dương Sơn, Văn Minh, Côn Minh, được công nhận là chi bộ "4 tốt", trong đó, hai chi bộ Cường Lợi và Hữu Thác được công nhận là chi bộ "4 tốt" từ năm 1963.

Đối chiếu với yêu cầu của Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ nghiêm khắc kiểm điểm thấy rằng "Việc xây dựng chi bộ "4 tốt", tổ Đảng "4 tốt" và

1. Như Khuổi Quân, Ca Đôn, Khuổi Khiên (Cư Lễ), Lũng Tót (Văn Minh), Sán Hồ (Kim Hỷ), Khuổi Đầm, Khuổi Bú (Kim Lư) các trường phổ thông cơ sở Hảo Nghĩa, Yến Lạc.

đảng viên "4 tốt" vẫn chưa được phát động và tiến hành rộng khắp các chi bộ trong toàn huyện"¹.

Dẫu còn có những mặt hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo một số mặt công tác, song nhìn chung trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Đảng bộ Na Rì đã hoàn thành căn bản vai trò lãnh đạo của mình, là nhân tố quyết định thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội, củng cố quốc phòng ở trong huyện. Nhờ đó đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước, có tác dụng cổ vũ trong toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì vững bước tiến lên thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước.

1. Tổng kết tình hình mọi mặt trong năm 1965 và 6 tháng đầu năm 1966 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì, lưu trữ Huyện uỷ Na Rì, tr. 21.

Chương IV

ĐẢNG BỘ NA RÌ TRONG SỰ NGHIỆP CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1965 - 1975)

I- SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, RA SỨC XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG VÙNG MẠNH

Để cứu vãn sự thất bại nặng nề trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ đã ồ ạt đưa quân đội viễn chinh Mỹ cùng quân chư hầu của Mỹ và các loại vũ khí cùng phương tiện chiến tranh hiện đại vào miền Nam Việt Nam. Đồng thời, để phá hoại hậu phương miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với cách mạng miền Nam, làm nhục ý chí kháng chiến của nhân dân ta, bắt đầu từ ngày 2 tháng 3 năm 1965, đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân hết sức dã man đối với miền Bắc.

Trước tình hình mới, Trung ương Đảng họp Hội

ng nghị lần thứ 11 (3-1965) đề ra nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc:

- Xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn, vững chắc của cách mạng miền Nam, đồng thời bảo đảm đời sống nhân dân, đáp ứng yêu cầu tại chỗ.

- Đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

- Tăng cường chi viện cho tiền tuyến miền Nam và cách mạng Lào.

Đảng quyết định chuyển hướng xây dựng kinh tế sang thời chiến, chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, tăng cường lực lượng quốc phòng cho phù hợp với tình hình mới và nhiệm vụ cấp bách của miền Bắc. Vì thế, đầu năm 1965, cả miền Bắc chuyển nhanh sang thời chiến. "Vừa sản xuất, vừa chiến đấu", "quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" trở thành khẩu hiệu, lẽ sống, ý chí của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Miền Bắc sục sôi các phong trào thi đua: "Mỗi người làm việc bằng hai...", phong trào "ba sẵn sàng" trong thanh niên, "ba đảm đang" trong phụ nữ, "Tay búa, tay súng" trong công nhân, "Tay liềm, tay súng" trong nông dân...

Vào thời điểm miền Bắc tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đánh bại chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân lần thứ

nhất của giặc Mỹ, từ ngày 16 đến ngày 20 tháng 3 năm 1965, Na Rì tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ VI. Dự Đại hội có 65 đại biểu, Đại hội căn cứ vào tình hình và nhiệm vụ mới, và đặc điểm của địa phương đã đề ra nghị quyết với những nội dung quan trọng trên các mặt chính trị, kinh tế, quốc phòng như sau:

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế, lấy phát triển cây lương thực làm chính, tiếp tục củng cố hợp tác xã, kết hợp định canh, định cư.

- Ra sức chỉ đạo các ngành phát triển văn hóa giáo dục, bảo vệ trị an, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng.

- Ra sức củng cố tổ chức cơ sở đảng, nhất là ở nông thôn, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, đoàn thể quần chúng...

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành mới gồm 19 đồng chí (17 uỷ viên chính thức, 2 uỷ viên dự khuyết); Ban Thường vụ Huyện uỷ gồm 7 đồng chí, do đồng chí Nông Văn Giáp làm Bí thư Huyện uỷ.

Trong điều kiện lịch sử mới, ngày 21 tháng 4 năm 1965, theo sự phê chuẩn của Quốc hội, Tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái, Na Rì trở thành một trong những huyện vùng cao của tỉnh Bắc Thái. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì từ 1965 - 1975 dưới sự lãnh đạo

của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái đã ra sức thực hiện những nhiệm vụ chính trị của Đảng, xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Từ đầu năm 1965, đế quốc Mỹ đã đẩy mạnh các hoạt động trinh sát trên bầu trời Bắc Kạn và Thái Nguyên để chuẩn bị đánh phá. Công tác phòng không, sơ tán được đặt ra nhằm bảo đảm sản xuất, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân.

Ngày 05 tháng 9 năm 1965, giặc Mỹ cho máy bay tấn công các mục tiêu: kho vũ khí quân dụng A3 (Xuất Hóa, Bạch Thông), công trường làm đường Na Rì mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại ủa chúng trên địa bàn Bắc Thái. Trong tháng 10 năm 1965, máy bay địch liên tiếp bắn phá các mục tiêu giao thông: cầu Gia Bảy (Thái Nguyên), Cầu à Bắc Kạn, cầu Ổ Gà Chợ Mới (Bắc Kạn)...

Sau các sự kiện trên, Tỉnh uỷ Bắc Thái chủ trương đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng không nhằm hạn chế sự thiệt hại về người và của mức thấp nhất. Theo quyết định của tỉnh, các đơn vị đã thành lập các Ban phòng không nhân dân có nhiệm vụ cùng các cấp, các ngành huấn luyện, tổ chức các tiểu ban chuyên môn: cứu chữa, chữa cháy, chống sập hầm, gỡ bom nổ, tổ sẵn bắn máy bay... đặc biệt là vận động

nhân dân triệt để đào hầm hào trú ẩn, triệt để sơ tán.

Chấp hành chủ trương của Tỉnh uỷ, Ban Chấp hành Đảng bộ Na Ri đã lãnh đạo các cơ quan Đảng, chính quyền, các cơ sở kinh tế quốc doanh, bệnh viện, trường học... ở huyện lỵ triệt để sơ tán theo kế hoạch.

Để tăng cường quốc phòng theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Trung ương, quán triệt chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái về "Cuộc vận động xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ", Ban Chấp hành Đảng bộ Na Ri trước hết lãnh đạo lực lượng dân quân đẩy mạnh công tác huấn luyện chính trị, quân sự, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ trên địa bàn huyện.

Đồng bào các dân tộc đã tạo mọi điều kiện cho con em mình tham gia luyện tập quân sự. Các cô các mẹ trong Hội phụ nữ xã điển hình là các cô Đồng Xá, Côn Minh hết sức sốt sắng, có nhu cầu đóng góp lương thực, thực phẩm cho phong trào luyện tập của dân quân tự vệ và trực chiến phòng không.

Được Đảng bộ chỉ đạo, các tổ chức quần chúng như Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ... ở huyện đã vận động nhân dân, tổ chức phong

đăng ký "bán lợn phòng không" được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Các xã Cường Lợi, Vũ Loan, Văn Học, các hộ gia đình đăng ký 100% phấn đấu hoàn thành nghĩa vụ thực phẩm. Một số gia đình đi đầu là các cụ chung nhau lợn Tết (2 - 3 nhà mổ chung 1 con) để dành lợn bán cho nhà nước. Tính riêng xã Cường Lợi có 5 chị và mẹ đăng ký bán 200 kg thịt lợn hơi cho trực chiến phòng không, người bán ít nhất 30 kg, người bán nhiều nhất 70 kg.

Cuộc vận động lập hũ gạo chống Mỹ, cứu nước chủ yếu phục vụ cho dân quân luyện tập và trực tiếp phòng không được phát động từ ngày 25 tháng 5 năm 1965, được nhiều bà con hưởng ứng. Theo thống kê chưa đầy đủ, ở Cư Lễ có 100 hộ tiết kiệm trong những tháng cuối năm 1965 được 83 kg. Hợp tác xã Nà Coóc (Hữu Thác) trong hai tháng vận động (1966), nhân dân tiết kiệm được 294 kg. Những thành tích nêu trên tuy chưa lớn, song đã thể hiện được ý thức của đồng bào trong chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ.

Thực hiện việc xây dựng những đơn vị cơ động và các đội chuyên môn, binh chủng theo chỉ tiêu của tỉnh giao cho, Đảng bộ Na Rì chỉ đạo xây dựng một trung đội (B) cơ động huyện ở xã Lương Hạ, 2B cơ động vùng ở hai xã Vũ Loan và Xuân Dương; xây dựng 21 xã trong huyện, mỗi xã có một tiểu

đội cơ động; bố trí một khẩu cối 60 ở Lương Hạ; thành lập 24 tổ trinh sát (mỗi xã 1 tổ, 3B cơ động mỗi B một tổ), 2 đài quan sát loại một đặt ở Lương Hạ và Xuân Dương, 19 đài quan sát loại hai đặt ở các xã còn lại; về cứu thương phòng hoá kết hợp với y tế xây dựng 1 đội cơ động huyện, xây dựng mỗi xã một tổ công binh và 1 tổ thông tin, toàn huyện có một đội thông tin liên lạc.

Không chỉ có dân quân du kích sẵn sàng chiến đấu. Các cụ phụ lão cũng nêu cao tinh thần "3 sẵn sàng" chống Mỹ như thanh niên. Được cấp uỷ quan tâm chỉ đạo, Mặt trận hướng dẫn, một số địa phương đã tổ chức được các đội lão dân quân (có nơi gọi là bạch đầu quân) như xã Hữu Thác: 1 tiểu đội gồm 12 cụ, xã Văn Học: 5 tiểu đội gồm 43 cụ. Các cụ đều có chung quyết tâm: sẵn sàng bảo vệ quê hương, làng bản, bảo vệ sản xuất khi có địch.

Có thể nói rằng, trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Na Rì là hậu phương kháng chiến không bị máy bay của giặc Mỹ bắn phá, song Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì luôn luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, thực hiện phương án phòng không, sẵn sàng chiến đấu nhất là đánh biệt kích, thám sát, bắt giặc lái, đánh địch cứu viện nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối giữ vững trật tự xã hội, an ninh, quốc phòng, góp phần đánh bại âm mưu của đế quốc Mỹ.

Xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ trong thời kỳ này. Chuyển hướng nền kinh tế miền Bắc sang thời chiến, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 nêu rõ: đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, đặc biệt là phát triển nhanh chóng nông nghiệp ở trung du, miền núi... Sự chuyển hướng này vừa tạo ra những nhân tố thuận lợi cho sự phát triển kinh tế ở Na Rì vừa là trách nhiệm nặng nề mà Trung ương giao cho các huyện miền núi trong đó có Na Rì.

Quán triệt chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy, Đảng bộ Na Rì ra sức triển khai nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng bộ lấy phát triển kinh tế nông nghiệp làm khâu chính, tăng nhanh năng suất, sản lượng cây lương thực, mở rộng chăn nuôi gia súc. Để phát triển sản xuất toàn diện cả vùng cao và vùng thấp, Na Rì cần giải quyết tốt công tác vận động định canh, định cư, củng cố xây dựng hợp tác xã. Chủ trương của Trung ương Đảng là tiến hành cuộc vận động định canh, định cư kết hợp với cuộc vận động xây dựng hợp tác xã hóa nông nghiệp. Được tỉnh quan tâm chỉ đạo, Na Rì đã thành lập các đoàn khảo sát tình hình dân cư, điều kiện sản xuất, đời sống của đồng bào Dao, đồng thời tuyên truyền chính sách định canh, định cư của Đảng và Chính phủ để đồng bào thấy được sự cần thiết phải hạ sơn, phải

định canh, định cư để bảo đảm cuộc sống hạnh phúc lâu dài của đồng bào và để bảo vệ rừng.

Vận động đồng bào Dao hạ sơn định canh, định cư, làm ruộng nước, vào hợp tác xã nông nghiệp, đó là một cuộc cách mạng đối với đồng bào. Khó khăn đối với đồng bào không chỉ đơn thuần không có ruộng đất, trâu cày, phương tiện, nông cụ sản xuất, mà trở ngại lớn nhất chính là đồng bào Dao không biết, không có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước bao gồm các khâu làm nương phai dẫn nước vào ruộng, cấy cấy, gieo trồng chăm bón, thu hoạch. ... Đó là chưa kể tập quán sinh hoạt của cộng đồng người Dao thích hợp với hình thái kinh tế du canh, du cư ăn sâu từ bao đời nay không dễ gì thay đổi một sớm một chiều.

Thực hiện cuộc vận động định canh, định cư kết hợp với vận động hợp tác hóa nông nghiệp đối với đồng bào Dao, Đảng bộ Na Rì lãnh đạo các ngành giải quyết một loạt vấn đề: ruộng đất, trâu cày, nông cụ, các giống cây trồng, vật nuôi cho đến việc hướng dẫn đồng bào cách thức sản xuất, tổ chức đời sống, quản lý lao động, xây dựng chương trình kế hoạch, lập sổ sách...

Kết quả trong năm 1966, có 21 hộ với 118 khẩu người Dao đã hạ sơn, được đồng bào Tày nhường cho 101 bưng ruộng, họ đã thành lập hai hợp tác

xã nhỏ vào quý III năm 1966, đó là hợp tác xã Bản Vin (Kim Hỷ) và Nà To (Lam Sơn). Cuối năm 1966, được đồng bào Tây hướng dẫn, đồng bào Dao ở hai hợp tác xã này bắt tay vào sản xuất vụ chiêm. Hợp tác xã Nà To có 12 hộ cấy 10 bung lúa chiêm. Mới định canh, định cư còn gặp nhiều khó khăn, đồng bào đã bán 4 con lợn cho Nhà nước.

Đầu năm 1967, được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lãnh đạo, Mặt trận Tổ quốc huyện mở hội nghị gồm trên 20 đại biểu ba xã: Kim Lư, Lương Hạ và Cư Lễ bàn về việc thực hiện cuộc vận động định canh, định cư. Sau hội nghị các đoàn khảo sát vận động định canh, định cư được thành lập và toả xuống các địa bàn có đồng bào sống du canh, du cư. Kết quả 3 tháng đầu năm 1967, Na Rì đã vận động được thêm 45 hộ gồm 272 nhân khẩu định canh, định cư, ngoài số làm ruộng, có 28 hộ với 180 nhân khẩu tổ chức thành một hợp tác xã trồng mầu (đỗ tương). Cho tới tháng 6 năm 1967, Na Rì đã thực hiện định canh, định cư cho 89 hộ với 345 nhân khẩu, trong đó có 13 hộ với 82 nhân khẩu tham gia hợp tác xã nông nghiệp Hợp Thành (Lam Sơn), số đông còn lại tham gia trong hai hợp tác xã trồng đỗ tương.

Tại Đại hội lần thứ VII của Đảng bộ (họp từ ngày 15 đến ngày 19-9-1967) ra Nghị quyết đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động định canh, định cư

đối với đồng bào ở rẻo cao theo chủ trương của Trung ương và Tỉnh uỷ, kết hợp chặt chẽ phong trào định canh, định cư với phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ở những nơi có đủ điều kiện¹.

Thực hiện Nghị quyết trên của Đại hội Đảng bộ, công tác định canh, định cư kết hợp với cuộc củng cố, phát triển hợp tác xã, tiếp tục được đẩy mạnh. Năm 1973, có thêm 21 hộ với 166 nhân khẩu định canh, định cư ở Lũng Dưng (Liên Thủy), Vãng Chang (Kim Lư). Và như vậy, đến năm 1973, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Na Rì đã giải quyết định canh, định cư, hình thành làng bản mới cho 261 hộ gồm 1.562 nhân khẩu đạt 87% kế hoạch. Có thể nói tới thời điểm này sản xuất và đời sống của đại bộ phận người Dao đã ổn định dưới nhiều hình thức tổ chức sản xuất trong đó phần lớn làm trong các hợp tác xã trồng cây công nghiệp (chè, đỗ tương) hoặc tham gia xen ghép với

1. Nghị quyết của Đại hội trên các mặt kinh tế, xã hội, quốc phòng và công tác Đảng căn bản theo định hướng của Đại hội V có cụ thể hóa thêm một số vấn đề trong đó có vấn đề định canh, định cư.

Về nhân sự, nhìn chung ít thay đổi và do đồng chí Nông Văn Giáp làm Bí thư.

hợp tác xã nông nghiệp của người Tày, ngoài ra còn có một số làm nhiệm vụ bảo dưỡng các cung đường.

Thực hiện cuộc vận động định canh, định cư kết hợp với hợp tác xã nông nghiệp làm cho quan hệ sản xuất mới ở Na Rì không ngừng được củng cố, phát triển. Năm 1966, Na Rì có thêm ba hợp tác xã nông nghiệp, đến cuối năm 1969, toàn huyện có 51 hợp tác xã gồm 2.162 hộ chiếm 90,5% số hộ nông dân. Tuy nhiên cơ sở vật chất, kỹ thuật của hợp tác xã và các hộ xã viên còn nghèo chỉ có một số bừa đôi, cày 51, bừa cỏ Nghệ An, xe quet, "loóng" chở phân, một số bơm thuốc trừ sâu và hơn chục trạm bơm nước trong toàn huyện.

Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở trong tỉnh và trên miền Bắc hết sức ác liệt, gây nhiều khó khăn trong sản xuất của nhân dân ta. Với Na Rì, vật tư nông nghiệp của tỉnh cung cấp cho không đầy đủ, song nhân dân các dân tộc Na Rì nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn giữ vững được sản xuất lương thực. Tính riêng trong 3 năm 1968 - 1970, tổng sản lượng lương thực bình quân là 3.103 tấn, giảm 7,5% so với tổng sản lượng lương thực bình quân những năm 1961 - 1965, nhưng sự bù lại của hoa màu cũng làm cho đời sống của đồng bào đỡ khó khăn hơn.

Thực hiện nhiệm vụ của Thường vụ Hội đồng

Chính phủ đề ra: "Năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, cây công nghiệp tăng, bảo vệ sản xuất tốt, chiến đấu anh dũng và tổ chức tốt đời sống", Đảng bộ Na Rì đẩy mạnh phong trào áp dụng khoa học kỹ thuật và giống lúa mới nhằm nâng cao năng suất, sản lượng lương thực.

Đầu năm 1967, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chỉ đạo Hội phụ nữ mở cuộc tập huấn cấy thí điểm theo kỹ thuật mới (cấy ngửa tay, chằng dây, thẳng hàng) ở ba cụm: Lương Hạ, Hào Nghĩa, Lạng San trên tổng diện tích 5 bung, gồm 111 đại biểu (gồm các chị em cấy giỏi) tham dự, trên cơ sở đó, phong trào cấy theo kỹ thuật mới nhanh chóng được mở rộng khắp toàn huyện.

Việc áp dụng giống lúa mới có năng suất cao được Đảng bộ quan tâm, năm 1970, giống lúa mới có năng suất cao được cấy ở một số hợp tác xã, song diện tích còn hẹp. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện quyết định tổ chức cấy thí điểm ở một số xã để rút kinh nghiệm chỉ đạo nhân diện rộng, kết quả cho thấy rất khả quan, các xã Côn Minh, Quang Phong, Lương Hạ cấy 8 bung Nông nghiệp 5 đạt 6 tấn/ha, cấy 12 bung Nông nghiệp 8 đạt 5,5 tấn/ha. Do đó, cho tới năm 1972, giống lúa mới có năng suất cao, chất lượng gạo tốt được đồng bào ưa chuộng đã phủ 70% diện tích lúa toàn huyện. Đến vụ mùa năm 1974, toàn huyện thực hiện cấy

giống lúa mới trên diện tích 1.364 ha bằng 73% tổng diện tích vụ mùa.

Năm 1972, thu hoạch bình quân năng suất lúa đạt 19 tạ/ha, sản lượng đạt 3.287 tấn, năm 1973 năng suất tăng lên 29,3 tạ/ha, sản lượng đạt 4.069 tấn. Trong những năm 1974 - 1975, về cơ bản Na Rì vẫn giữ được năng suất, sản lượng lúa gần bằng năm 1973, trong đó năng suất lúa mùa năm 1974 đạt 28,93 kg/ha đạt 117% so với kế hoạch. Sản lượng lúa mùa đạt trên 5.172 tấn bằng 119% kế hoạch. Đó là năm Na Rì đạt được tổng sản lượng lương thực cao nhất trong những năm chống Mỹ, cứu nước.

Theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 16 của Trung ương, ngoài hợp tác xã nông nghiệp, miền núi còn có thể tổ chức những hợp tác xã lâm nghiệp và hợp tác xã chăn nuôi. Thực hiện chủ trương trên của Đảng và Nghị quyết 45 của Tỉnh uỷ về phát triển chăn nuôi, xuất phát từ đặc điểm địa phương, Na Rì đã xây dựng được 5 hợp tác xã chăn nuôi trâu, bò sinh sản, đó là các hợp tác xã Khuổi Chang, Cốc Càng, Hoa Lưu, Côn Minh và Nà Chang.

Đầu những năm 1970, đàn trâu trong huyện thường xuyên có 8.000 con, trung bình mỗi năm Na Rì tăng thêm 460 con trâu. Nhờ đó, Na Rì bảo đảm được sức kéo cho sản xuất nông nghiệp, đồng

thời hàng năm còn cung cấp cho đồng bào dưới xuôi theo kế hoạch Nhà nước từ 400 - 500 con trâu cây.

Phong trào trồng cây gây rừng hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo, qua từng năm đạt nhiều thành tích, góp phần phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ rừng. Trong những phong trào trồng cây bảo vệ rừng, các cụ phụ lão có nhiều đóng góp, mỗi năm trồng hàng vạn cây các loại. Trong khoảng chục năm (1965 - 1975), mỗi một mùa xuân đến, Đảng bộ Na Rì lại phát động phong trào trồng cây trung bình mỗi năm trồng được trên 50.000 cây các loại và tu bổ hàng trăm héc ta rừng.

Năm 1970, công tác điều tra quy hoạch rừng được thực hiện trong 9 xã với tổng diện tích 44.131 ha, tu bổ 62 ha rừng. Ngoài các hợp tác xã trồng cây công nghiệp chủ yếu là đỗ tương, cho tới năm 1973, thực hiện chủ trương của Huyện uỷ, Na Rì có 4 hợp tác xã trồng chè, đó là các hợp tác xã ở Lương Hạ, Kim Lư, Pò Nim (Cường Lợi), Pò Chệt (Lam Sơn).

Trong điều kiện chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ vẫn chăm lo sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục trong nhân dân, dù khó khăn đến mấy cũng phải thực hiện dạy tốt và học tốt. Phong trào thi đua "2 tốt" được các cấp giáo dục phổ thông ở trong

huyện duy trì suốt những năm chống Mỹ, cứu nước.

Năm học 1969 - 1970, toàn huyện có 21 trường cấp I, 4 trường cấp II và 1 trường cấp III, tổng số học sinh các cấp: 3.176 em bằng 177% so với tổng số học sinh năm 1965 - 1966. Năm học 1972 - 1973, toàn huyện có 21 trường cấp I, 6 trường cấp II, 1 trường cấp III, tổng số học sinh ba cấp là 3.460 em tăng hơn 8% so với năm học 1969 - 1970. Hệ võ lònng toàn huyện năm học 1969 - 1970 có 71 lớp với 1.146 em tăng gần 11% so với năm học 1972 - 1973. Trong năm học này, số giáo viên cấp I có 127 người, cấp II có 49 người và cấp III có 11 người. Nhìn chung nhu cầu phát triển giáo dục lớn, tình hình đội ngũ giáo viên của huyện chưa đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng.

Về y tế, từ năm 1965, thực hiện Chỉ thị 140 của Trung ương Đảng và Chỉ thị 164 của Thủ tướng Chính phủ, ngành y tế chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, Bệnh xá Na Rì được bổ sung thêm thiết bị đa khoa nâng cấp thành Bệnh viện huyện Na Rì, để đáp ứng yêu cầu chống Mỹ, cứu nước.

Được các cấp uỷ và Sở y tế quan tâm, đến năm 1973, Na Rì có 8 trạm xá: Quang Phong, Côn Minh, Lạng San, Kim Hỷ, Văn Học, Lam Sơn, Hữu Thác, Xuân Dương. Ngoài khám chữa bệnh thường

xuyên theo yêu cầu chăm sóc sức khoẻ cho cộng đồng, hàng năm tổ chức y tế Na Rì còn tiến hành công tác tuyên truyền vệ sinh, phòng bệnh, phun thuốc diệt muỗi gây bệnh sốt rét, chăm sóc sức khoẻ dân quân dự bị, khám sức khoẻ trong các đợt tuyển quân.

Từ năm 1968, thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Bộ y tế, Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì đẩy mạnh lãnh đạo phong trào "3 dứt điểm" (3 công trình: giếng nước, nhà tắm, hố xí 2 ngăn), đến năm 1970 phong trào diễn ra sôi nổi hầu khắp trong huyện, đạt kết quả tốt, tiêu biểu là xã Quang Phong¹.

Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới đưa sự lãnh đạo của Đảng bộ trở thành phong trào của toàn dân. Cấp uỷ các xã cùng với chính quyền đã tổ chức trong nhân dân phê phán hủ tục ma chay, cưới xin nặng nề, củng cố các quy ước đã xây dựng nhằm tổ chức ma chay, cưới xin phù hợp với chế độ xã hội mới, đơn giản, tiết kiệm mà vẫn trang trọng.

1. Qua kiểm tra của cấp trên từng công trình đạt so với tổng số hộ trong huyện như sau: hố xí: 2.279 cái (94,8%), nhà tắm: 2.204 cái (90,7%), giếng nước: 1.737 cái (61,7%).

Tình trạng cờ bạc, nghiện hút, nạn tảo hôn ở một số xã có xu hướng hồi phục cũng bị ngăn chặn.

Là hậu phương kháng chiến, từ năm 1965 - 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Na Rì đạt được nhiều thành tích to lớn trên các mặt. Những kết quả đạt được có ý nghĩa quan trọng vừa ổn định vừa cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân vừa tạo ra những khả năng thuận lợi để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì góp phần cùng đồng bào các dân tộc trong tỉnh và cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

II- GÓP PHẦN CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (25-3-1965), lời kêu gọi thiêng liêng chống Mỹ, cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh (20-7-1965) và Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái ngay sau khi sáp nhập hai tỉnh Bắc Thái và Bắc Sơn thành tỉnh Bắc Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì đã mở cuộc vận động "Đánh giặc Mỹ xâm lược" và phát động sinh hoạt chính trị trong toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc nhằm quán triệt tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng, nêu cao quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đồng thời Ban Chấp hành Đảng bộ chỉ đạo các cấp uỷ cơ sở các ngành, giới, các đoàn thể quần chúng tổ chức, vận

động các phong trào thi đua thiết thực góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Tiêu biểu cho các phong trào thi đua ở trong huyện đó là phong trào "3 sẵn sàng" trong thanh niên, "3 đảm đang" của phụ nữ, phong trào "3 giỏi" của các cụ phụ lão... Để nâng cao vai trò lãnh đạo, trong Đảng có cuộc vận động chính trị xây dựng nội bộ, nâng cao chất lượng đảng viên.

Để nâng cao giác ngộ chính trị, tư tưởng trong đoàn viên, thanh niên, năm 1965, được sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, Huyện Đoàn Na Ri đã mở cuộc giáo dục trong đoàn viên thanh niên với chủ đề về gương chiến đấu, hy sinh của anh hùng Nguyễn Văn Trỗi. Trong đợt sinh hoạt này 148 đoàn viên đã đăng ký "3 sẵn sàng", toàn huyện có 910 lá đơn của nam nữ thanh niên tình nguyện đi chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Trong khi còn ở quê hương, nhiều đoàn viên thanh niên hăng hái tham gia trong lực lượng dân quân tự vệ, đồn thời là đội quân xung kích trên mặt trận sản xuất làm phân, làm thủy lợi, cải tiến công cụ, áp dụng khoa học kỹ thuật, áp dụng giống lúa mới có năng suất cao, đi đầu trong phong trào có ngày công c trong tháng, xây dựng hàng chục cánh đồng k mẫu có năng suất cao.

Đáp lời kêu gọi quyết tâm chống Mỹ, cứu n

của Chủ tịch Hồ Chí Minh (17-7-1966): "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" và hưởng ứng phong trào thi đua "Thanh niên ghi tên tòng quân chống Mỹ, cứu nước" do Tỉnh Đoàn phát động 23-7-1966, tuổi trẻ Na Rì đã nêu cao tinh thần "3 sẵn sàng" lên đường chiến đấu. Cuộc tổng tiến công Mậu Thân năm 1968 của quân và dân ta ở miền Nam và thắng lợi của quân và dân miền Bắc trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của giặc Mỹ, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" của thanh niên các dân tộc Na Rì. Trong đợt tuyển quân giữa năm 1968 hàng chục đoàn viên, thanh niên ưu tú Na Rì xung phong nhập ngũ như Chu Văn Hiện (Lạng Sơn), Lê Văn Mộc (Lương Thượng), Phan Văn Nhuận (Lê), Hoàng Văn Co (Đồng Xá)... Năm 1970, toàn huyện có 1.066 đoàn viên (trên số 1.709 thanh niên) trong đó có 371 đoàn viên "4 tốt". Trước nhiệm vụ thiêng liêng chống giặc nước, nhiều đoàn viên thanh niên Na Rì đơn tình nguyện tòng quân. Các anh Phạm Minh (Hảo Nghĩa)... đã trích máu để viết đơn xin tòng quân giết giặc. Phong trào "3 sẵn sàng" của thanh niên và phong trào "3 đảm đang" của phụ nữ, phụ nữ cùng phụ nữ cả nước "Trung hậu đảm"

đang, chống Mỹ, cứu nước". Ngay từ khi đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc (1965) được Trung ương hội và Tỉnh hội phụ nữ chỉ đạo, Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, chị em phụ nữ Na Rì đã nêu cao vai trò "3 đảm đang".

Vốn có truyền thống cần cù lao động, yêu nước, cách mạng, phụ nữ các dân tộc Na Rì đi vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với tất cả sức mạnh của truyền thống và tấm lòng của người hậu phương.

Năm 1965, trong 10 xã của Na Rì có 320 đơn của các chị em, các mẹ đăng ký thực hiện "3 đảm đang" và 56 đơn tình nguyện cho con đi bộ đội.

Năm 1966, tổng số nữ giới toàn huyện là 9.17 người bằng 50,34% tổng số dân trong huyện, th báo cáo của 4 xã: Cồn Minh, Hữu Thác, Cù I Kim Lư, cơ sở bình bầu được 370 người đạt t chuẩn "3 đảm đang". Đó là các chị, các mẹ c đang việc nhà, chăm lo mọi việc thay chồng, lên đường chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu làm nhiệm vụ bảo vệ quê hương; các chị, cá đó còn là người đảm đang việc tập thể, hợp t với tất cả công việc của nhà nông: cấy, bừa và nhổ mạ, cấy và chăm bón, thu hoạch lúa giao thông, thủy lợi... các chị, các mẹ còn là chăm lo mọi công việc xã hội như tham gi

quyền xã, Ban quản trị hợp tác xã, đội trưởng sản xuất...¹.

Từ năm 1970 - 1971, tổng số phụ nữ trong toàn huyện từ 8.247 - 8.347 người, số các mẹ, các chị đạt danh hiệu "3 đảm đang" cũng từ 590-600 người.

Các cụ phụ lão trong các Hội phụ lão đã nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu vừa tham gia các đội lão dân quân vừa động viên con cháu tăng cường luyện tập, nêu cao cảnh giác cách mạng, động viên con cháu lên đường chiến đấu, tặng quà² và dặn dò các cháu lúc lên đường, đồng thời ra sức đóng góp tuổi già trong sản xuất và công tác xã hội... Đảng bộ Na Rì hết sức quan tâm tới hoạt động của các Hội phụ lão, nhất là cuộc vận động xây dựng phụ lão "3 giỏi". Các cấp uỷ đều quán

1. Như các chị: Ma Thị Hoàn, Phó chủ tịch xã Văn Minh, Triệu Thị Ân uỷ viên Ủy ban hành chính xã Cư Lễ gia Ban quản trị hợp tác xã, đội trưởng sản xuất các chị: Năm (Vũ Loan) chị Tôn (Văn Minh) chị Thập (Thác)...

Ngoài giáo dục con cháu tòng quân, các cụ còn vận động góp tiền tặng quà tiễn tân binh lên đường, số tặng một số năm như sau: 1965: 195,8đ; 1966: 326,5đ; 1967: 341đ (giá trị tiền của từng năm đó).

triệt Nghị quyết 53 của Bộ Chính trị đã chỉ ra: "Trong xã hội ta phụ lão đóng vai trò quan trọng. Nơi nào biết vận động phụ lão tham gia tuyên truyền giải thích chính sách của Đảng và Chính phủ đều thực hiện tốt phong trào thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm có kết quả nhiều". Vì thế, Chỉ thị 162 của Ban Bí thư (30-5-1968) nêu rõ: "Làm tốt công tác phụ lão, chăm sóc tốt đời sống tinh thần và vật chất đối với phụ lão, biểu dương và khen thưởng những phụ lão có công với dân với nước", mặt khác tranh thủ mọi khả năng và ảnh hưởng tốt của phụ lão trong mọi hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội.

Các cụ phụ lão là những người chủ trong gia đình, có uy tín, làm gương dạy bảo, động viên con cháu thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm, tổng quân chống Mỹ, nhiều cụ hăng hái làm thủy lợi, trồng cây gây rừng, có ngày công cao (150 cây/năm), có một số cụ tuy tuổi cao vẫn làm giáo viên vỡ lòng, làm Bí thư chi bộ...¹.

Phong trào đăng ký phụ lão "3 giỏi" (giỏi việc nhà, giỏi việc tập thể và giỏi việc nước) ngày càng mở rộng trên địa bàn huyện. Năm 1970, phor

1. Cụ Vinh Bí thư chi bộ Văn Học, các cụ Khâm (Là San), cụ Thân (Lương Hạ)... làm giáo viên vỡ lòng.

trào tập trung chủ yếu ở hai xã Côn Minh và Kim Lu, đến năm 1971 đã có 19 trong tổng số 21 xã có phong trào phát triển mạnh, thu hút 185 cụ đảng ký đạt danh hiệu phụ lão "3 giỏi", huyện đã cấp giấy khen, công nhận 124 cụ ông và cụ bà.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của các tổ chức và đoàn thể quần chúng ở trong huyện với các phong trào "3 sẵn sàng" của thanh niên, "3 đảm đang" của phụ nữ và "3 giỏi" của phụ lão đều nhằm thực hiện khẩu hiệu: "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", ra sức chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh, Đảng bộ Na Rì trong những năm chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1975) lãnh đạo các cấp, các ngành thực hiện đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao các chính sách lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Riêng trong ba năm (1968 - 1970) năm nào Na Rì cũng hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch nghĩa vụ lương thực trên giao từ 2% - 7%. Trong ba năm nói trên, Na Rì đã bán cho Nhà nước 62.326 kg thịt lợn hơi, 30.900 kg thịt trâu hơi và 5.058 kg gà, vịt¹.

1. Theo Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì 26-2-1971.

Trong những năm 1971 - 1975, hướng về công cuộc khôi phục và chiến đấu của quân và dân miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, Đảng bộ Na Rì đã lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi công tác ba thu lương thực và thực phẩm; cán bộ, đảng viên "4 tốt", thanh niên "3 sẵn sàng", đoàn viên "4 tốt" phụ nữ "3 đảm đang", phụ lão "3 giỏi" là những người đi đầu trong phong trào. Theo thống kê chưa đầy đủ từ năm 1971 - 1974, đồng bào các dân tộc Na Rì đã đóng góp 55.770 kg thịt lợn hơi và 37 con trâu tương đương hàng chục tấn. Về lương thực, năm 1971, so với kế hoạch thực hiện thuế đạt 91,5%, nghĩa vụ đạt 48%. Năm 1972 với tinh thần quyết tâm đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của giặc Mỹ ở miền Bắc và làm thất bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ ở miền Nam, đồng bào các dân tộc Na Rì đã thực hiện ba thu đạt mức cao nhất: 301.672 kg (gồm thuế 201.124 kg; nghĩa vụ 67.748 kg, giá cao: 32.800 kg); năm 1973, thuế đạt 99,4, nghĩa vụ 46,9% và năm 1975, thuế đạt 99,4%, nghĩa vụ 46,9% và năm 1975 thuế đạt 96,3% kế hoạch, nghĩa vụ đạt 40,1% kế hoạch.

Năm 1975, chào mừng miền Nam hoàn toàn giải phóng, ủng hộ các tỉnh Kon Tum, Khánh Hòa kết nghĩa, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân các dân tộc thực hiện: 508.444 kg thóc (gồm thuế: 294.313 kg và nghĩa vụ: 214.131 kg); ủng hộ 1.373,3 đ; 118con

trâu, gần 15 tấn gạo và nhiều khoản lương thực khác.

Là hậu phương trong hậu phương lớn miền Bắc đối với cách mạng miền Nam, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì trong suốt 21 năm (1954 - 1975) luôn luôn sát cánh cùng đồng bào miền Nam trong cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Lớp lớp thanh niên các dân tộc Na Rì đã lên đường nhập ngũ có mặt trên các chiến trường miền Bắc, miền Nam và cả trên chiến trường quốc tế.

Thực hiện nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước từ 1965 - 1969, Na Rì đã nhiều đợt ra quân, đạt tỷ lệ tuyển quân bình quân trong 5 năm là 90,48%, cao hơn mức bình quân toàn tỉnh trong khoảng thời gian trên là 0,34%. Tỷ lệ huy động nghĩa vụ quân sự trong 5 năm nói trên của Na Rì là 4,11% (với số dân, cũng là tỷ lệ khá cao (Đồng Hỷ cao nhất 5,17%)), đứng hàng thứ bảy trong tổng số 12 huyện thành của tỉnh Bắc Thái. Trong 5 năm đó, năm 1965 và năm 1968 là những năm Na Rì đạt lệ động viên tuyển quân cao, riêng năm 1968 nhiều thanh niên xung phong tòng quân, có gia đình ở Văn Minh có 3 con trai đi cả 3, có gia đình con trai độc nhất cũng đi; có gia đình có 2 con đi cả hai cùng một đợt...

Trong năm 1970 - 1975, bình quân mỗi năm Đảng

bộ Na Ri huy động được 81,05% kế hoạch động viên
tuyển quân trên giao, trong đó, năm 1972 là năm
Đảng bộ Na Ri huy động đến mức cao nhất đạt tỷ
lệ 114% kế hoạch¹, góp phần vào chiến thắng
chung của quân và dân miền Bắc, đánh gục B52
uy thế của không lực Hoa Kỳ trong chiến tranh
phá hoại miền Bắc lần thứ hai bằng trận "Điện
Biên Phủ trên không", buộc đế quốc Mỹ phải chấm
dứt hoàn toàn việc bắn phá miền Bắc, phải ký
Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh và lập lại
hòa bình ở Việt Nam, phải rút hoàn toàn quân Mỹ
về nước. Với thắng lợi này đã tạo ra những điều
kiện thuận lợi để cho quân và dân cả nước ta tiến

1. Các số liệu tuyển quân tính theo tỷ lệ (từ 1965 -
1975) căn cứ vào các tài liệu sau: 1) Báo cáo tổng kết công
tác 8 năm chống Mỹ, cứu nước từ năm 1965 - 1972 của Ủy
ban Mặt trận Tổ quốc huyện Na Ri, lưu trữ Huyện ủy Na
Ri; 2) Báo cáo tình hình công tác mọi mặt trong những
năm qua của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Na R
(25-2-1975) lưu trữ Huyện ủy Na Ri; 3) Báo cáo thống kê
của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái về công tác độn
viên tuyển quân từ 1973 - 1975, lưu trữ Bộ chỉ huy qu
sự tỉnh Thái Nguyên. Trong chống Mỹ, cứu nước, có nhi
gia đình có từ 2 - 3 con đi bộ đội như gia đình bà Lý T
Khoay (Xuân Dương), bà Bảy (Quang Phong), bà Đ
Thị Lựu (Văn Minh), bà Hoàng Thị Mo (Cư Lễ), bà Ni
(Kim Lư), ông Đinh Văn Học (Ấn Tình).

lên đánh cho ngụy nhào trong Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam, thống nhất nước nhà.

Những thắng lợi của Đảng bộ trong lãnh đạo nhân dân các dân tộc Na Rì, xây dựng hậu phương vững mạnh, ra sức góp phần cùng đồng bào cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, gắn liền với bước chuyển biến của toàn Đảng trong công cuộc vận động xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt theo các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh uỷ.

Ngay từ khi bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ Na Rì đã quán triệt các nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và lần thứ 12 (12-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và của Tỉnh uỷ đề ra cho toàn Đảng bộ Na Rì, kiên quyết đánh bại chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, đồng thời ra sức chi viện sức người, sức của cho cách mạng miền Nam.

Đưa các nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, Đảng bộ Na Rì đã tạo được phong trào cách mạng sôi nổi trong các tầng lớp nhân dân, vai trò lãnh đạo của Đảng cũng được tăng cường và củng cố một bước.

Được Tỉnh uỷ quan tâm chỉ đạo, đầu năm 1968, Đảng bộ Na Rì đẩy mạnh học tập Nghị quyết 175

của Bộ Chính trị nhằm nâng cao hơn nữa nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược". Cuộc vận động được triển khai sâu rộng ở các cơ sở đảng và cả trong quần chúng, có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cách mạng trong nhân dân, củng cố, nâng cao trách nhiệm của các cấp uỷ, chi bộ trong việc thực hiện các chính sách hậu phương quân đội, động viên sức của, sức người cho tiền tuyến.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Bắc Thái (5-1970), Đảng bộ Na Rì đã ra sức thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị về cuộc vận động "nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh". Học tập Nghị quyết 195 không chỉ nâng cao nhận thức về vai trò lãnh đạo của Đảng mà đó là cuộc sinh hoạt chính trị đấu tranh nội bộ làm trong sạch đội ngũ Đảng, củng cố xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Sau khi được cấp trên phổ biến nội dung, mục đích, yêu cầu của cuộc vận động, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì đã họp, quán triệt tinh thần Nghị quyết 195, sau đó triển khai ở cơ sở. Huyện uỷ đã lựa chọn và tập trung trên 50 cán bộ đảng viên của Đảng bộ kể cả 6 đồng chí uỷ viên Ban Thường vụ và các uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ xuống cơ sở, giúp cấp uỷ mở cuộc vận động học tập Nghị quyết 195.

Mặc dù tình hình sản xuất vụ mùa rất bận rộn, song tính đến ngày 30 tháng 6 năm 1970, 14 chi bộ tại 14 xã đã triển khai trong cấp uỷ, một số xã tiến hành học tập ở chi bộ và phổ biến những nội dung cơ bản của Nghị quyết trong Hội đồng nhân dân xã. Chi bộ ở các cơ quan cũng được triển khai học tập.

Trong chỉ đạo, Huyện uỷ chọn hai Đảng bộ làm trọng điểm, đó là Đảng bộ xã Lương Hạ do đồng chí Phó bí thư Huyện uỷ trực tiếp chỉ đạo cuộc vận động và đảng bộ Dân Đảng (khối cơ quan) do một đồng chí uỷ viên Ban Thường vụ phụ trách.

Tại các chi bộ, trong học tập, các đảng viên đã kiểm điểm, liên hệ, phê và tự phê với một tinh thần đồng chí thẳng thắn, xây dựng theo bảy yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên.

Đợt học tập Nghị quyết 195 đã tạo nên bước chuyển biến về chính trị, tư tưởng và cả tổ chức trong các chi bộ, xóa bỏ được tình trạng có một số đảng viên thiếu gương mẫu, không hoạt động, vi phạm chính sách... Một số các đồng chí tham gia công tác quản lý hợp tác, tổ đội sản xuất, lạm dụng chức trách vi phạm tài sản hợp tác xã, quyền lợi xã viên đã tự giác trả nợ, đấu tranh kiên quyết trong vấn đề này là tổ đảng Nà Cài ở xã Xuân Dương. Qua học tập Nghị quyết 195, sinh hoạt của các chi bộ cũng được cải tiến, thiết thực hơn.

Năm 1975 với Đảng bộ Na Rì là một trong những năm sôi nổi thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên. Tháng 2 năm 1974, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì đã triển khai Nghị quyết 22 của Trung ương và 33 của Tỉnh uỷ xuống các chi bộ và phổ biến tinh thần nghị quyết trong xã viên hợp tác xã. Qua học tập, các cơ sở đảng đã quán triệt sâu sắc quan điểm của các nghị quyết, mục tiêu khôi phục và phát triển kinh tế của Đảng. Liên hệ với thực tế Na Rì, các chi bộ đều khẳng định nhiệm vụ cơ bản của Đảng bộ là đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, củng cố quan hệ sản xuất mới.

Ban Chấp hành Đảng bộ đã gắn chặt việc triển khai các nghị quyết trên với triển khai Chỉ thị 192 của Trung ương, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 195 nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, chất lượng sinh hoạt chi bộ, kết hợp thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị làm trong sạch hàng ngũ Đảng, ngăn chặn các hiện tượng tham ô, lãng phí, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa...

Việc thực hiện Chỉ thị 192 của Trung ương được tiến hành thí điểm ở chi bộ Kim Lư, có Huyện uỷ chỉ đạo cụ thể nên đạt kết quả tốt. Được Tỉnh uỷ tăng cường cho Huyện uỷ 8 cán bộ, Đảng bộ Na Rì đã từng bước triển khai Chỉ thị 192 của Trung

ương. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện quyết định trước tiên mở các lớp bồi dưỡng quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, kế hoạch thực hiện Chỉ thị 192 của Trung ương. Một số cán bộ Đảng các ngành, các giới và 20 đồng chí Bí thư và chi uỷ các cơ sở đã được tập trung huấn luyện để sau đó chỉ đạo triển khai ở cơ sở. Trải qua hai đợt triển khai, với quyết tâm của Ban Thường vụ Huyện uỷ, Chỉ thị 192 của Trung ương đã được hết thầy các chi bộ và tất cả đảng viên trong toàn Đảng bộ nghiêm túc học tập, kiểm điểm, đấu tranh thẳng thắn với những đảng viên yếu kém về phẩm chất, vi phạm chính sách, cản trở việc thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng ở cơ sở... Căn cứ vào Điều lệ Đảng và yêu cầu nâng cao chất lượng đảng viên theo Chỉ thị 192 của Trung ương, Đảng bộ đã khai trừ không thời hạn hai đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi tổ chức Đảng¹.

1. Tính chung trong năm 1974, Đảng bộ đã thi hành kỷ luật 10 đảng viên (trong đó có 1 đảng viên tham gia cấp uỷ cơ sở) gồm: 7 đảng viên vi phạm đạo đức, 3 đảng viên vi phạm chính sách. Mức độ xử lý: 3 cảnh cáo, 1 lưu Đảng một năm, 6 khai trừ không thời hạn (trong đó có 2 đảng viên bị khai trừ trong đợt vận động thực hiện Chỉ thị 192 của Trung ương).

Trong quá trình tiến hành các cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, Ban Chấp hành Đảng bộ còn chú ý phát triển Đảng, bồi dưỡng chính trị, tư tưởng những đảng viên mới được kết nạp.

Trong đợt vận động phát triển lớp đảng viên Hồ Chí Minh (1970), Đảng bộ Na Rì liên tiếp mở 3 lớp huấn luyện cho 116 đối tượng, đồng thời tích cực dìu dắt những đối tượng có ý thức phấn đấu cao. Trong đợt này, Đảng bộ đã kết nạp được một đối tượng vào Đảng ở chi bộ Bưu điện.

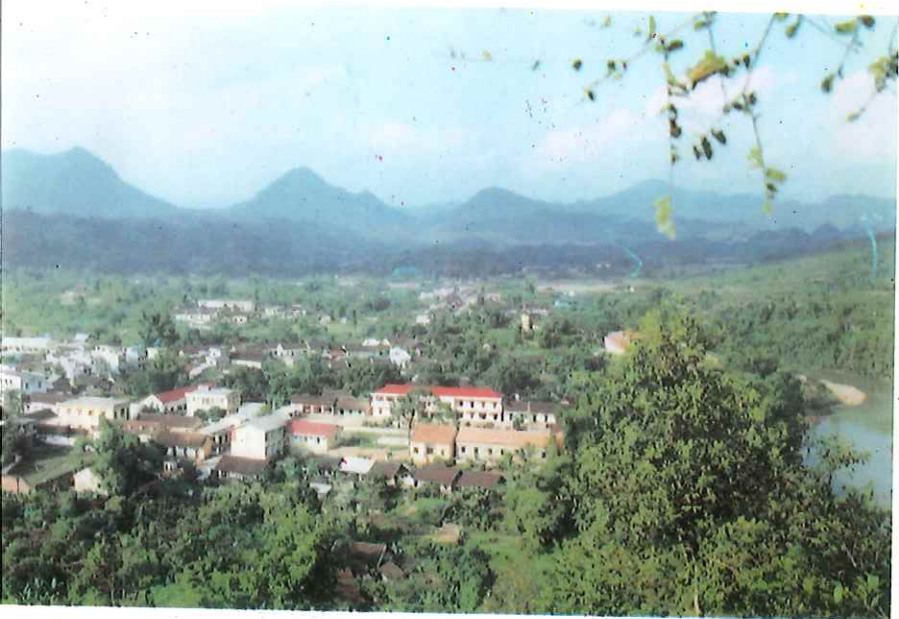
Năm 1975 trong khi thực hiện Chỉ thị 192 của Trung ương, Đảng bộ mở 2 lớp bồi dưỡng cho 68 đối tượng, kết nạp 18 đảng viên mới. Công tác bồi dưỡng lý luận chính trị, nhiệm vụ của người đảng viên cho đảng viên dự bị và những đảng viên mới được chuyển chính thức được Đảng bộ chú ý, mỗi năm mở từ 1-2 lớp, vì thế, qua mấy năm vận động chính trị, nâng cao chất lượng đảng viên đã góp phần hạn chế tỷ lệ đảng viên yếu kém.

Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng, thấm nhuần sâu sắc điều đó, Đảng bộ Na Rì trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng đã không ngừng chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt. Nhờ đó, mà Đảng bộ Na Rì thể hiện được vai trò tổ chức và lãnh đạo cách mạng của mình trong mọi hoàn cảnh lịch sử. Trong

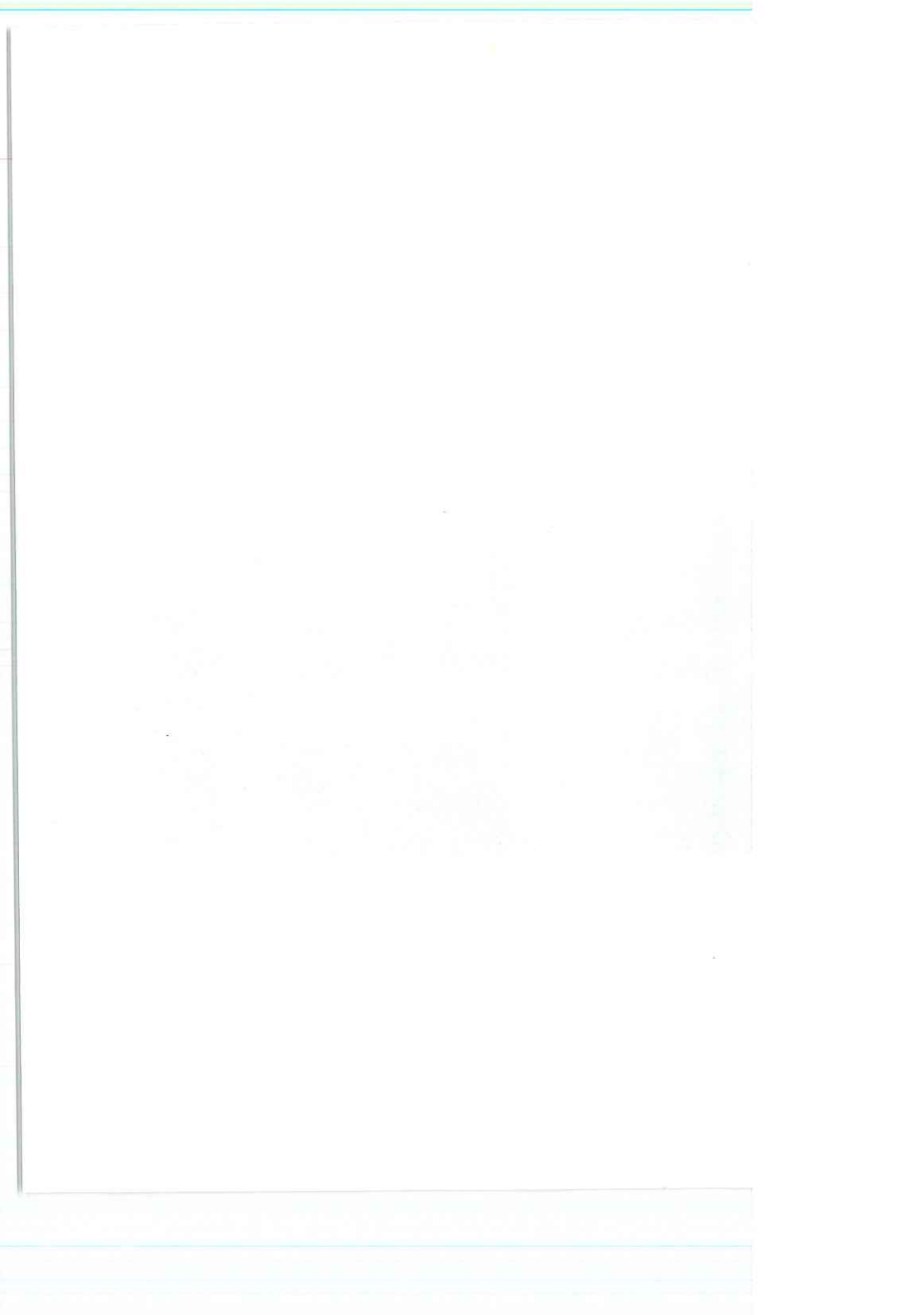
KẾT LUẬN

Na Rì là một huyện vùng cao của tỉnh Bắc Kạn. Trên bình diện toàn huyện là sự nối tiếp các thung lũng lòng chảo, lòng máng, đất đai màu mỡ được bao bọc bởi núi non hùng vĩ. Có lẽ vì thế, địa bàn Na Rì trở thành nơi hội tụ của nhiều dân tộc từ bao đời nay.

Con người Na Rì hồn nhiên, chất phác, thông minh sáng tạo, song cũng rất ý nhị, khiêm nhường. Xưa, nhân dân đi lại trong và ngoài huyện có phần khó khăn, nhưng không vì thế mà cản trở sự giao lưu, tiếp xúc đây tính nhân văn. Sự hào hiệp chung đúc, giữ mãi mối quan hệ xóm làng, bạn bè, anh em là một đặc trưng trong mỗi quan hệ cộng đồng các dân tộc ở Na Rì. Cần cù trong lao động, anh dũng trong đấu tranh dựng nước và giữ nước là một truyền thống quý báu của đồng bào. Chính từ truyền thống ấy được Đảng khơi dậy, đã tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần của các



Na Rì ngày nay



dân tộc quật đả ách thống trị của đế quốc và phong kiến thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân trong cao trào chống Nhật, cứu nước, góp phần vào thắng lợi Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 vĩ đại.

Được sự quan tâm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, cuối năm 1946, Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời huyện Na Rì ra đời, lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc. Đội ngũ Đảng mới hình thành, số lượng đảng viên còn ít, kinh nghiệm lãnh đạo của cấp uỷ hầu như chưa có, trình độ lý luận chính trị của đảng viên còn hạn chế, nên Đảng bộ không tránh khỏi những khó khăn, lúng túng, trong quá trình tổ chức và lãnh đạo phong trào quần chúng và cả trong công tác xây dựng Đảng. Từ cuối năm 1949 đầu năm 1950, chất lượng đảng viên, chi bộ không ngừng được nâng lên. Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân lập nhiều thành tích trên các mặt xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa giáo dục, xây dựng lực lượng vũ trang, ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân.

Đóng góp lớn nhất của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì trong 9 năm kháng chiến là đã làm trọn trách nhiệm hậu phương: cung cấp lương thực, thực phẩm cho tiền tuyến, đi dân công vận

tải hàng hóa, sửa chữa cầu đường bất chấp bom đạn của địch nhằm bảo đảm mạch máu giao thông, đáp ứng yêu cầu của tiền tuyến trong mọi tình huống, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Na Rì ngoài phục vụ chiến đấu, còn trực tiếp tham gia vào sự hình thành và phát triển lực lượng vũ trang tỉnh, phối hợp với bộ đội chủ lực và bộ đội vũ trang tỉnh tiến hành các chiến dịch đánh đồn Phủ Thông, phục kích địch trên Quốc lộ số 3, giải phóng Bắc Kạn...

Thắng lợi của quân và dân ta trong Chiến dịch Biên giới Thu - Đông 1950, Chiến cuộc Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, kết thúc 9 năm kháng chiến thần thánh của dân tộc đều có sự đóng góp sức của, sức người của đồng bào các dân tộc Na Rì.

Hòa bình lập lại ở miền Bắc (7-1954), thực hiện những nhiệm vụ cách mạng do Đảng đã đề ra, nhân dân các dân tộc Na Rì dưới sự lãnh đạo của Đảng đã ra sức khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa giáo dục, tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, kết hợp với cải cách dân chủ, củng cố quốc phòng, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đạt nhiều thành tựu quan trọng, làm thay đổi nhiều mặt trong đời sống của cộng đồng các dân tộc, góp phần xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa thành hậu phương vững chắc của cách mạng miền Nam.

Thực hiện chủ trương của Đảng, trong việc xây dựng và củng cố hợp tác hóa nông nghiệp còn kết hợp với công tác định canh, định cư. Do quyết tâm của Đảng bộ, công tác định canh, định cư của Na Rì cho tới năm 1973 đã giải quyết căn bản.

Chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta, Đảng bộ Na Rì đã lãnh đạo nhân dân vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa đẩy mạnh xây dựng hậu phương vững mạnh về các mặt với nhiều phong trào thi đua sôi nổi trong mọi tầng lớp nhân dân, thực hiện "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".

Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tự hào về những đóng góp của mình vào thắng lợi của dân tộc, trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Kể từ khi Đảng bộ ra đời đến nay, trên nửa thế kỷ đã trôi qua, Đảng bộ Na Rì không ngừng trưởng thành về mọi mặt. Từ trong thực tiễn đấu tranh, tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng đã để lại cho Đảng bộ những kinh nghiệm quý báu.

1. Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng phải không ngừng chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Ngay sau khi thành lập Đảng bộ, do những đòi

hỏi bức bách của công tác xây dựng Đảng, đầu năm 1947 công tác phát triển Đảng ở Na Rì như Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đánh giá là còn "bừa bãi", thiếu chặt chẽ.

Một số đảng viên mới được kết nạp (đầu năm 1947) chưa được rèn luyện, thử thách, giáo dục kỹ nên chưa hiểu rõ tổ chức đảng, mục đích, lý tưởng của Đảng... Ngay bản thân một số đồng chí đảng viên (kết nạp cuối năm 1946) trong khi tiến hành công tác phát triển Đảng cũng không nắm vững đường lối giai cấp của Đảng, kết nạp cả những phần tử thuộc tầng lớp trên (có người là kỳ hào) vào Đảng. Do vậy, không tránh khỏi một số ít đảng viên quan niệm tổ chức đảng như Hội Việt Minh hay Hội Liên Việt. Đành rằng những năm đầu kháng chiến để tránh kích thích kẻ thù và nhằm mục đích tập hợp lực lượng kháng chiến kiến quốc, Đảng ta rút vào bí mật, lấy danh nghĩa Việt Minh để hoạt động. Song, quan niệm Đảng như Mặt trận là không đúng, không nhận thức được tính chất giai cấp, tiên phong, vai trò lãnh đạo của Đảng, mục đích của Đảng.

Hậu quả là ý thức tổ chức, tinh thần kỷ luật của một số đảng viên yếu, quan liêu xa rời quần chúng, không nhận rõ nhiệm vụ của người đảng viên. Tình hình đó cản trở tới việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Vì thế, Ban Chấp

hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn coi việc chấn chỉnh Ban Chấp hành Đảng bộ Na Rì trong thời gian này là việc phải làm ngay, nhằm lãnh đạo đúng đắn, toàn diện công tác của Đảng trong đó có công tác phát triển Đảng, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Cuộc vận động củng cố, nâng cao chất lượng đảng viên, chi bộ ở Na Rì từ cuối 1949 đến hết năm 1950 theo chủ trương của cấp trên đã góp phần giải quyết những thiếu sót trong công tác xây dựng Đảng, làm cho tổ chức Đảng không ngừng vững mạnh mọi mặt.

Thực hiện công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Na Rì trong các thời kỳ lịch sử đã qua còn cho thấy, Đảng bộ cần thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng trình độ lý luận, chính trị, tư tưởng và chuyên môn, đẩy mạnh việc học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Trong quá trình xây dựng Đảng, tỷ lệ phát triển đảng viên qua các thời kỳ so với số dân không phải quá thấp, có những lúc đạt tỷ lệ cao; song, số đảng viên bị kỷ luật, loại thải do tha hoá về đạo đức, do vi phạm chính sách... qua các năm, nhất là qua các đợt vận động chính trị nâng cao chất lượng đảng viên, cũng không phải là ít, chẳng hạn như năm 1974, Đảng bộ phát triển được 18 đảng viên thì có 10 đảng viên bị kỷ luật, trong đó

có 6 đảng viên bị khai trừ vĩnh viễn. Nguyên nhân của tình trạng này là quá trình giáo dục đảng viên chưa thường xuyên hoặc sinh hoạt của các chi bộ hời hợt, không thiết thực, đấu tranh phê và tự phê còn yếu. Tất nhiên, qua mỗi đợt chỉnh đốn Đảng càng làm cho Đảng thêm trong sạch, vững mạnh.

2. Là Đảng bộ của huyện vùng cao có nhiều thành phần dân tộc, Đảng bộ Na Rì trong tiến trình phát triển của lịch sử luôn quan tâm đến việc củng cố xây dựng Đảng vùng xung yếu, địa bàn sinh sống của các dân tộc ít người bảo đảm việc thực hiện các chính sách của Đảng trong đồng bào các dân tộc.

Quan tâm tới địa bàn dân cư, Đảng bộ chú ý bồi dưỡng, kết nạp đảng viên trong các dân tộc, trong các xã, xóm, các hợp tác xã. Cho tới những năm 70, trên địa bàn Na Rì không còn có những hợp tác xã "trắng" hoặc xóm "trắng". Nhờ có đảng viên làm nòng cốt mà Đảng bộ Na Rì xây dựng được các phong trào quần chúng, thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách của Đảng.

3. Phát huy truyền thống đoàn kết của các dân tộc trong lịch sử, Đảng bộ Na Rì luôn luôn thực hiện tốt chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng.

Trước hết Đảng bộ thực hiện sự đoàn kết trong Đảng, phát huy tinh thần đấu tranh phê và tự phê, thẳng thắn, trung thực, chân thành đầy tình

đồng chí vì sự tiến bộ chung, vì ý tưởng cao đẹp của Đảng. Trong Di chúc để lại của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Cần phải giữ gìn sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình". Nội bộ Đảng bộ đoàn kết, nhất trí chính là cơ sở để thực hiện sự đoàn kết các dân tộc, không phân biệt vùng cao, vùng thấp, miền núi, miền xuôi...

Nhờ dựa chắc được vào trong nhân dân, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, bảo đảm được những quyền lợi cơ bản của các dân tộc, chăm lo đến hạnh phúc của nhân dân và các dân tộc, mà Đảng bộ Na Rì có được sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Ngày nay, trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng bộ Na Rì đang phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đảng bộ đề ra nhằm đem lại sự phồn vinh của đất nước, hạnh phúc cho nhân dân.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời giới thiệu</i>	5
Phần thứ nhất	
NA RÌ-MẢNH ĐẤT, CON NGƯỜI	9
Phần thứ hai	
QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN MỌI MẶT CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC NA RÌ (1945 - 1975)	23
<i>Chương I: Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân và cơ sở đảng (3-1945 - 12-1946)</i>	25
I- Cuộc vận động, tổ chức nhân dân thành lập chính quyền cách mạng (3 - 8-1945)	25
II- Bảo vệ, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, xây dựng cơ sở đảng	39
<i>Chương II: Đảng bộ Na Rì trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (12-1946 - 7-1954)</i>	48
I- Ra sức tham gia kháng chiến chống Pháp ở trong tỉnh, bảo vệ quê hương (1946 - 1949)	48

II- Xây dựng hậu phương, phục vụ tiền tuyến, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đến thắng lợi (1950 - 1954)	64
Chương III: Đảng bộ Na Ri trong những năm đầu thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa (7-1954 - 8-1965)	
I- Đẩy mạnh xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng (1954 - 1957)	86
II- Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, kết hợp với cải cách dân chủ (1958 - 1960)	86
III- Củng cố phát triển hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1965)	103
Chương IV: Đảng bộ Na Ri trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1975)	115
I- Sẵn sàng chiến đấu, ra sức xây dựng hậu phương vững mạnh	140
- Góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.	140
	157
	174

171	III - Công tác phát triển hợp tác xã, đội mạnh - các loại phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1966)
172	III - Công tác phát triển hợp tác xã, đội mạnh - các loại phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1966)
173	III - Công tác phát triển hợp tác xã, đội mạnh - các loại phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1966)
174	III - Công tác phát triển hợp tác xã, đội mạnh - các loại phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1966)
175	III - Công tác phát triển hợp tác xã, đội mạnh - các loại phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1966)
176	III - Công tác phát triển hợp tác xã, đội mạnh - các loại phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1966)
177	III - Công tác phát triển hợp tác xã, đội mạnh - các loại phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1966)
178	III - Công tác phát triển hợp tác xã, đội mạnh - các loại phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1966)
179	III - Công tác phát triển hợp tác xã, đội mạnh - các loại phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1966)
180	III - Công tác phát triển hợp tác xã, đội mạnh - các loại phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1966)
181	III - Công tác phát triển hợp tác xã, đội mạnh - các loại phát triển kinh tế - xã hội (1961 - 1966)

In 1000 cuốn, khổ 13 x 19cm, tại Xưởng in NX
 Giấy phép xuất bản số 26/VHTT-GP do Sở Văn
 tin tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 1-11-1999.
 In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2000